

Biểu mẫu 18

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học

Năm học 2018-2019

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại:

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại			
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số	55	1.123	12.130	3.568
1	Khối ngành I	1	169		
2	Khối ngành II				
3	Khối ngành III	45	659	6.282	2.640
4	Khối ngành IV			573	
5	Khối ngành V		116	1.861	149
6	Khối ngành VI				
7	Khối ngành VII	9	179	3.414	779

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm:

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
Trình độ đào tạo: Thạc sĩ (**)						
	Tổng số					
1	Khối ngành I	32		13	17	92.3
2	Khối ngành II	108		12	75	100
3	Khối ngành III					
4	Khối ngành IV					
5	Khối ngành V	18		6	9	100
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII	120		6	78	95.7
Trình độ đào tạo: Đại học (***)						
	Tổng số					
1	Khối ngành I					
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III	1331		4.36	48.76	97.71% (SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100 =(1042+26)/1093*100)
4	Khối ngành IV	91		4.40	36.26	97.87% (SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100 =(86+6)/94*100) (****)
5	Khối ngành V	151		1.99	30.46	98.80% (SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100 =(242+4)/249*100) (****)

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII	535		3.55	44.86	98.79% (SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100 =(387+20)/412*100)

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

(**) Theo số liệu tốt nghiệp năm 2016 phân loại tốt nghiệp căn cứ điểm trung bình

(***) Khảo sát năm 2017: khảo sát 2457 sinh viên nhưng chỉ có 1848 sinh viên có trả lời khảo sát (1757 sinh viên có việc làm, 56 sinh viên chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao và 35 sinh viên chưa có việc làm)

(****) Khảo sát sinh viên tốt nghiệp của khóa 2012 trở về trước.

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Trình độ đào tạo: Tiến sĩ					
1	- Chuyên ngành Kinh tế học: http://sdh.ou.edu.vn/pages/view/98-chuong-trinh-dao-tao-tien-si-nam-2017 - Chuyên ngành Quản trị kinh doanh: http://sdh.ou.edu.vn/pages/view/97-chuong-trinh-dao-tao-tien-si-nam-2017 - Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh: http://sdh.ou.edu.vn/pages/view/78-chuong-trinh-dao-tao-tien-si-nam-2017				
Trình độ đào tạo: Thạc sĩ					
2	- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh: http://sdh.ou.edu.vn/pages/view/91-chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nam-2017 - Chuyên ngành Kinh tế học: http://sdh.ou.edu.vn/pages/view/90-chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nam-2017 - Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng: http://sdh.ou.edu.vn/pages/view/96-chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nam-2017 - Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh: http://sdh.ou.edu.vn/pages/view/94-chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nam-2017 - Chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng: http://sdh.ou.edu.vn/pages/view/93-chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nam-2017 - Chuyên ngành Luật Kinh tế: http://sdh.ou.edu.vn/pages/view/59-chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nam-2017				

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nam-2015-nganh-luat-kinh-te - Chuyên ngành Khoa học máy tính: http://sdh.ou.edu.vn/pages/view/77-chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nam-2015---de-cuong-mon-hoc - Chuyên ngành Xã hội học: http://sdh.ou.edu.vn/pages/view/69-chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nam-2016---xa-hoi-hoc - Chuyên ngành Công nghệ sinh học: http://sdh.ou.edu.vn/pages/view/102-chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nam-2018				
Trình độ đào tạo: Đại học					
3	- Ngành Công nghệ sinh học http://ou.edu.vn/cnsh/Pages/noi-dung-chuong-trinh.aspx - Ngành Khoa học máy tính http://it.ou.edu.vn/pages/view/40-nganh-khoa-hoc-may-tinh-khoa-2015 - Ngành Hệ thống thông tin quản lý http://it.ou.edu.vn/pages/view/41-he-thong-thong-tin-kinh-te-2015 - Ngành Công nghệ thông tin http://it.ou.edu.vn/pages/view/47-nganh-cong-nghe-thong-tin-khoa-2017 - Ngành Kế toán http://ou.edu.vn/ktkt/Pages/Chuong-trinh-dao-tao.aspx - Ngành Kiểm toán http://ou.edu.vn/ktkt/Pages/Chuong-trinh-dao-tao.aspx - Ngành Luật http://khoaluat.ou.edu.vn/news/view/130/de-cuong-mon-hoc# (Chỉ xem được khi có tài khoản ou) - Ngành Luật kinh tế http://khoaluat.ou.edu.vn/news/view/130/de-cuong-mon-hoc# (Chỉ xem được khi có tài khoản ou) - Ngành Kinh tế				

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	http://ou.edu.vn/ktqlc/Pages/he-chinh-quy-theo-hoc-che-tin-chi.aspx - Ngành Kinh tế (chuyên ngành Quản lý công) http://ou.edu.vn/ktqlc/AnhHoatDong/2018.7.27-Kinh%20te%20-%20CN%20Quan%20ly%20cong.pdf - Ngành Ngôn ngữ Anh http://ou.edu.vn/nn/Pages/De-cuong.aspx - Ngành Ngôn ngữ Nhật http://ou.edu.vn/nn/Pages/De-cuong.aspx - Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc http://ou.edu.vn/nn/Pages/De-cuong.aspx - Ngành Quản trị kinh doanh http://kqtkd.ou.edu.vn/de-cuong-mon-hoc-khoa-2016-1 - Ngành Quản trị nhân lực http://kqtkd.ou.edu.vn/de-cuong-mon-hoc-khoa-2016-1 - Ngành Kinh doanh quốc tế http://kqtkd.ou.edu.vn/de-cuong-mon-hoc-khoa-2016-1 - Ngành Tài chính - Ngân hàng http://tcnh.ou.edu.vn/de-cuong-ap-dung-tu-2015/ - Ngành Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng http://ce.ou.edu.vn/cong-nghe-ki-thuat-cong-trinh-xay-dung-khoa-2015-2017-1106-view/ - Ngành Quản lý xây dựng http://ce.ou.edu.vn/quan-ly-xay-dung-1107-view/ - Ngành Đông Nam Á học http://ou.edu.vn/xhh/Pages/de-cuong-mon-hoc.aspx - Ngành Xã hội học http://ou.edu.vn/xhh/Pages/de-cuong-mon-hoc.aspx - Ngành Công tác xã hội http://ou.edu.vn/xhh/Pages/de-cuong-mon-hoc.aspx - Ngành Quản trị kinh doanh Chất lượng cao (CLC)				

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	http://kqtkd.ou.edu.vn/de-cuong-mon-hoc-khoa-2016-1 - Ngành Tài chính Ngân hàng CLC http://tcnh.ou.edu.vn/dao-tao/de-cuong-mon-hoc/de-cuong-mon-hoc-chat-luong-cao/ - Ngành Kế toán CLC http://ou.edu.vn/ktkt/Pages/Chuong-trinh-dao-tao.aspx - Ngành Luật kinh tế CLC http://khoaluat.ou.edu.vn/news/view/130/de-cuong-mon-hoc# - Ngành Ngôn ngữ Anh CLC http://ou.edu.vn/nn/Pages/De-cuong.aspx - Ngành Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng CLC http://ce.ou.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-chat-luong-cao-1290-view/ - Ngành Công nghệ sinh học CLC http://ou.edu.vn/cnsh/Pages/noi-dung-chuong-trinh.aspx				

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn (từ tháng 7/2017 đến tháng 6/2018)

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Tác giả	Năm xuất bản
Giáo trình			
1	Luật dân sự -tập 1 -GT-IN	Nguyễn Ngọc Điện	2018
2	Luật dân sự Việt Nam tập 2-GT-IN	Nguyễn Ngọc Điện	2018
3	Kinh doanh ngoại hối-GT-IN	Nguyễn Minh Kiều	2018
4	Di truyền học-GT-IN	Lê Thị Trúc Linh Lê Thị Kính Nguyễn Trần Đồng Phương Hồ Thị Bích Phượng	2018
Tài liệu tham khảo (Tài liệu học tập, tài liệu biên tập)			
1	Nguyên lý kế toán-TLHT-IN	Vũ Hữu Đức	2017
2	Kiểm toán 2-TLHT-PI	Lê Thị Thanh Xuân	2017
3	Luật hiến pháp Việt Nam-TLHT-IN	Trần Thị Mai Phước	2018
4	Luật tổ tụng dân sự Việt Nam-TLHT-IN	Đặng Thanh Hoa	2017
5	Luật tố tụng hình sự Việt Nam-TLHT-IN	Lê Tiến Châu	2017
6	Pháp luật đại cương-TLHT-IN	Bùi Ngọc Tuyền	2018
7	Dự báo trong kinh doanh-TLHT-IN	Nguyễn Quang Trung	2018
8	Kinh doanh quốc tế-TLHT-IN	Trịnh Thùy Anh, Ngô Kim Trâm Anh, Trương Mỹ Diễm	2017
9	Quản trị bán hàng-TLHT-IN	Hà T. Thùy Dương	2017
10	Quản trị dự án-TLHT-IN	Trịnh Thùy Anh	2018
11	Quản trị học-TLHT-IN	Trịnh Thùy Anh	2018
12	Hành vi tổ chức-TLHT-IN	Nguyễn Quang Vinh	2017
13	Phân tích báo cáo tài chính-TLHT-IN	Võ Minh Long	2018
14	An sinh xã hội-TLHT-PI	Huỳnh Minh Hiền	2017
15	Quản trị công tác xã hội-TLHT-IN	Lê Chí An	2017
16	Tâm lý học đại cương-TLHT-IN	Trần Thị Thanh Trà	2017

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Tác giả	Năm xuất bản
17	Xã hội học lối sống-TLHT-IN	Lâm Thị Ánh Quyên	2018
18	Các tộc người ở Đông Nam Á-TLHT-IN	Đặng Thị Quốc Anh Đào	2018
19	Luyện dịch 1-TLHT-IN	Phạm Vũ Phi Hổ	2018
20	Cấu trúc dữ liệu-TLHT-IN	Lê Xuân Trường	2018
21	Toán tin học-TLHT-IN	Lê Xuân trường Trương Hoàng Vinh	2017
22	Lập trình giao diện-TLHT-IN	Nguyễn Thị Mai Trang	2018
23	Lập trình web-TLHT-IN	Tô Oai Hùng	2018
24	Công nghệ gen-TLHT-IN	Lê Huyền Ái Thúy	2018
25	Tổ chức và quản lý thi công xây dựng-TLBT-IN	Ngô Quang Tường	2017
26	Xã hội học-TLBT-IN	Nguyễn Xuân Nghĩa	2017
Tài liệu tham khảo khác			Năm sử dụng đầu tiên
1	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán-LHNB-IN	Nguyễn Thị Cát Tường	2017
2	Luật kinh tế-LHNB-IN	Nguyễn Thị Thúy Nga,Trần Anh Thục Đoan,Lê Thị Tuyết Hà	2018
3	Phương pháp nghiên cứu luật học-LHNB-IN	Lê Thị Hồng Nhung	2018
4	Quản trị du lịch-LHNB-PI	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	2018
5	Marketing Dịch Vụ-LHNB-IN	Nguyễn Trần Cẩm Linh	2018
6	Tin học chuyên ngành xây dựng-LHNB-IN	Trần Trung Dũng	2018
7	Phân tích định lượng trong quản lý xây dựng-LHNB-PI	Nguyễn Thanh Phong	2017
8	Hướng dẫn thí nghiệm cơ học đất-LHNB-PI	Trần Thanh Danh	2017
9	Công tác xã hội với người khuyết tật-	Nguyễn Thụy Diễm Hương	2018

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Tác giả	Năm xuất bản
	LHNB-IN	Nguyễn Kim Thanh	
10	Phát triển cộng đồng-LHNB-IN	Lê Thị Mỹ Hiền	2018
11	Xã hội học nông thôn-LHNB-PI	Bùi Nhật Phong	2017
12	Paragraph Writing (Viết 1)-LHNB-IN	Lê Phương Thảo	2018
13	Biên dịch thương mại tiếng Nhật-LHNB-IN	Chu Vũ Như Nguyễn	2018
14	Hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học-LHNB-IN	Nguyễn Minh Hoàng	2018
15	Answerkey: Translation & Interpretation-TBG-IN	Phạm Vũ Phi Hổ	2017

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp (từ tháng 7/2017 đến 6/2018)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Trình độ đào tạo: Tiến sĩ				
1	Mối quan hệ giữa hình tượng của hiệu, nhân cách của hiệu với lòng trung thành của khách hàng đối với cửa hiệu: Vai trò điều tiết của văn hóa cá nhân	Nguyễn Lê Thái Hòa	PGS.TS. Hoàng Thị Phương Thảo PGS.TS. Phạm Ngọc Thúy	Nội dung tóm tắt luận văn tiến sĩ xem tại: http://thuvien.ou.edu.vn/Default.aspx?ModuleId=00000001-0000-0000-0000-000000000015
2	Nghiên cứu hiệu quả kỹ thuật của doanh nghiệp	Vũ Thịnh Trường	TS. Võ Hồng Đức TS. Lê Thị Thanh Loan	
Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, chuyên ngành: Kinh tế học				
1	Phân tích chuỗi giá trị ngành khoai mì (sắn) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Nguyễn Tấn Phát	PGS.TS. Lê Bảo Lâm	Nội dung tóm tắt luận văn thạc sĩ xem tại: http://thuvien.ou.edu.vn/Default.aspx?ModuleId=00000001-0000-0000-0000-000000000015
2	Các giải pháp cải thiện nợ thuế của doanh nghiệp tại tỉnh Bình Thuận	Nguyễn Thị Phương Dung	TS. Hà Minh Trí	
3	Phân tích tác động của chính sách khuyến công đến quy mô của cơ sở công nghiệp nông thôn ở Bình Thuận	Văn Thị Thanh Chi	TS. Hà Minh Trí	
4	Thuế và chi tiêu công các quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 1990 - 2014	Nguyễn Tài	PGS.TS. Nguyễn Thuần	
5	Mối quan hệ giữa tăng trưởng đầu tư tư nhân và đầu tư nhà nước trong quá	Võ Kiến Quốc	TS. Phạm Đình Long	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	trình công nghiệp hóa ở Việt Nam			
6	Tác động của tự do kinh tế đến tăng trưởng kinh tế	Nguyễn Thái Cường	TS. Phạm Đình Long	
7	Các yếu tố tác động đến đô la hóa tài chính ở các quốc gia thuộc khu vực ASEAN+6	Trần Tuấn Anh	PGS.TS. Hạ Thị Thiều Dao	
8	Các yếu tố tác động đến kim ngạch xuất khẩu của tỉnh Bình Phước	Tạ Hùng Dũng	TS. Nguyễn Văn Sơn	
9	Tìm hiểu nguyên nhân tiêu thương không vào chợ để kinh doanh tại tỉnh Bình Thuận	Trần Văn Khanh	TS. Nguyễn Quang Trung	
10	Tác động của ODA đến tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh vùng Duyên hải miền Trung	Ngô Tấn Lực	TS. Lê Thái Thường Quân	
11	Tác động của giáo dục đến tăng trưởng kinh tế của các tỉnh thành khu vực miền Trung	Lương Thị Mai Nhân	TS. Phạm Đình Long	
12	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh khối trung học phổ thông trên địa bàn huyện Châu Thành tỉnh Tây Ninh	Phạm An Chiến	PGS.TS. Lê Bảo Lâm	
13	Tác động của tự do thương mại đến tăng trưởng kinh tế các nước TPP giai đoạn 2004 - 2013	Vũ Thị Thanh Huyền	PGS.TS. Nguyễn Văn Ngải	
14	Tác động của thị	Lâm Thanh	PGS.TS. Lê	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	trường chứng khoán đến tăng trưởng kinh tế tại các nước Đông Nam Á	Bình	Phan Thị Diệu Thảo	
15	Tác động của chi đầu tư xây dựng cơ bản đến tăng trưởng kinh tế vùng kinh tế trọng điểm phía Nam giai đoạn 2005 - 2014	Lê Ngọc Nha	PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc	
16	Các nhân tố tác động đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Long An	Bùi Thị Hoàng Oanh	TS. Phan Hiền Minh	
17	Tác động của ngành thông tin di động đến tăng trưởng kinh tế của một số quốc gia trên thế giới	Trần Ngọc Thái	TS. Trần Anh Tuấn	
18	Quyền quyết định của phụ nữ với giáo dục và sức khỏe trẻ em trong hộ gia đình nông thôn Việt Nam	Lê Thị Ngọc Huệ Kha	TS. Võ Tất Thắng	
19	Tác động của lạm phát đến tăng trưởng tại Việt Nam giai đoạn 2004 - 2015	Nguyễn Thị Tuy Phô	TS. Phạm Thị Bích Ngọc	
20	Di cư đến TP.HCM: Lựa chọn từ góc nhìn của người di cư và gia đình - Trường hợp xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	Hồ Thanh Trúc	TS. Lê Hồ Phong Linh	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
21	Nguồn gốc tăng trưởng kinh tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 1994 - 2015	Mai Xuân Muôn	PGS.TS. Nguyễn Văn Ngải	
22	Tác động của kiều hối đối với giáo dục của trẻ em ở hộ gia đình Việt Nam	Đào Võ Thu Thủy	PGS.TS. Đinh Phi Hồ	
23	Phân tích khả năng trả nợ của hộ vay vốn nuôi trồng thủy sản trên địa bàn Tiền Giang	Lê Ngô Diễm Lân	TS. Nguyễn Hữu Dũng	
24	Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến bất bình đẳng thu nhập tại các vùng của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2015	Nguyễn Phan Hạnh Nguyên	TS. Dương Quỳnh Nga	
25	Tác động của FDI đến việc làm ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	Nguyễn Thanh Hải	TS. Trần Anh Tuấn	
26	Phân tích vai trò và giá trị kinh tế của thương lái đang hoạt động xay xát tại huyện Cai Lậy, huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang	Nguyễn Thanh Duy	PGS.TS. Trần Tiến Khai	
27	Tác động của hoạt động ngân hàng đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam	Nguyễn Ngọc Hương Mai	TS. Trần Anh Tuấn	
28	Tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị Đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2004 - 2014	Dương Thị Hồng Vân	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
29	Phân tích tác động của tăng trưởng tín dụng đối với tăng trưởng kinh tế ở một số nước ASEAN giai đoạn 2000 - 2016	Bùi Trần Hải Đăng	PGS.TS. Nguyễn Minh Kiều	
30	Các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng thất nghiệp của phụ nữ từ 35 tuổi đến 55 tuổi tại khu liên hợp công nghiệp Phước Đông - Bời lời	Huỳnh Thanh Phong	PGS.TS. Đoàn Thị Mỹ Hạnh	
31	Nghiên cứu sự khác biệt thu nhập giữa hộ nông với hộ ngư dân trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	Huỳnh Văn Hùng	PGS.TS. Đinh Phi Hổ	
32	Mối quan hệ giữa dòng vốn ngoại và thị trường chứng khoán Việt Nam	Kiều Minh Trí	PGS.TS. Lê Phan Thị Diệu Thảo	
33	Marketing địa phương nhằm thu hút khách du lịch đến TP.HCM	Phạm Thị Cẩm Tú	PGS.TS. Hoàng Thị Phương Thảo	
34	Đóng góp của phụ nữ trong kinh tế hộ gia đình trên địa bàn huyện Trảng Bàng Tây Ninh	Phan Thị Châu	PGS.TS. Hoàng Thị Phương Thảo	
35	Tác động của đầu tư trực tiếp ngoài đến sự phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân trong nước	Nguyễn Như Ngọc	PGS.TS. Nguyễn Thuần	
36	Các yếu tố tác động đến tỷ lệ giảm giá trong đấu thầu đầu tư công tại tỉnh	Nguyễn Thế Trong	TS. Nguyễn Thanh Nguyên	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Long An			
37	Tác động tài chính vì mô đến thu nhập của hộ nghèo tại tỉnh Bình Dương	Đặng Minh Luân	PGS.TS. Đinh Phi Hổ	
38	Đánh giá của cán bộ, công chức về hiệu quả quản trị hành chính công tại các huyện trong tỉnh Long An	Quách Thị Thu Ngọc	TS. Nguyễn Thanh Nguyên	
39	Các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu y tế của hộ gia đình (Trường hợp TP.HCM và TP. Hà Nội)	Nguyễn Quang Giáp	PGS.TS. Đinh Phi Hổ	
40	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng dịch vụ khai thuế, nộp thuế điện tử qua đánh giá của doanh nghiệp trên địa bàn huyện Đức Hòa	Nguyễn Vinh Hạnh	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	
41	Ảnh hưởng của hóa chất nông nghiệp đến năng suất cây lúa tỉnh An Giang	Nguyễn Quốc Thái	TS. Nguyễn Hữu Dũng	
42	Sự khác biệt thu nhập giữa nông hộ trong và ngoài xã đạt chuẩn nông thôn mới huyện Bến Cầu	Nguyễn Tấn Phúc	TS. Lê Thị Thanh Loan	
43	Tác động của chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến thu nhập của nông hộ tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Lê Thị Sung	TS. Lê Thị Thanh Loan	
44	Đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng	Đỗ Vũ Tuyết	TS. Phạm Thị	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	trường năng suất yếu tố tổng hợp: Trường hợp các quốc gia đang phát triển	Mai	Bích Ngọc	
45	Ước lượng độ co giãn của cầu đối với sản phẩm sữa ở Việt Nam	Nguyễn Thị Lệ	PGS.TS. Nguyễn Văn Ngải	
46	Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ tiết kiệm của hộ gia đình Việt Nam	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TS. Nguyễn Văn Sơn	
47	Thương mại điện tử B2C tác động đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	Nguyễn Minh Trí	PGS.TS. Hoàng Thị Phương Thảo	
48	Tác động của thực thi phúc lợi lao động đến năng suất lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam	Đỗ Thị ngọc Vân	TS. Lê Văn Chơn	
49	Mối quan hệ giữa các thành phần chi tiêu công và thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam	Nguyễn Thị Mỹ Hà	PGS.TS. Nguyễn Thuần	
50	Các yếu tố tác động đến di cư việc làm khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung	Đào Thị Kim Thanh	TS. Lê Thị Thanh Loan	
51	Vốn Xã hội của người di cư đến TP.HCM: Phân tích dưới góc độ hạnh phúc cuộc sống	Đoàn Hồ Diệu Linh	PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc	
52	Ý định quay về quê nhà của người lao động nhập cư vào TP.HCM	Nguyễn Quang Thái	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
53	Phân tích tác động của việc tham gia thị trường xuất khẩu đến năng suất lao động của doanh nghiệp trong ngành công nghiệp chế biến và chế tạo	Bùi Văn Khắc	TS. Phạm Đình Long	
54	Các nhân tố tác động đến tình trạng học sinh bỏ học ở cấp trung học cơ sở trên địa bàn huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Phạm Trần Phú	PGS.TS. Trần Tiến Khai	
55	Những yếu tố tác động đến lượng xuất khẩu của Việt Nam tới 39 đối tác thương mại	Lã Đức Tuấn	PGS.TS. Nguyễn Minh Đức	
56	Ảnh hưởng của hỗ trợ thương mại vào xuất khẩu: Trường hợp các quốc gia thu nhập thấp và trung bình xuất khẩu thủy sản vào thị trường Mỹ	Trương Thị Thùy Trang	TS. Phạm Thị Bích Ngọc	
57	Phân tích sự khác biệt tiền lương giữa lao động khu vực kinh tế chính thức và phi chính thức tại TP.HCM	Đoàn Trường An	TS. Dương Quỳnh Nga	
58	Các nhân tố tác động đến nhu cầu đào tạo nghề của thanh niên trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Nguyễn Nữ Thanh Tuyền	TS. Dương Quỳnh Nga	
59	Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tạo việc làm của các doanh nghiệp trong	Huỳnh Mỹ Hằng	TS. Lê Thị Thanh Loan	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	ngành điện - điện tử			
60	Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia mô hình "Cánh đồng lớn" của hộ sản xuất lúa tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	Trần Văn Trí	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	
61	Ứng dụng phương pháp hedonic xác định giá căn hộ tại TP.HCM	Phan Quốc Hùng	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	
62	Các yếu tố tác động đến việc lựa chọn công nghệ tưới nhỏ giọt của các hộ nông dân trồng nho ở Ninh Thuận	Phạm Đức Nam	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	
63	Phân tích chuỗi giá trị mè đen tại tỉnh Bình Thuận	Ngô Thái Sơn	TS. Nguyễn Thanh Nguyên	
64	Tác động của tín dụng ngân hàng đến tăng trưởng kinh tế các quốc gia khu vực Đông Nam Á	Nguyễn Thị Vân Anh	PGS.TS. Hạ Thị Thiệu Dao	
65	Giá cả phê thế giới ảnh hưởng đến giá cả phê Việt Nam	Phạm Quỳnh Chi	PGS.TS. Nguyễn Văn Ngãi	
66	Ảnh hưởng của chi đầu tư phát triển đến tăng trưởng kinh tế các tỉnh thành thuộc vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam	Trương Thị Chí	PGS.TS. Nguyễn Văn Ngãi	
67	Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến năng suất yếu tố tổng hợp các nước ASEAN	Phạm Trung Kiên	PGS.TS. Nguyễn Văn Ngãi	
68	Tác động của thuế	Nguyễn Thị	PGS.TS. Nguyễn	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	đến tăng trưởng kinh tế ở khu vực Đông Nam Á	Guong	Văn Ngai	
69	Các yếu tố ảnh hưởng đến thương mại nội ngành hàng dệt may của Việt Nam sang một số nước thành viên APEC giai đoạn 2000 - 2015	Nguyễn Thị Thủy Tiên	TS. Phạm Đình Long	
70	Tác động của tự do hóa thương mại đến doanh thu thuế - Nghiên cứu trường hợp các nước đang phát triển ở Châu Á	Ngô Thị Tân Huyền	TS. Phạm Đình Long	
71	Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của công nhân nhập cư làm việc tại các khu công nghiệp trên địa bàn TP.HCM	Nguyễn Sinh Minh Trung	TS. Nguyễn Văn Sơn	
72	Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút FDI tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	Vũ Ngọc Tú	TS. Nguyễn Thanh Nguyên	
73	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng xuất khẩu sản phẩm từ dừa tỉnh Bến Tre giai đoạn 2005 - 2015	Lê Nguyễn Tường Vi	TS. Lê Thái Thường Quân	
74	Tác động của năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp: Nghiên cứu vùng Bắc Trung Bộ	Nguyễn Thị Vân Anh	TS. Lê Thái Thường Quân	
75	Phân tích những	Nguyễn Đức	PGS.TS. Nguyễn	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	yếu tố nội tại của doanh nghiệp ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp tại tỉnh Bình Thuận	Vĩnh Tuyên	Thuần	
76	Tác động của nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến cán cân thương mại các nước khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2000 - 2016	Đỗ Thị Thu Kiều	TS. Nguyễn Thanh Nguyên	
77	Tác động của đa dạng hóa nghề nghiệp đến thu nhập của hộ gia đình nông thôn huyện Gò Công Đông tỉnh Tiền Giang	Ngô Trường Duy	PGS.TS. Trần Tiến Khai	
78	Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập từ sử dụng vốn vay của nông hộ trong các mô hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An	Trịnh Quang Thắng	TS. Nguyễn Thanh Nguyên	
79	Mối quan hệ giữa sức khỏe và tăng trưởng kinh tế: Nghiên cứu trường hợp các nước ASEAN	Trần Hoàng Phú	TS. Lê Thị Thanh Loan	
80	Ước lượng hàm cầu về nhóm mặt hàng thịt cá của các hộ gia đình Việt Nam	Huỳnh Công Toại	TS. Phạm Đình Long	
81	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách khi đến với dịch vụ du lịch sinh thái tỉnh Ninh Bình	Hoàng Thị Ngọc	GS.TS. Hồ Đức Hùng	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
82	Tác động quá trình đô thị hóa tới tăng trưởng kinh tế tại các địa phương của Việt Nam	Trần Thị Mến	PGS.TS. Nguyễn Văn Ngải	
Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, chuyên ngành Lý luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn Tiếng Anh				
1	Young learners' perceptions on their teachers' motivational strategies in English classrooms: A case study at Chu Van An primary school	Đinh Thị Cẩm Loan	TS. Lê Hoàng Dũng	Nội dung tóm tắt luận văn thạc sĩ xem tại: http://thuvien.ou.edu.vn/Default.aspx?ModuleId=00000001-0000-0000-0000-000000000015
2	Enhancing English speaking skill through project-based learning at Alphabet language center	Hồ Kim Thuý	PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng	
3	English teachers' cultural dimension and its implication to teachers' oral interaction in english classes in Ho Chi Minh City	Nguyễn Thị Thanh Hiền	TS. Lê Hoàng Dũng	
4	An investigation into reading comprehension strategies reported by english major freshmen at Nong Lam University	Nguyễn Minh Trang	TS. Bùi Thị Thục Quyên	
5	The relationship between teacher cognition and classroom practices in	Nguyễn Minh Hoàng	TS. Nguyễn Thúy Nga	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	english speaking instruction: An investigation at Europe Vietnam America English language center			
6	Students' attitudes towards the project works in enhancing autonomous learning in English speaking II at Vien Dong College	Trương Thị Thanh Cảnh	TS. Nguyễn Thúy Nga	
7	The attitudes of engineering students at Cao Thang Technical College towards task-based activities in reading comprehension	Nhâm Chí Bửu	TS. Phạm Nguyễn Huy Hoàng	
8	Willingness to communicate in english inside EFL classroom among Vietnamese High school students: A case study at Tran Hung Dao High school, HCM City	Trần Hồ Thuý Hường	TS. Bùi Thị Thục Quyên	
9	Effects of mind mapping on freshman's reading comprehension ability at HCM City University of Transport	Ngô Thị Phương Thảo	PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng	
10	The effects of Lextutor in dealing with vocabulary in intensive reading	Trần Thị Ngọc Hương	PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	at Dong Thap Community College			
11	An investigation into the impact of project-based learning on learning motivation and speaking skills of EFL learners at FPT learners Jetking Academy	Nguyễn Thị Thuỷ	TS. Đinh Thị Minh Hiền	
12	An error analysis of english narrative paragraphs written by students at Vietnam Forestry University - Campus 2 in Dong Nai Province	Lê Thị Thanh Minh	TS. Nguyễn Hoàng Tuấn	
13	The effects of moodle activities on students' writing performance at Tien Giang University	Võ Thị Minh Duệ	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ	
14	The impacts of using powerpoint presentations to assist deductive and inductive grammar teaching on Van Lang University first year english majors' achievement of grammatical knowledge	Đường Thanh Hùng Đức	TS. Phan Thế Hưng	
15	The effects of video-	Nguyễn Thị Bích Thu	TS. Huỳnh Công Minh Hùng	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	conversation on english listening Comprehension: an investigation on pre-intermediate Students at north american (nis) english center			
16	An investigation into language learning strategy use among students at Ernst Thalmann high school	Văn Thành Minh Trung	TS. Nguyễn Thúy Nga	
17	Oral corrective feedback in EFL communication classes: Teachers' beliefs and students' preferences	Lê Thị Minh Sang	PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng	
18	The employment of metacognitive reading strategies by Tesol Postgraduates intakes 9 and 10 at Ho Chi Minh City Open University	Nguyễn Thị Thu Thủy	PGS.TS. Phạm Vũ Phi Hồ	
Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng				
1	Phân tích các yếu tố tác động đến tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam	Nguyễn Ngọc Viễn	PGS.TS. Nguyễn Minh Kiều	Nội dung tóm tắt luận văn thạc sĩ xem tại: http://thuvien.ou.edu.vn/Default.aspx?ModuleId=00000001-0000-0000-0000-000000000015
2	Tác động lẫn nhau của sự thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài và lợi nhuận chứng khoán bất thường trên sàn chứng khoán HOSE	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	PGS.TS. Võ Xuân Vinh	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
3	Các yếu tố quyết định giá trị cổ đông của các ngân hàng tại Việt Nam	Trần Thị Liên	PGS.TS. Võ Xuân Vinh	
4	Tác động của tăng trưởng và cơ cấu vốn đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng TMCP tại Việt Nam	Nguyễn Hoàng Minh	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	
5	Các yếu tố tác động đến tỷ lệ thu nhập lãi thuần của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam	Nguyễn Tiến Cương	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	
6	Độ nhạy đầu tư - dòng tiền của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam	Nguyễn Thành Hiếu	PGS.TS. Võ Xuân Vinh	
7	Phản ứng của thị trường khi doanh nghiệp công bố thông tin phát hành trái phiếu: Nghiên cứu trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn Thị Phương Dung	PGS.TS. Võ Xuân Vinh	
8	Ảnh hưởng của tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đến hiệu quả thông tin giá chứng khoán ở Việt Nam	Bùi Thị Nhân	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	
9	Tác động của đa dạng hóa đến rủi ro và hiệu quả hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam	Trần Thị Kim Loan	TS. Phạm Phú Quốc	
10	Tác động của dòng tiền đến sự thay đổi lượng tiền mặt của các doanh nghiệp	Tổng Mai Trâm	PGS.TS. Võ Xuân Vinh	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam			
11	Tác động của chất lượng báo cáo tài chính và kỳ hạn nợ lên hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Võ Thị Mến	PGS.TS. Võ Thị Quý	
12	Phản ứng thị trường khi có thông tin ngân hàng nhà nước thay đổi tỷ giá hối đoái: Bằng chứng thực nghiệm trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Khúc Minh Triết	PGS.TS. Nguyễn Thuần	
13	Thanh khoản, biến động lợi nhuận và tỷ suất sinh lợi: Nghiên cứu trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn Minh Nguyệt	PGS.TS. Võ Xuân Vinh	
14	Nghiên cứu quản trị lợi nhuận trước và sau khi phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Nguyễn Thị Xuân Kiều	PGS.TS. Vũ Hữu Đức	
15	Tác động của rủi ro tín dụng đến lợi nhuận cận biên ròng của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Đào Nguyễn Thúy Anh	TS. Nguyễn Thị Thùy Linh	
16	Ảnh hưởng của sở hữu quản lý và sở hữu cổ phần lớn bên	Phạm Thị Mỹ Duyên	TS. Nguyễn Văn Thuận	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	ngoài đến cấu trúc vốn của các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM			
17	Các nhân tố ảnh hưởng đến tín dụng thương mại: Bằng chứng thực nghiệm tại các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam	Lê Thị Hạnh Nguyệt	PGS.TS. Nguyễn Minh Kiều	
18	Ảnh hưởng của độ tin cậy báo cáo tài chính đến hiệu quả đầu tư của các công ty trên sàn chứng khoán TP.HCM	Võ Thị Anh Tú	TS. Nguyễn Văn Thuận	
19	Đánh giá các mô hình định giá tài sản tại thị trường chứng khoán Việt Nam	Mai Thị Diệu	PGS.TS. Võ Xuân Vinh	
20	Sự biến động thu nhập của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Lê Trần Minh Tường	PGS.TS. Võ Xuân Vinh	
21	Các yếu tố ảnh hưởng đến né tránh thuế của các doanh nghiệp Việt Nam niêm yết trên sàn HOSE	Nguyễn Tấn Tiến	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	
22	Tác động của né tránh thuế, sở hữu tổ chức đến chính sách nợ của các doanh nghiệp được niêm yết trên sàn HOSE	Trần Thị Phương Trang	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	
23	Rủi ro phá sản và các yếu tố liên quan: Góc nhìn từ Việt Nam	Nguyễn Quang Hưng	TS. Võ Hồng Đức	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
24	Ảnh hưởng của vốn luân chuyển đến khả năng sinh lợi của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam	Lê Thị Đoan Trang	TS. Lê Thị Khoa Nguyên	
25	Ảnh hưởng hạn chế tài chính đến quyết định nắm giữ tiền mặt của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam	Phan Đình Quế Trân	TS. Phạm Hà	
26	Biến động tỷ giá đến tiêu dùng và xuất khẩu nhóm hàng chủ lực của Việt Nam sử dụng SVAR	Phan Minh Văn	TS. Võ Hồng Đức	
27	Ảnh hưởng của mở rộng chi nhánh lên hiệu quả hoạt động của ngân hàng: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam	Nguyễn Thị Tố Trinh	PGS.TS. Nguyễn Minh Kiều	
28	Mối quan hệ giữa đạo đức kinh doanh và giá trị cổ phiếu của các doanh nghiệp tại Việt Nam	Lê Thị Huyền Linh	TS. Phạm Phú Quốc	
29	Biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam trước sự kiện FOMC công bố lãi suất mục tiêu của FED	Hồ Thị Anh Thư	TS. Trần Lương Anh	
30	The empirical evidence of Weighted Cross-Sectional Variance model in measuring herding behavior in the Vietnamese	Phạm Thị Thanh An	TS. Dương Minh Châu	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Stock Market			
31	Phân tích tác động của thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam	Dương Công Thảo	TS. Nguyễn Vũ Hồng Thái	
32	Hình thức chi trả cổ tức tác động đến giá trị doanh nghiệp của các công ty niêm yết trên sàn HOSE	Nguyễn Thị Phương Thảo	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	
33	Tác động thu nhập ngoài lãi đến rủi ro hoạt động ngân hàng	Trần Thị Bích Viên	TS. Nguyễn Vũ Hồng Thái	
34	Corporate financial distress models: A comparision of the two approaches	Trần Hồng Vũ	TS. Võ Hồng Đức	
35	Tác động của vốn sở hữu nước ngoài đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Lê Tuấn Thanh	PGS.TS. Nguyễn Minh Kiều	
Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, chuyên ngành Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp				
1	Nghiên cứu tác động của lực ma sát âm lên cọc ép trong nền đất mới san lấp của công trình dân dụng tỉnh Đồng Tháp	Trương Minh Thế	PGS.TS. Dương Hồng Thắm	Nội dung tóm tắt luận văn thạc sĩ xem tại: http://thuvien.ou.edu.vn/Default.aspx?ModuleId=00000001-0000-0000-0000-000000000015
2	Phân tích phi tuyến khung thép phẳng chịu địa chấn có xét đến biến dạng nền sử dụng phương pháp tính MPA và CSM kết hợp	Đặng Trần Hoài Ân	TS. Nguyễn Hồng Ân	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
3	Nghiên cứu cổ kết 1 chiều đất yếu tại một số khu vực TP.HCM, có xét đến sự thay đổi tính thấm theo thời gian	Lê Bá Nam	PGS.TS. Dương Hồng Thắm	
4	Ước tính khả năng chịu tải trọng cho phép của cọc khoan nhồi sử dụng mô phỏng Plaxis kết hợp lý thuyết độ tin cậy FORM	Dương Tấn Tài	PGS.TS. Dương Hồng Thắm	
5	Các yếu tố ảnh hưởng tới sự hài lòng của kỹ sư xây dựng làm việc tại công ty TNHH Bạch Kim Toàn Cầu	Phạm Vũ Quỳnh Thảo	PGS. TS. Nguyễn Thống	
6	Dùng mô hình hồi quy dự báo chi phí thực hiện các dự án xây dựng thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn huyện Cần Giờ, TP.HCM	Thái Tân Dương	TS. Đinh Công Tịnh	
7	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự chậm trễ tiến độ dự án đường giao thông nông thôn tại tỉnh Đồng Tháp	Lưu Hớn Lộc	PGS. TS. Nguyễn Thống	
8	Nhận dạng các nhân tố ảnh hưởng đến sự trễ tiến độ các chung cư cao cấp tại địa bàn TP.HCM	Nguyễn Bùi Việt	PGS. TS. Nguyễn Thống	
9	Thiết kế tối ưu đa mục tiêu dựa trên độ tin cậy cho kết	Lê Quang Hoà	PGS.TS. Nguyễn Thời Trung	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	cầu móng cọc			
10	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng trong công việc của kỹ sư xây dựng làm việc tại ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh	Châu Đoàn Quang Vinh	PGS.TS. Lưu Trường Văn	
11	Ứng xử động tẩm composite đa lớp trên nền có độ cứng biến thiên lượng giác dùng phương pháp phần tử chuyển động	Lê Doãn Anh	PGS.TS. Lương Văn Hải	
12	Ứng dụng phương pháp MEM trong phân tích động lực học tẩm FGM chịu tải điều hòa di động	Nguyễn Thị Thu Trâm	PGS.TS. Lương Văn Hải	
13	Phân tích phi tuyến hình học tẩm đa lớp dùng lý thuyết biến dạng cắt bậc ba và phần tử tứ giác tron MISQ20	Huỳnh Văn Châu	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu	
14	Nghiên cứu ảnh hưởng của hạt nano silica và sợi polyme trong kết cấu bê tông	Đoàn Duy Khánh	TS. Lê Anh Tuấn	
15	Phân tích động lực học kết cấu nội lớn chịu tải trọng xung bằng phương pháp kết hợp phần tử hữu hạn và phần tử biên	Huỳnh Phước Trường	PGS.TS. Lương Văn Hải	
16	Nghiên cứu ảnh hưởng việc thi công công trình hố đào lên biến dạng và ổn	Bá Văn Hùng	PGS.TS. Trần Tuấn Anh	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	định đất nền xung quanh tại công trình Vietinbank Nguyễn Trãi, Quận 5			
17	Đánh giá khả năng nâng cao sức chịu tải cọc khoan nhồi bằng phương pháp phụt vữa thành biên trên cơ sở thí nghiệm O-cell	Nguyễn Phúc Bình An	PGS.TS. Trần Tuấn Anh	
18	Nghiên cứu ảnh hưởng hiệu ứng góc trong quá trình thi công tầng hầm công trình khách sạn Majestic Quận 1, TP.HCM	Nguyễn Công Hưng	PGS.TS. Trần Tuấn Anh	
19	Nghiên cứu hiệu quả gia cường của phụ gia DB500 lên ổn định và biến dạng của đường hầm quân sự tại trường sĩ quan Công binh - Bình Dương	Đỗ Văn Dũng	PGS.TS. Trần Tuấn Anh	
20	Phân tích phi tuyến dao động tham số của tấm có chiều dày thay đổi đặt trên nền đàn hồi Winkler bằng phương pháp ma trận độ cứng động lực	Phạm Văn Lâm	PGS.TS. Nguyễn Thị Hiền Lương	
21	Nghiên cứu lựa chọn quy trình kích thước trong thiết kế hệ chống vách tường vây dự án nhà ga Ba Son, Quận 1	Nguyễn Hữu Phúc	PGS.TS. Dương Hồng Thắm	
22	Đánh giá mức độ tin cậy của trị số SPT trong tính toán khả năng chịu tải của	Trương Như Mạnh	PGS.TS. Dương Hồng Thắm	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	cọc đúc sẵn hạ vào đất dính ở Quận 1, TP.HCM			
23	Phân tích ứng xử giữa đất nền và tường vây hố đào cho công trình khu vực Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Hồng Nguyên	TS. Trần Thanh Danh	
24	Ảnh hưởng của các dạng dao động cao lên thành phần động của tải gió trong phân tích nhà nhiều tầng	Võ Tấn Duy	PGS. TS. Nguyễn Trọng Phước	
Trình độ đào tạo: Thạc sĩ, chuyên ngành Quản trị kinh doanh				
1	Ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo tạo sự thay đổi đến hiệu quả làm việc nhóm của nhân viên trong ngành công nghệ thông tin tại TP.HCM	Lê Cao Cường	TS. Trịnh Thùy Anh	Nội dung tóm tắt luận văn thạc sĩ xem tại: http://thuvien.ou.edu.vn/Default.aspx?ModuleId=00000001-0000-0000-0000-000000000015
2	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định học tập trực tuyến của người đi làm ở Việt Nam	Phạm Nguyễn Anh Minh	PGS.TS. Hoàng Thị Phương Thảo	
3	Ảnh hưởng của chất lượng mối quan hệ đến ý định mua lặp lại trực tuyến của khách hàng tại TP.HCM	Lý Thị Phòng	TS. Cao Minh Trí	
4	Tác động của truyền thông xã hội đến ý định mua của người tiêu dùng tại TP.HCM	Trần Thị Phương Hà	TS. Vân Thị Hồng Loan	
5	Đo lường chất lượng dịch vụ bảo hành và sự hài lòng	Phan Trọng Nghĩa	PGS.TS. Hoàng Thị Phương	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	của khách hàng sử dụng sản phẩm của công ty phần mềm Anh Quân		Thảo	
6	Đánh giá của nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng công việc của tân cử nhân nhóm ngành kinh tế trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM	Trần Thị Bền	PGS.TS. Hoàng Thị Phương Thảo	
7	Các nhân tố gây ra xung đột có hại tại bộ phận tín dụng vay tiêu dùng cá nhân trong ngân hàng	Đặng Thị Xuân Hương	TS. Vũ Việt Hằng	
8	Ảnh hưởng nhận thức của nhân viên và khách hàng về hoạt động trách nhiệm xã hội của hệ thống siêu thị Co.opmart đến sự cam kết và lòng trung thành	Trần Chung Tuấn	PGS.TS. Phạm Ngọc Thúy	
9	Năng lực quản lý tri thức và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại TP.HCM	Nguyễn Vũ Thắng	TS. Võ Hồng Đức	
10	Tác động của đa dạng hóa lực lượng nhân viên đến kết quả công việc của nhân viên tại TP.HCM	Bùi Mạnh Hùng	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	
11	Tải cấu trúc công việc ảnh hưởng đến sự gắn kết công việc và kết quả công việc cá nhân của nhân	Nguyễn Cường	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	viên các ngân hàng thương mại Việt Nam tại TP.HCM			
12	Sự tác động của bao bì đến giá trị cảm nhận và ý định tiêu dùng đặc sản địa phương	Lê Thị Tú Trâm	PGS.TS. Hoàng Thị Phương Thảo	
13	Xây dựng chiến lược kinh doanh cho công ty cổ phần Intimex Bình Dương giai đoạn năm 2017-2021	Nguyễn Hoàng Ngọc Diệp	TS. Cao Minh Trí	
14	Đánh giá chất lượng dịch vụ tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại nước ngoài của Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (ITPC)	Nguyễn Khánh	TS. Cao Minh Trí	
15	Trí tuệ cảm xúc tác động đến hiệu quả làm việc cá nhân thông qua sự hài lòng công việc tại công ty TNHH dược phẩm và thiết bị y tế Hoàng Đức	Ngô Thị Bích Trâm	TS. Cao Minh Trí	
16	Mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội, chất lượng dịch vụ, niềm tin và ý định mua hàng của khách hàng tại hệ thống siêu thị Coopmart	Vương Nguyễn Thanh Tâm	TS. Vân Thị Hồng Loan	
17	Ảnh hưởng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đến cam kết của nhân viên ngân hàng Techcombank tại	Nguyễn Thị Ngân	TS. Vân Thị Hồng Loan	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	TP.HCM			
18	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sách trực tuyến của giới trẻ tại thành phố Hồ Chí Minh	Ngô Thị Hoàng Trâm	TS. Lê Thành Long	
19	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua đất nền dự án tại TP.HCM	Ngô Văn Mạnh	PGS.TS. Hoàng Thị Phương Thảo	
20	Các yếu tố tác động đến sự chấp nhận dịch vụ điện toán đám mây của các doanh nghiệp công nghệ thông tin tại TP.HCM	Lâm Thanh Phong	TS. Phạm Hà	
21	Quan điểm của người tiêu dùng về trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nhanh tại Việt Nam	Nguyễn Huy Hoàng	TS. Vân Thị Hồng Loan	
22	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng trong khôi phục dịch vụ ngân hàng: trường hợp nghiên cứu tại Eximbank	Ông Thùy An	PGS.TS. Trần Hà Minh Quân	
23	Những yếu tố tác động đến ý định chọn trường mầm non cho con của phụ huynh khu vực thành phố Hồ Chí Minh	Trần Thanh Tường Thịnh	TS. Lê Thành Long	
24	Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến ý	Trương Thế Anh	TS. Phạm Hà	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	định tiếp tục sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử trực tuyến của khách hàng cá nhân tại TP.HCM			
25	Các yếu tố của văn hóa doanh nghiệp tác động đến hiệu quả làm việc của nhân viên thuộc doanh nghiệp nhà nước tại TP.HCM	Võ Kiến Quang	TS. Lê Thành Long	
26	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn mua điện thoại thông minh phân khúc trung cấp tại TP.HCM	Tạ Thị Thu Loan	TS. Cao Minh Trí	
27	Các nhân tố quyết định thành công của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại TP.HCM	Võ Hoàng Vũ	TS. Cao Minh Trí	
28	Hành vi công dân tổ chức của nhân viên và hiệu quả trong công việc: Trường hợp là các thuyền viên thuộc đội tàu biển trong nước	Võ Minh Tú	TS. Trịnh Thùy Anh	
29	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tiếp tục mua trên trang bán hàng trực tuyến Tiki.vn của người tiêu dùng TP.HCM	Lý Quỳnh Giao	TS. Phạm Hà	
30	Hài lòng công việc - Mối quan hệ với cam kết tổ chức và ý định nghỉ việc (Trường hợp đối với nhân viên kỹ thuật	Nguyễn Văn Thông	TS. Vũ Việt Hằng	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin)			
31	Tác động của chất lượng dịch vụ đến sự hài lòng của bệnh nhân - Trường hợp Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Thành phố Hồ Chí Minh	Phan Hùng Vinh	TS. Đinh Thái Hoàng	
32	Tác động của nhận diện tổ chức và sự gắn kết của nhân viên đối với sự hài lòng công việc của nhân viên phục vụ hành khách trong ngành hàng không tại TP.HCM	Huỳnh Khánh Toàn	PGS.TS. Ngô Viết Liêm	
33	Tác động của mối quan hệ giữa khách hàng và nhân viên đến truyền miệng tích cực thông qua sự hài lòng khách hàng ở các doanh nghiệp kinh doanh xe khách tại TP.HCM	Trần Bá Thịnh	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	
34	Tác động của phong cách lãnh đạo chuyển dạng đến sự hài lòng công việc và sự cam kết gắn bó của nhân viên tại các doanh nghiệp vận tải biển trên địa bàn TP.HCM	Nguyễn Thị Minh Châu	TS. Phạm Đình Long	
35	Các yếu tố tác động đến việc thực thi trách nhiệm xã hội (CSR) của doanh nghiệp vừa và nhỏ	Nguyễn Phương Anh	TS. Vân Thị Hồng Loan	

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	trong ngành dệt may tại TP.HCM			
36	Nghiên cứu hành vi mua hàng giả thương hiệu cao cấp của người tiêu dùng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Thị Nguyệt Phương	PGS.TS. Nguyễn Minh Hà	
37	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ đặt xe trực tuyến của khách hàng tại TP.HCM	Nguyễn Hải Nam	TS. Văn Thị Hồng Loan	
38	Công bằng tổ chức và hành vi làm việc tích cực - Nghiên cứu thực nghiệm tại Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	Bùi Ngọc Sơn	PGS.TS. Hoàng Thị Phương Thảo	
39	Marketing nội bộ, cam kết tổ chức và hình ảnh thương hiệu: Nghiên cứu thực nghiệm tại ngân hàng TMCP Á Châu khu vực Hồ Chí Minh	Trần Minh Huệ	PGS.TS. Hoàng Thị Phương Thảo	
40	Cảm giác an toàn: Các yếu tố tác động và hệ quả - Ngành y tế tại TP.HCM	Ngô Thanh Thủy	TS. Nguyễn Thế Khải	
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành Quản trị kinh doanh				
1	Yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết và thông tin truyền miệng trực tuyến của nhân viên văn phòng khi tiêu dùng trực tuyến tại TP. HCM	Nguyễn Thị Thúy Bình	ThS. Nguyễn Ngọc Đan Thanh	Đề tài “Yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết và thông tin truyền miệng trực tuyến của nhân viên văn phòng khi tiêu dùng trực tuyến tại TP. HCM” khảo sát sự gắn kết của nhân viên văn phòng tại TP. HCM khi mua hàng trực tuyến với kết quả là hành vi truyền đạt thông tin

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				trực tuyến cho các khách hàng khác và cộng đồng để từ đó các doanh nghiệp thực hiện thương mại điện tử có thể có những biện pháp tác động hiệu quả đến khách hàng.
2	Thông minh cảm xúc tác động đến sự thành công trong cuộc sống và sự thành công trong công việc	Nguyễn Thị Hảo	PGS.TS. Trịnh Thùy Anh	Đề tài “Thông minh cảm xúc tác động đến sự thành công trong cuộc sống và sự thành công trong công việc” do SV Nguyễn Thị Hảo thực hiện được triển khai tại Công ty TNHH Smentor. Đề tài đo lường khả năng tác động của trí thông minh cảm xúc đến thành công trong cuộc sống và công việc, bên cạnh đó nêu bật được tầm quan trọng và sự cần thiết của nó trong xã hội hiện nay. Từ đó, đưa ra một số cách quản lý và nâng cao thông minh cảm xúc một cách hiệu quả.
3	Yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết và thông tin truyền miệng của sinh viên khi tiêu dùng trực tuyến	Phùng Gia Linh	ThS. Nguyễn Ngọc Đan Thanh	Đề tài “Yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết và thông tin truyền miệng của sinh viên khi tiêu dùng trực tuyến” chủ yếu tập trung khảo sát đối tượng sinh viên để xác định được mức độ ảnh hưởng của yếu tố gắn kết, niềm tin của khách hàng với yếu tố eWOM trên kênh trực tuyến, từ kết quả nghiên cứu giúp cho các doanh nghiệp hiểu được hành vi của khách hàng khi tiêu dùng trực tuyến.
4	Thông minh cảm xúc tác động đến sự thành công trong cuộc sống và thành công trong công việc	Hoàng Thiện Luận	PGS.TS. Trịnh Thùy Anh	Đề tài “Thông minh cảm xúc tác động đến sự thành công trong cuộc sống và sự thành công trong công việc” do SV Hoàng Thiện Luận thực hiện được triển khai tại Công ty Cổ phần Niên Lịch. Đề tài phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công trong cuộc sống

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				và công việc, chứng minh được sự cần thiết của thông minh cảm xúc và đưa ra giải pháp quản lý, nâng cao trí thông minh cảm xúc trong cuộc sống và trong công việc.
5	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trên địa bàn TP. HCM	Hồng Chôi Như	ThS. Huỳnh Hạnh Phúc	Đề tài “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trên địa bàn TP. HCM” được thực hiện như một đề tài nghiên cứu khoa học. Nội dung đề tài nghiên cứu các yếu tố tác động đến việc khởi tạo ý tưởng khởi nghiệp đối với các sinh viên học chuyên ngành kinh doanh trên địa bàn TP. HCM để từ đó tác giả đánh giá mức độ tác động của các yếu tố này để đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ sinh viên tham gia khởi sự kinh doanh
6	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên	Trần Tiến Tài	ThS. Huỳnh Hạnh Phúc	Đề tài “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên” được thực hiện như một đề tài nghiên cứu khoa học về hành vi khởi nghiệp của sinh viên nói chung để từ đó xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Sau đó, tác giả sẽ đề xuất các định hướng vĩ mô cũng như vi mô, tập trung chủ yếu vào các giải pháp dành cho sinh viên và cải thiện định hướng đào tạo...nhằm mục đích nâng cao tỷ lệ khởi nghiệp trong sinh viên Việt Nam
7	Hiện trạng và giải pháp hoạt động marketing online tại công ty TNHH phát triển giáo dục Antoree	Nguyễn Phương Thảo	PGS.TS. Trịnh Thùy Anh	Đề tài “Hiện trạng và giải pháp hoạt động marketing online tại công ty TNHH phát triển giáo dục Antoree” nhằm đánh giá hoạt động marketing online hiện tại của Công ty. Nội dung đề tài bao gồm các đánh giá về:

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				thị trường mục tiêu, khách hàng tiềm năng, phân tích SWOT... Đồng thời, đề tài còn dựa trên kinh nghiệm và cơ sở lý thuyết đã nghiên cứu xem xét các giải pháp marketing thực tế mà công ty đang áp dụng, đề xuất một số giải pháp thiết thực và phù hợp nhằm cải thiện hoạt động marketing online của Công ty.
8	Nhận thức về thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng trên địa bàn Tp. HCM	Phan Thị Tâm	ThS. Đoàn Thị Thanh Thúy	Đề tài “Nghiên cứu nhận thức về thực phẩm hữu cơ”. Nhận thức chính là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến thái độ và có khả năng điều chỉnh xu hướng hành vi, dẫn đến quyết định mua hàng của người tiêu dùng (Sheldon, 1995). Vì vậy, việc nhận thức không đầy đủ về thực phẩm hữu cơ là một rào cản lớn đối với hành vi tiêu dùng loại thực phẩm này. Bằng cách sử dụng mô hình hồi quy logit thứ tự (Ordinal Logistic Regression), Nghiên cứu đã tìm thấy 5 nhóm yếu tố có ý nghĩa thống kê ảnh hưởng tích cực đến nhận thức về thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng. Đề tài có ý nghĩa đóng góp cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm hữu cơ hiểu rõ hơn về khách hàng, có những giải pháp phù hợp để nâng cao, thúc đẩy quyết định mua TPHC của người tiêu dùng tại TP. HCM, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thúc đẩy việc mua bán, mở rộng thị trường đầy tiềm năng này
9	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng ứng dụng di động trong việc đặt gas dân dụng	Bùi Thị Ngọc ánh	ThS. Nguyễn Ngọc Thông	Đề tài “Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng ứng dụng trên thiết bị di động trong việc đặt gas dân dụng” được thực hiện như một

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				báo cáo nghiên cứu thị trường cho Công ty TNHH Thông tin và Dịch vụ thị trường Việt Nam. Mục tiêu của báo cáo là nhằm xác định và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng Mobile App khi gọi gas của người tiêu dùng tại thị trường TP.HCM.
10	Định hướng chiến lược marketing của Công ty TNHH Dịch vụ Giải trí Sự Kiện Việt đến năm 2020.	Trần Thị Hồng Lài	TS. Hoàng Đình Thảo Vy	Đề tài “Định hướng chiến lược marketing của Công ty TNHH Dịch vụ Giải trí Sự Kiện Việt đến năm 2020” nhằm đánh giá tình hình tổ chức sự kiện hiện tại của Công ty Sự Kiện Việt thông qua việc tìm hiểu thị trường mục tiêu, khách hàng tiềm năng, phân tích môi trường bên trong và bên ngoài của Công ty. Đồng thời, đề tài còn xem xét các chiến lược marketing mà công ty đang áp dụng, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp thiết thực và phù hợp nhằm định hướng chiến lược marketing cho Công ty.
11	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả xuất khẩu thủy sản của doanh nghiệp Việt Nam và đề xuất giải pháp	Nguyễn Lưu Ly Na	TS. Cao Minh Trí	Hiện nay, hoạt động xuất khẩu thủy sản là một trong những ngành kinh tế quan trọng ở Việt Nam do sự tăng trưởng nhanh và đóng góp đáng kể vào nền kinh tế quốc gia. Chính vì vậy, nghiên cứu về hiệu quả xuất khẩu được quan tâm bởi các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Thông qua quá trình tìm hiểu các tài liệu nghiên cứu trước đây, nhiều nhà nghiên cứu nhận định cho rằng các nghiên cứu trước đây đã phát hiện ra nhiều nhân tố nhưng lại thiếu sự nhất quán, liên kết thậm chí là mâu thuẫn. Đây cũng là những lý do mà nghiên cứu này được hình thành. Dựa trên cơ sở lý thuyết, nghiên cứu

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				này xác định, kiểm định, đo lường và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng kết hợp cả hai phương pháp nghiên cứu định tính (khảo sát chuyên gia) và nghiên cứu định lượng. Các nhân tố được nêu trong bài là đặc điểm doanh nghiệp, đặc điểm môi trường, cam kết quốc tế, kinh nghiệm quốc tế, chiến lược Marketing- Mix và mối quan hệ kinh doanh. Trong đó, nhân tố chiến lược Marketing- Mix được xem là nhân tố trung gian tác động đến hiệu quả xuất khẩu.
12	App Tiêu Dùng Tích Điểm Trên Smartphone	Trần Đình Thu Ngân	ThS. Nguyễn Ngọc Thông	Đề tài “App SUCASU tiêu dùng tích điểm” được thực hiện như một bảng kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh cho Công ty cổ phần công nghệ Smart Think. Nội dung đề tài bao gồm các phân tích về: sản phẩm, thị trường, đối thủ cạnh tranh, SWOT... Từ cơ sở đó, tác giả đã đưa ra các đề xuất chiến lược phù hợp nhằm đưa sản phẩm mới này ra thị trường thành công.
13	Hoàn thiện công tác tuyển dụng tại công ty TNHH MTV Wolf Media	Nguyễn Nữ Yên Nhi	ThS. Nguyễn Ngọc Thông	Đề tài “Hoàn thiện công tác tuyển dụng tại Công ty TNHH MTV WOLF MEDIA” được triển khai tại công ty nhằm tìm ra được một số giải pháp cải thiện tình hình tuyển dụng tại công ty, dựa trên kinh nghiệm và cơ sở lý thuyết đã nghiên cứu. Phạm vi bài báo cáo sẽ đánh giá thực trạng công tác tuyển dụng nhân viên tại công ty TNHH MTV Wolf Media thông qua các thông tin, số liệu quý 3 – 2017. Từ đó, tác giả xác định những ưu điểm để tiếp

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				tục phát huy, đồng thời phát hiện những hạn chế đang tồn tại khiến cho công tác tuyển dụng tại công ty chưa được hoàn thiện. Cuối cùng, tác giả đề xuất một số biện pháp phù hợp nhằm mục đích cải thiện công tác tuyển dụng nhân viên tại Wolf Media.
14	Giải pháp nâng cao hiệu quả tuyển dụng nguồn nhân lực tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hà Xuân Bách năm 2017	Lê Nguyễn Kim Oanh	TS. Hoàng Đình Thảo Vy	Đề tài: " <i>Giải pháp nâng cao hiệu quả tuyển dụng nguồn nhân lực tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hà Xuân Bách năm 2017</i> " triển khai trên cơ sở hệ thống hoá các vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động tuyển dụng, phân tích thực trạng tuyển dụng của công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hà Xuân Bách. Thêm vào đó, đề tài cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm thực hiện tốt hơn công tác tuyển dụng tại công ty trong thời gian tới.
15	Chiến lược quan hệ khách hàng của Greenhome JSC	Phạm Thị Thanh Phương	TS. Cao Minh Trí	Đề tài triển khai phân tích những khác biệt trong tâm lý, hành vi, nhu cầu giữa các nhóm khách hàng, từ đó lý giải các chiến lược chăm sóc khách hàng khác nhau mà công ty đang áp dụng. Bài báo cáo được thực hiện trong phạm vi nghiên cứu khách hàng; bao gồm thông tin, nhu cầu, tâm lý và chiến lược quan hệ khách hàng. Quan sát, thống kê, phân tích là những phương pháp được thực hiện trong bài.
16	Phân tích chiến lược Trade Marketing thị trường máy lọc nước Miền nam	Trần Việt Thảo	ThS. Nguyễn Trần Cẩm Linh	Đề tài " Phân tích chiến lược Trade Marketing thị trường máy lọc nước Miền nam " là một nghiên cứu định lượng được thực hiện dựa trên dữ liệu thu thập từ 170 cửa hàng đang bán sản phẩm máy lọc nước,

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương. Mô hình nghiên cứu giả định rằng các yếu tố từ nhà cung cấp như (1) nhân viên bán hàng, (2) chất lượng sản phẩm, (3) lợi ích, và (4) hỗ trợ đóng góp tích cực đến mức độ trung thành của nhà bán lẻ đối với họ. Bộ thang đo bao gồm 31 biến quan sát tham khảo từ thang đo của các nghiên cứu trước đây, sau đó các thang đo được tiến hành phỏng vấn sâu các chuyên gia để hiệu chỉnh cho phù hợp với bối cảnh nghiên cứu."
17	Các nhân tố tác động đến sự thành công trong nhượng quyền thương mại tại Việt Nam hiện nay.	Bùi Thị Thắm	TS. Cao Minh Trí	Hiện nay, kinh doanh nhượng quyền thương mại (NQTM) đã rất phát triển trên thế giới, tại Việt Nam hoạt động này mới đang dần nở rộ gần đây. Việc đầu tiên chúng ta cần trang bị đầy đủ kiến thức trước khi bắt tay vào kinh doanh nhượng quyền. Để làm những điều đó thì cần phải tìm hiểu nghiên cứu đi sâu vào từng trường hợp doanh nghiệp đi trước đã thành công lớn để biết được họ thành công nhờ đâu và cần tránh những sai lầm nào. Tuy nhiên, các nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng đến thành công của doanh nghiệp thực hiện nhượng quyền thương mại ít nhận được sự chú ý của các nhà nghiên cứu ở Việt Nam. Gần đây cũng đã có không ít doanh nghiệp thất bại trong kinh doanh nhượng quyền nên càng tăng tính cấp thiết phải có những nghiên cứu đi sâu làm rõ các nhân tố tác động đến sự thành công trong việc kinh doanh

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				nhượng quyền. Đồng thời, ngày càng có nhiều người trẻ tuổi ở Việt Nam, đặc biệt là sinh viên muốn tự mình khởi nghiệp sau khi hoàn thành xong chương trình đại học. Nhượng quyền thương mại là một mô hình kinh doanh lý tưởng được nhiều người nhắm tới. Chính vì vậy, tác giả quyết định nghiên cứu đề tài: “Các nhân tố tác động đến sự thành công trong nhượng quyền thương mại tại Việt Nam hiện nay”.
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành Xã hội học				
1	Mối tương quan giữa sinh viên và giảng viên trong quan điểm của sinh viên trước và nay ở Trường Đại học	Nguyễn Văn Thái	ThS. Lâm Thị Ánh Quyên	Tìm hiểu vai trò của người thầy và vị thế của <u>người thầy</u> giáo hiện nay và sự khác biệt trong nhận thức của sinh viên ở hai thế hệ về các vai trò của người thầy. Khảo sát một số vai trò tiêu biểu, vai trò truyền đạt kiến thức, vai trò định hướng nghề nghiệp, vai trò giáo dục đạo đức, vai trò giữ gìn truyền thống văn hóa và vai trò phát hiện và bồi dưỡng nhân tài để tìm hiểu có sự khác biệt nào giữa hai thế hệ sinh viên trong việc đánh giá tầm quan trọng của người thầy trong các vai trò.
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành Hệ thống thông tin quản lý				
1	Cải tiến Selenium Webdriver cho kiểm thử hình ảnh sử dụng công nghệ OCR	Bùi Quang Hùng	ThS. Dương Hữu Thành	- Đề tài nghiên cứu quy trình, phương pháp, hiện trạng của kiểm thử tự động. Nghiên cứu sử dụng Selenium để kiểm thử tự động các ứng dụng web, đánh giá ưu, khuyết điểm của Selenium. - Trên nền tảng Selenium, đề tài

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				nâng cấp khả năng kiểm thử hình ảnh cho Selenium sử dụng công nghệ OCR.
2	Tìm hiểu kiểm thử hiệu năng ứng dụng Web và phát triển công cụ Test Tracking	Lê Thị Như Nguyễn Thị Thùy Vân	ThS. Dương Hữu Thành	- Đề tài nghiên cứu quy trình, các phương pháp kiểm thử hiệu năng các ứng dụng web. - Ứng dụng công cụ JMeter tiến hành kiểm thử hiệu năng, so sánh đánh giá kết quả hiệu năng hoạt động của các trang web có mục tiêu gần giống nhau như: vnexpress & vietnamnet & dantri, các trang web đăng ký môn học của vài trường đại học. - Trên nền tảng JMeter, nhóm phát triển một công cụ nhỏ giúp việc tracking bug của quá trình kiểm thử hiệu năng được hiệu quả hơn.
3	Quản lý nhà hàng chay	Lê Đại Trọng	ThS. Hồ Quang Khải	Đề tài quản lý nhà hàng chay có mục đích phân tích, thiết kế và hiện thực một hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động kinh doanh của một nhà hàng chay, theo nhu cầu của một nhà hàng đang cần HTTT này trong thực tế. Các chức năng chính của HTTT này là: quản lý bán hàng, quản lý nhập nguyên vật liệu và quản lý nhân viên.
4	Ứng dụng Machine Learning trong dự đoán doanh thu bán hàng	Nguyễn Lê Phương Thảo	ThS. Lê Viết Tuấn	Đề tài áp dụng máy học vào một bài toán quan trọng trong thực tế đó là dự đoán doanh thu bán hàng. Đề tài được thử nghiệm với hai thuật toán Linear regression và cây quyết định bằng ngôn ngữ lập trình python và trên tập dữ liệu của Kaggle.
5	Ứng dụng Livestream trong dạy và học trực tuyến đa người dùng	Ngô Thắng Lợi	ThS. Lê Viết Tuấn	Đề tài xây dựng môi trường học tập online cho người sử dụng. Giáo viên có thể live stream bài giảng của mình tại studio, lớp học, phòng thí nghiệm hoặc địa

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				điểm bất kỳ. Đối với người học chỉ cần có tài khoản sẽ được tham gia lớp học, và có thể tương tác với giáo viên mà không cần đến lớp.
6	Khử nhiễu ảnh y khoa	Trần Hoàng Phụng	ThS. Võ Thị Hồng Tuyết	Đề tài tìm hiểu cấu trúc ảnh y khoa có chất lượng thấp; các nguyên nhân gây đến việc giảm chất lượng này. Nghiên cứu các kỹ thuật và phương pháp được áp dụng để nâng cao chất lượng ảnh trong khoảng thời gian gần đây. Đề xuất và áp dụng 1 phương pháp trong miền wavelet thể hệ mới để cải thiện chất lượng ảnh. Sau đó so sánh kết quả với một số phương pháp khác.
7	Ứng dụng Windows Service và SMS API vào hệ thống quản lý dịch vụ chăm sóc sắc đẹp	Trần Thị Bảo Châu Nguyễn Đặng Trúc Linh	ThS. Võ Thị Kim Anh	Đề tài xây dựng hệ thống quản lý và kênh thông tin trực tuyến. Cụ thể là xây dựng phần mềm ứng dụng và hệ thống ứng dụng trực tuyến website đặt lịch hẹn. Xây dựng phần mềm quản lý các thông tin hệ thống (phân quyền chức năng, nhóm người dùng, nhân viên và tài khoản), nhà cung cấp, sản phẩm, khách hàng, quản lý bán hàng, quản lý hàng tồn kho, các biểu đồ trực quan và báo cáo. Xây dựng website đặt lịch hẹn trước dành cho khách hàng (kết hợp đặt cọc qua cổng thanh toán trực tuyến OnePay). Ứng dụng hệ thống SMS API của eSMS để xây dựng chức năng nhắn tin xác nhận lịch hẹn cho khách hàng, nhắn tin khuyến mãi khi cửa hàng có các chương trình ưu đãi và kết hợp Windows Service để xây dựng chức năng gọi điện thoại nhắc lịch cho khách.
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành Khoa học máy tính				

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Nghiên cứu các kỹ thuật rút trích thông tin web và phát triển hệ thống tư vấn tuyến sinh tự động	Nguyễn Thị Bích Mi	ThS. Dương Hữu Thành	Đề tài nghiên cứu giải pháp phát triển hệ thống tư vấn tuyến sinh tự động, hệ thống có thể nhận vào một câu hỏi tiếng Việt bằng ngôn ngữ tự nhiên của người dùng và trả lời tự động từ kho dữ liệu thu thập được trên Internet. Các nội dung nghiên cứu chính: - Nghiên cứu các kỹ thuật rút trích thông tin web (Python) và xây dựng kho dữ liệu hỏi đáp về tư vấn tuyến sinh từ các trang web tư vấn uy tín. - Nghiên cứu mô hình không gian vector để trích xuất đại diện cho tài liệu cần xử lý. - Nghiên cứu các phương pháp tính độ tương đồng văn bản tiếng Việt để chọn câu trả lời cho câu hỏi của người dùng.
2	Ứng dụng bản đồ trên thiết bị di động	Phan Hoàng Nhân	ThS. Lê Viết Tuấn	Đề tài xây dựng ứng dụng bản đồ trên thiết bị di động. Ngoài chức năng cơ bản của bản đồ như tìm đường đi giữa hai điểm thì bản đồ còn cho phép vẽ ra một lộ trình giữa hai điểm mà có thể tránh một điểm nào đó do người sử dụng chỉ định để giải quyết trong trường hợp đoạn đường đó đang bị kẹt xe, đang xây dựng, hoặc xảy ra tai nạn giao thông, ... Ngoài ra bản đồ còn tích hợp nhiều chức năng hữu ích khác cho người sử dụng như xem thời tiết, street view, thông tin địa điểm du lịch,...
3	Ứng dụng hỗ trợ phát hiện tội phạm trong video	Thái Bình Cơ	ThS. Lê Viết Tuấn	Đề tài xây dựng hệ thống tự động phát hiện người trong ảnh/video một cách tự động. Đặc biệt, trong các video giám sát, hệ thống tự động lưu lại các đoạn video có đối tượng người xuất hiện nhằm giúp con người không phải xem các đoạn video

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				giống nhau hàng giờ liền.
4	Xây dựng và phát triển website tin tức online	Hoàng Văn Tân	ThS. Nguyễn Thị Mai Trang	Đề tài xây dựng website tin tức online, nghiên cứu công nghệ Web Service, RSS, lấy tin tức tự động từ các website, có phân loại theo chủ đề, hỗ trợ các chức năng tìm kiếm, quản lý thay đổi nguồn tin và tích hợp các công nghệ truyền thông như SMS, email, kết nối mạng xã hội,...
5	Nghiên cứu ứng dụng lý thuyết MBTI và John Holland trong tư vấn hướng nghiệp	Trần Tấn Thanh Nhân	ThS. Nguyễn Thị Mai Trang	Nghiên cứu ứng dụng lý thuyết Jung Myers-Briggs (MBTI) và John Holland, sử dụng cơ sở dữ liệu suy diễn xây dựng hệ chuyên gia tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông. Hệ thống được xây dựng theo hai hướng tiếp cận: Phân loại 6 nhóm tính cách theo lý thuyết John Holland và bài trắc nghiệm tính cách theo MBTI để đưa ra gợi ý tư vấn nghề nghiệp dựa vào kết quả trả lời của người sử dụng.
6	Đánh giá thực nghiệm các phương pháp rút trích đặc trưng cho bài toán tái nhận dạng nhân vật	Huỳnh Nhật Lưu	TS. Nguyễn Tấn Trần Minh Khang	Đề tài đánh giá các phương pháp rút trích đặc trưng được sử dụng phổ biến trong cộng đồng nghiên cứu về Tái nhận dạng nhân vật, thực nghiệm trên các bộ dữ liệu chuẩn trong đó phải kể đến những bộ dữ liệu mới như DukeMTMC4ReID (2017), Airport (2017). Các kết quả thực nghiệm sẽ được đánh giá dựa trên các độ đo chuẩn, bên cạnh đó là các tiêu chí đánh giá khác chưa được công bố như: đánh giá về số chiều đặc trưng, thời gian rút trích đặc trưng và thời gian so khớp.
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành Kế toán				
1	Kế toán doanh thu,	Nguyễn Hồ	ThS. Lý	Đề tài này nhằm làm rõ quy

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SX và TM Thép Bắc Việt	Như Quỳnh	Nguyễn Thu Ngọc	trình bán hàng của doanh nghiệp, xem xét việc thực hiện hệ thống kế toán nói chung và hệ thống bán hàng xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Từ đó thấy sự khác biệt của việc hạch toán đã được học trong trường và thực tế tại doanh nghiệp. Từ đó rút ra được những ưu điểm và hạn chế của doanh nghiệp.
2	Kế toán nghiệp vụ huy động vốn thường xuyên tại ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN3- TP.HCM	Lê Xuân Tấn	ThS. Phạm Thị Phương Thảo	Đề tài này nghiên cứu thực trạng huy động vốn tại Ngân hàng thông qua kết quả kinh doanh, số liệu của Ngân hàng. Trên cơ sở đó tác giả đưa ra các nhận xét kiến nghị để nâng cao chất lượng trong công tác huy động vốn của Ngân hàng góp phần đem lại lợi nhuận tối ưu và tạo niềm tin cho các nhà đầu tư
3	Kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH DV Kiểm toán và tư vấn kế toán Bắc Đẩu (PACC)	Lâm Chí Dũng	ThS. Trần Thị Vinh	Trình bày khái niệm về bằng chứng kiểm toán và các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt nam (VSA 500) Mô tả các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tại công ty. Minh họa thực tế các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán được công ty áp dụng. Nêu ra nhận xét và đánh giá các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tại Công ty.
4	Quy trình kiểm toán các khoản mục hàng tồn kho tại công ty TNHH Kiểm toán CROWE HORWATH Việt Nam	Nguyễn Trần Dung Hạ	ThS. Lê Thị Thanh Xuân	Đề tài nghiên cứu chuẩn mực kế toán và kiểm toán tại Việt Nam để xác định các yêu cầu đối với quy trình kiểm toán hàng tồn kho. Mô tả quy trình kiểm toán hàng tồn kho áp dụng cho một khách hàng cụ thể tại công ty TNHH Kiểm toán Crowe Horwath Việt

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				Nam về cả mặt lý thuyết và thực tế. Nhận xét và đánh giá ưu điểm và nhược điểm của quy trình kiểm toán hàng tồn kho áp dụng tại Công ty so với những chuẩn mực kiểm toán.
5	Vận dụng thủ tục phân tích trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH KPMG	Phạm Thị Mỹ Linh	ThS. Lê Thị Thanh Xuân	Tìm hiểu các khái niệm, kỹ thuật phân tích, trình tự áp dụng và vai trò của thủ tục phân tích. Thủ tục phân tích áp dụng tại công ty Kiểm toán KPMG Minh họa hồ sơ kiểm toán của khách hàng cụ thể Nêu ra nhận xét, đánh giá và kiến nghị cần thiết.
6	Thủ tục phân tích trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty Kiểm toán KPMG	Nguyễn Thị Diễm My	ThS. Phạm Minh Vương	Mô tả các thủ tục phân tích được áp dụng trong các giai đoạn lập kế hoạch, thực hiện và hoàn thành kiểm toán tại KPMG Việt Nam. Minh họa việc áp dụng thủ tục phân tích trong thực tế bằng việc khảo sát hồ sơ kiểm toán của khách hàng. Đưa ra nhận xét về việc áp dụng thủ tục phân tích từng giai đoạn của cuộc kiểm toán và chất lượng thủ tục phân tích KPMG.
7	Kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH DV Kiểm toán và tư vấn A&C	Lê Nguyễn Hoài Thanh	ThS. Phạm Minh Vương	Hệ thống hóa về kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính. Tìm hiểu thực tế việc vận dụng các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán của công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Khách hàng Nhận xét các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tại công ty và đưa ra kiến nghị

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
8	Tìm hiểu quy trình kiểm toán hàng tồn kho tại công ty TNHH tư vấn kiểm toán Hoàng Gia Việt Nam	Hoàng Thị Tú Anh	ThS. Lê Thị Thanh Xuân	Tìm hiểu quy trình kiểm toán hàng tồn kho do công ty TNHH Hoàng Gia Việt Nam thực hiện. Đối chiếu giữa lý thuyết và thực tế về kiểm toán Chu trình hàng tồn kho trong quy trình kiểm toán báo cáo tài chính. Từ đó đề xuất các ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán Hàng tồn kho trong Kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty. Xem xét việc áp dụng thông tư 200/2014-BTC của công ty thực hiện đúng không?
9	quy trình kiểm toán doanh thu và nợ phải thu khách hàng tại công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C	Dương Thị Đủ	ThS. Đinh Thị Thu Hiền	Tóm tắt cơ sở lý luận về quy trình kiểm toán doanh thu và nợ phải thu. Tìm hiểu quy trình kiểm toán doanh thu và nợ phải thu khách hàng tại công ty kiểm toán A&C. Nhận xét quy trình kiểm toán doanh thu và nợ phải thu khách hàng tại Công ty TNHH A&C.
10	Quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại công ty TNHH kiểm toán KPMG	Huỳnh Thị Tuyết Hà	ThS. Trần Thị Vinh	Tìm hiểu cơ sở lý luận về các khoản mục hàng tồn kho Tìm hiểu quy trình kiểm toán khoản mục tồn kho tại công ty TNHH Kiểm toán KPMG Tìm hiểu quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho thực tế tại đơn vị khách hàng.
11	Kiểm toán các khoản mục doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quy trình kiểm toán báo cáo tài chính do công ty TNHH kiểm toán Hoàng Gia thực hiện	Nguyễn Hữu Diễm Trinh	Ths. Trần Thị Vinh	Khái quát cơ sở lý thuyết liên quan đến khoản mục doanh thu, vận dụng các thủ tục kiểm toán đã được học vào thực tế. Trình bày thực trạng thủ tục kiểm toán khoản mục tại công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Hoàng Gia Việt Nam Nhận xét ưu điểm và nhược điểm trong quá trình vận dụng các thủ tục kiểm toán tại công

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				ty TNHH Kiểm toán Hoàng Gia Việt Nam
12	Quy trình gửi thư xác nhận trọng kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH KPMG Việt Nam	Trần Thị Cẩm Tiên	Ths. Đinh Thị Thu Hiền	Tóm tắt cơ sở lý thuyết về bằng chứng kiểm toán. Mô tả quy trình thu thập bằng chứng kiểm toán – thư xác nhận tại công ty TNHH PMG Việt Nam dựa trên cơ sở lý thuyết và áp dụng vào thực tiễn. Nhận xét ưu điểm và hạn chế còn tồn tại của quy trình thu thập bằng chứng kiểm toán tại công ty TNHH KPMG Việt Nam.
13	Kỹ Thuật thu thập bằng chứng kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C	Võ Ngọc Hồng Huê	Ths. Đinh Thị Thu Hiền	Cơ sở lý luận về bằng chứng kiểm toán , kỹ thuật thu thập bằng chứng. Tìm hiểu kỹ thuật thu thập bằng chứng Công Ty Kiểm toán và Tư vấn A&C và tìm hiểu thực trạng áp dụng tại công ty khách hàng ABC kết thúc niên độ ngày 31/12/2016 và đưa ra nhận xét.
14	Áp dụng thủ tục phân tích trong giai đoạn thực hiện kiểm toán tại công ty TNHH KPMG Việt Nam	Phan Thị Hiền	Ths. Trần Thị Vinh	Tìm hiểu cơ sở lý luận về thủ tục phân tích dựa trên chuẩn mực kiểm toán liên quan. Tìm hiểu và nghiên cứu về thực tiễn áp dụng thủ tục phân tích trong giai đoạn thực hiện kiểm toán tại công ty TNHH KPMG. Đồng thời so sánh các chuẩn mực kế toán có liên quan. Đánh giá tính hiện hữu và hiệu quả của thủ tục đang áp dụng. Nhận diện những hạn chế còn tồn đọng trong áp dụng thủ tục phân tích tại công ty TNHH KPMG Việt Nam.
15	Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán áp dụng tại công ty TNHH Kiểm toán	Bùi Thị Ngọc Mỹ	Ths. Trần Thị Vinh	Mô tả thực tế kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán của công ty FAC áp dụng tại công ty khách hàng.

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	FAC			So sánh, tham khảo các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tại công ty FAC. Đưa ra nhận xét, Kiến nghị về kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tại công ty FAC.
16	Thử nghiệm chi tiết trong kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH PWC Việt Nam	Lê Thị Linh	Ths. Trần Thị Vinh	Tìm hiểu tình hình thực tế áp dụng thử nghiệm chi tiết để thu thập bằng chứng trong kiểm toán BCTC tại công ty PWC Việt Nam. Nhận xét và đề xuất những giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế và hoàn thiện quy trình áp dụng thử nghiệm chi tiết tại công ty Kiểm toán PWC Việt Nam.
17	Quy trình kiểm toán hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C	Võ Thị Bích Phương	Ths. Đinh Thị Thu Hiền	Bài viết tập trung tìm hiểu cơ sở lý luận về hàng tồn kho và kiểm toán hàng tồn kho và tìm hiểu quy trình kiểm toán hàng tồn kho thực tế tại công ty và thực trạng áp dụng tại công ty khách hàng ABC. Sau đó đưa ra nhận xét về quy trình kiểm toán khoản mục tồn kho tại A&C.
18	Quy trình kiểm toán hàng tồn kho trong kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH Parker Randall VN	Trần Thị Nhung	Ths. Đinh Thị Thu Hiền	Đề tài nghiên cứu cơ sở lý thuyết về quy trình kiểm toán hàng tồn kho và so sánh với thực trạng chi tiết quy trình kiểm toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Parker Randal Việt Nam. Từ đó đưa ra nhận xét, đánh giá về quy trình kiểm toán hàng tồn kho tại công ty.
19	Đánh giá rủi ro kiểm toán trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP.HCM	Hoàng Thị Mai Thanh	Ths. Trần Thị Vinh	Tìm hiểu các văn bản liên quan đến kế toán, kiểm toán hàng tồn kho và đặc điểm của khoản mục hàng tồn kho. Mô tả quy trình kiểm toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP.HCM.

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				Minh họa kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại công ty XYZ Nhận xét và kiến nghị về quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP.HCM.
20	Quy trình kiểm toán khoản mục hàng tồn kho tại công ty AISC	Nguyễn Xuân Tiến	Ths. Trần Thị Vinh	Trình bày đánh giá rủi ro Kiểm toán, cách công ty tìm hiểu khách hàng, tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như việc xác lập mục trọng yếu. Nhận xét những ưu điểm, hạn chế các thủ tục đánh giá rủi ro. Từ đó đề ra các giải pháp hoàn thiện thủ tục.
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành Tài chính – Ngân hàng				
1	Phân tích tình hình tín dụng	Trần Thị Hồng Hạnh	ThS. Ngô Thành Trung	Phân tích thực trạng nợ xấu của ngân hàng Agribank chi nhánh Phú Nhuận trong 3 năm 2014-2016, phân tích quá trình quản trị rủi ro tín dụng đồng thời đưa ra những mặt hạn chế và tích cực của công tác quản trị rủi ro tại ngân hàng từ đó tìm ra nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng Agribank chi nhánh Phú Nhuận
2	Tình hình cho vay tiêu dùng	Phạm Huỳnh Ly	TS. Võ Minh Long	Phân tích đánh giá hiệu quả hoạt động hỗ trợ tín dụng tại Sacombank chi nhánh Phương Nam từ đó đề xuất những giải pháp kiến nghị nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả tín dụng nói chung và hiệu quả hỗ trợ cho vay tiêu dùng nói riêng tại chi nhánh
3	Quy trình phát hành thẻ visa	Nguyễn Châu Bảo Ngọc	ThS. Ngô Thành Trung	Đề tài dựa trên các cơ sở nghiên cứu lý luận chung thẻ thanh toán quốc tế cụ thể là thẻ VISA phân tích quy trình phát hành thẻ VISA tại ngân hàng Kiên

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				Long và dẫn chứng thực tế về kinh doanh thẻ tại ngân hàng từ cơ sở này rút ra kết luận và một số kiến nghị để phát huy những mặt tích cực, cải thiện những điểm còn hạn chế
4	Thanh toán quốc tế	Phạm Quốc Nguyên	ThS. Phan Thị Minh Huệ	Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tín dụng chứng từ trong TTQT đồng thời luận giải sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả phương thức tín dụng chứng từ trong thanh toán XNK ở chi nhánh ngân hàng ngoại thương VN - Tân Định. Tập trung phân tích thực trạng thanh toán XNK theo phương thức thanh toán tín dụng chứng từ tại chi nhánh trong giai đoạn 2014-2018 từ đó đề xuất định hướng các giải pháp nâng cao hiệu quả của phương thức thanh toán tại VCB - Tân Định.
5	Thẩm định tín dụng	Đinh Thị Trang	TS. Trần Thế Sao	Nghiên cứu những vấn đề cơ bản về thẩm định tín dụng doanh nghiệp ngắn hạn nghiên cứu các chỉ tiêu phản ánh chất lượng cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thẩm định tín dụng doanh nghiệp ngắn hạn Phân tích và đánh giá về chất lượng thẩm định tín dụng ngắn hạn tại Agribank chi nhánh Phú Nhuận, từ đó đề ra giải pháp kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng TĐTD ngắn hạn tại Agribank chi nhánh Phú Nhuận
6	Thanh toán quốc tế	Phạm Quốc Trung	ThS. Phan Thị Minh Huệ	Thu thập số liệu thứ cấp từ phòng XNK qua 3 năm 2014-2016 để phân tích tình hình hoạt động thanh toán quốc tế của công ty Giang Minh. Chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động TTQT và nhận ra những mặt đạt được cũng như chưa đạt

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				được từ đó đưa ra biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động TTQT tại công ty Giang Minh
7	Hoạt động cho vay	Nguyễn Tuấn	TS. Trần Thế Sao	Trên cơ sở phân tích thực trạng hoạt động cho vay tại BIDV chi nhánh Bắc SG phân tích sự tác động của cơ chế chính sách cũng như các chỉ tiêu đánh giá nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động cho vay để đưa ra các phương hướng nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay
8	Phân tích tình hình tài chính	Huỳnh Thị Bảo Châu	TS. Võ Minh Long	Vận dụng những kiến thức và lý luận về phân tích báo cáo tài chính để phân tích tình hình tài chính của công ty TNHH Precio VN trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp thích hợp để cải thiện tình hình tài chính từ đó đưa ra chiến lược nhằm giúp doanh nghiệp phát triển.
9	Chiến lược Marketing tại Công ty bảo hiểm nhân thọ	Phan Thị Bảo Chi	ThS. Nguyễn Lê Tiểu Tiên	Phân tích so sánh tổng hợp các số liệu và đánh giá số liệu của công ty qua các năm và so với các công ty khác trong ngành từ đó phân tích hoạt động marketing tại công ty bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Life VN đưa ra các giải pháp kiến nghị để phát triển hơn nữa hoạt động marketing của công ty trong những năm sắp tới.
10	Nghiệp vụ môi giới chứng khoán	Mai Lê Phương	ThS. Phan Hồng Hạnh	Hệ thống cơ sở lý luận chung về hoạt động môi giới chứng khoán cũng như hiệu quả của hoạt động MGCK nói chung. Phân tích đánh giá về thực trạng MGCK tại công ty chứng khoán ngân hàng ngoại thương VN, tìm ra những tồn tại và nguyên nhân từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động MGCK tại công ty CK ngân hàng ngoại thương

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
11	Thẩm định giá bất động sản cho mục đích vay vốn thế chấp	Đinh Công Tài	ThS. Phan Ngọc Tấn	Dùng các phương pháp điều tra, khảo cứu, thống kê, phân tích để từ đó thẩm định giá bất động sản số 415/9 Trường Chinh, P14, Q Tân Bình với mục đích vay vốn thế chấp tại ngân hàng BIDV chi nhánh Củ Chi.
12	Phân tích và định giá cổ phiếu cng ty cổ phần thép Hòa Phát	Đặng Thị Thanh Thanh	ThS. Nguyễn Thị Phương Thanh	Ứng dụng các phương pháp định giá vào công ty cổ phần tập đoàn Hòa Phát xuất phát từ việc nghiên cứu hoạt động kinh doanh của công ty từ 2013-2017, cùng với các kế hoạch dự định trong tương lai của công ty nhằm đánh giá khả năng tài chính, đồng thời xác định giá trị của công ty thông qua dự đoán luồng tiền tương lai và so sánh với các công ty khác cùng ngành từ đó đề ra giải pháp hoàn thiện các phương pháp định giá sao cho sát với giá trị doanh nghiệp
13	Phân tích hoạt động cho vay tại ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín – Chi nhánh Trung tâm	Đào Quang Hiên	ThS. Phan Ngọc Thùy Như	Phân tích hoạt động cho vay tại ngân hàng Sacombank chi nhánh Trung tâm qua 3 năm 2015,2016,2017 từ đó đánh giá tình hình kinh doanh hiện tại của đơn vị, đưa ra định hướng phát triển và giải pháp tăng trưởng hoạt động cho vay tại chi nhánh trong thời gian sắp tới.
14	Phân tích và định giá công ty cổ phần nhựa và môi trường xanh An Phát	Lê Khánh Uyên	ThS. Nguyễn Thị Phương Thanh	Sử dụng các báo cáo tài chính của công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát trong 6 năm (2012-2017) để tiến hành phân tích và định giá công ty. Từ đó sẽ đưa ra khuyến nghị cho nhà đầu tư đối với cổ phiếu AAA của công ty Nhựa và môi trường xanh An Phát
15	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân - ngân hàng	Nguyễn Thị Lê Uyên	ThS. Phạm Thu Hương	Phân tích thực trạng hoạt động cho vay khách hàng cá nhân giai đoạn 2015-2017, so sánh

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh -PGD Quận 4			giữa lý thuyết và thực tiễn, cũng như với các ngân hàng khác cùng quy mô, phân tích các số liệu để nhận xét đánh giá về một số hạn chế của đơn vị trong hoạt động cho vay khách hàng cá nhân. từ đó đề ra giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay KHCN ở VIB quận 4 thông qua nhân tố ngân hàng
16	Phân tích hiệu quả tín dụng đầu tư tại phòng giao dịch Bình Phước - Chi nhánh ngân hàng phát triển khu vực Bình Dương – Bình Phước	Tạ Trang Thanh	ThS. Phan Hồng Hạnh	Phân tích hiệu quả hoạt động tín dụng đầu tư tại VDB khu vực Bình dương- Bình Phước qua 3 năm 2015,2016,2017 và từ đó đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng đầu tư tại chi nhánh
17	Thực trạng huy động vốn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín -PGD Võ Văn Ngân	Phan Thị Kim Trúc	ThS. Phan Hồng Hạnh	Tập trung vào hoạt động huy động vốn của ngân hàng qua các năm 2015-2017. dựa trên những thuận lợi và khó khăn tồn tại trong các hoạt động huy động vốn của ngân hàng đề ra một số giải pháp nhằm mục đích mở rộng và nâng cao hiệu quả huy động vốn tại Sacombank chi nhánh Võ Văn Ngân
18	Phân tích hoạt động cho vay tiêu dùng ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hùng Vương	Nguyễn Vũ Khánh Phụng	TS. Phạm Hà	Phân tích tình hình cho vay tiêu dùng tại ngân hàng Tiên Phong chi nhánh Hùng Vương đầy mạnh cho vay tiêu dùng mảng cá nhân. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn tìm hiểu tại ngân hàng thông qua các kết quả phân tích và đánh giá, bước đầu đề xuất một số giải pháp nhằm củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động cho vay tiêu dùng
19	Giải pháp tăng cường huy động vốn	Nguyễn Thị Ngọc Hân	TS. Trần Thế Sao	Hệ thống cơ sở lý luận về hoạt động huy động vốn của NHTM, tìm hiểu tình hình chung của Sacombank chi nhánh Trung

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				Tâm cũng như đi sâu tìm hiểu và phân tích hoạt động huy động vốn qua đó đánh giá quy mô, tình hình huy động vốn. Đánh giá kết quả đạt được và những tồn tại trong hoạt động huy động vốn từ đó đề xuất một số giải pháp tăng cường khả năng huy động vốn tại Sacombank chi nhánh trung tâm
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành Công nghệ sinh học				
1	Phân lập và tuyển chọn chủng xạ khuẩn từ đất có tiềm năng làm kháng sinh.	Nguyễn Tấn Lộc	ThS. Dương Nhật Linh	Phân lập các chủng xạ khuẩn từ đất. - Xác định các đặc điểm hình thái của các chủng xạ khuẩn. - Khảo sát hoạt tính enzyme ngoại bào của các chủng xạ khuẩn. - Sàng lọc sơ tuyển các chủng xạ khuẩn có hoạt tính kháng sinh bằng phương pháp cấy vạch vuông góc. - Xác định hoạt tính của dịch lên men xạ khuẩn bằng phương pháp khuếch tán giếng thạch.
2	Nghiên cứu, đánh giá các đặc điểm sinh học của nấm men nội sinh từ cây mía	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	ThS. Dương Nhật Linh	• Phân lập nấm men nội sinh từ cây mía. • Khảo sát các đặc điểm có lợi của nấm men nội sinh trong nhiều lĩnh vực (y dược, nông nghiệp và thực phẩm). - o Khảo sát khả năng sinh enzym ngoại bào. - o Khảo sát khả năng sinh IAA. - o Khảo sát khả năng cố định đạm. - o Khảo sát khả năng hòa tan lân. - o Khảo sát khả năng sinh carotenoid.
3	Khảo sát sơ bộ hợp chất kháng vi khuẩn	Nguyễn Vương	ThS. Dương	Tái kiểm tra chủng Bacillus sp.

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Kháng thuốc từ chủng <i>Bacillus</i> sp.RD26 được phân lập từ cây diệp hạ châu đắng	Hạ Quỳnh	Nhật Linh	RD26 trong môi trường tối ưu. Khảo sát ảnh hưởng của pH đến độ bền của dịch lọc kháng khuẩn . Khảo sát sự ảnh hưởng của nhiệt độ đến độ bền của dịch lọc kháng khuẩn. Khảo sát các dung môi phù hợp để thu nhận hợp chất dịch chiết. Phân tích dự đoán các chất có trong dịch mẫu kháng MRSA.
4	Định danh một số chủng nấm ưa ẩm <i>penicillium</i> spp. thu nhận từ vườn quốc gia Bidoup Núi Bà - Lâm Đồng	Lương Thị Thảo My	GVHD1 Ts Hồ Bảo Thùy Quyên GVHD2 Ths Ngô Thùy Trâm	Mục tiêu: Định danh các chủng nấm ưa ẩm <i>Penicillium</i> spp. được phân lập từ các mẫu thảm mục rừng thông ở Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà, Lâm Đồng. Nội dung nghiên cứu: - Hoạt hóa và nuôi cấy thuần các chủng vi nấm. - Định danh các chủng vi nấm bằng phân tích hình thái. - Định danh các chủng vi nấm bằng kỹ thuật sinh học phân tử.
5	Phân lập và định danh một số loại bào tử nấm rễ nội cộng sinh từ đất vườn cà phê tỉnh Đắk Lắk.	Hồ Minh Hoàng	GVHD1: TS. Hồ Bảo Thùy Quyên - GVHD2: ThS. Đặng Hoàng Quyên	Mục tiêu: Thu nhận các dữ liệu ban đầu về thành phần loài của AMF trên cây cà phê, hướng đến khả năng sản xuất chế phẩm AMF cho canh tác cây cà phê theo tiêu chí xanh và sạch Nội dung nghiên cứu: Phân lập bào tử nấm rễ nội cộng sinh Định danh bào tử nấm rễ nội cộng sinh bằng phương pháp hình thái Định danh bào tử nấm rễ nội cộng sinh bằng kỹ thuật sinh học phân tử
6	Định danh một số chủng nấm bất toàn ưa ẩm thu nhận từ Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà - Lâm	Trần Thị Thực Linh	GVHD1: TS. Hồ Bảo Thùy Quyên/ GVHD2: ThS. Ngô Thùy	Mục tiêu: Định danh đến cấp độ loài (species) các chủng nấm bất toàn ưa ẩm được phân lập từ các mẫu thảm mục rừng thông và rừng sỏi ở Vườn Quốc

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Đồng.		Trâm	gia Bidoup – Núi Bà, Lâm Đồng. Nội dung nghiên cứu: - Hoạt hóa và nuôi cấy thuần các chủng vi nấm - Định danh các chủng vi nấm bằng phân tích hình thái. - Định danh các chủng vi nấm bằng kỹ thuật sinh học phân tử.
7	Khảo sát tỷ lệ nhiễm và khả năng kháng kháng sinh của <i>Staphylococcus aureus</i> phân lập từ thịt heo tươi sống ở các chợ trên địa bàn TP. HCM	Hồ Thị Quyên	ThS. Nguyễn Thị Nguyệt	Việc sử dụng thuốc kháng sinh không hợp lý trong chăn nuôi đã tạo nên một sức ép chọn lọc làm vi khuẩn kháng kháng sinh và lan truyền vào người thông qua chuỗi thực phẩm. Ở nước ta, sự kháng kháng sinh của vi khuẩn trong bệnh phẩm được nghiên cứu nhiều, nhưng trong thực phẩm vẫn còn rất hạn chế. Vì vậy, tôi đã tiến hành đề tài với các nội dung: Khảo sát mức độ nhiễm <i>Staphylococcus aureus</i> trong thịt lợn tươi sống được thu mua trực tiếp từ một số chợ trên địa bàn TP. HCM và Khảo sát sự đề kháng kháng sinh của <i>Staphylococcus aureus</i> phân lập được, trong đó có tỷ lệ kháng kháng sinh giữa 2 nhóm MRSA và MSSA và tỷ lệ đa kháng thuốc của <i>Staphylococcus aureus</i> .
8	Kiểm tra một số chỉ tiêu vi sinh vật trong mẫu thức ăn chế biến dùng ngay tại các bếp ăn tập thể được kiểm nghiệm tại viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh.	Nguyễn Thị Bích Nhi	ThS. Nguyễn Thị Nguyệt	Đề tài bước đầu khảo sát, đánh giá thực trạng ô nhiễm vi sinh vật ở các bếp ăn từ đó đưa ra những số liệu xác thực, góp phần đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho khẩu phần ăn hằng ngày của hàng ngàn người lao động. Đồng thời, giúp cơ sở sản xuất, chế biến thức ăn, bếp ăn tập thể có những biện pháp ứng phó, phòng ngừa thích hợp.
9	Kiểm tra mức độ nhiễm vi sinh vật	Trần Thị Minh Châu	ThS. Nguyễn Thị Nguyệt	Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng của quá trình biến

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	trong nước uống đóng chai được kiểm nghiệm tại Viện Pasteur tp.hcm theo QCVN 6-1: 2010/BYT			đôi khí hậu và quá trình công nghiệp hóa, dẫn đến nguồn nước sạch ở nhiều khu dân cư, đô thị, khu công nghiệp, làng nghề,... bị cạn kiệt và ô nhiễm. Một số nhà sản xuất chỉ quan tâm đến lợi nhuận trước mắt mà sẵn sàng bỏ qua các quy trình về chất lượng vệ sinh, không đảm bảo về trang thiết bị, nguồn nước khiến cho chất lượng đầu ra của sản phẩm này không đảm bảo an toàn, vệ sinh dẫn đến tình trạng ô nhiễm vi sinh vật trong nước uống đóng chai. Nước uống không đạt tiêu chuẩn vi sinh không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người sử dụng mà còn là tác nhân truyền các bệnh nhiễm khuẩn qua đường ăn uống một cách nhanh chóng trên diện rộng. Kết quả cho thấy Kiểm tra 80 mẫu nước uống đóng chai cho tỉ lệ đạt chuẩn theo QCVN 6 – 1:2010/BYT là 82,50% (66/80 mẫu) và tỷ lệ không đạt chuẩn là 17,50% (14/80 mẫu). Nhóm nước uống đóng chai có thể tích lớn (≥ 5 L) và nhóm có thể tích nhỏ (< 5 L) với tỷ lệ nhiễm khuẩn tương ứng là 22,50%, và 12,50%. Tỷ lệ nhiễm khuẩn <i>P.aeruginosa</i> cao nhất 17,50%, kế đến là Coliforms, <i>E.coli</i> và Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfite với tỷ lệ nhiễm khuẩn lần lượt là 2,50%; 1,25% và 1,25%. Nước uống đạt 100% ở chỉ tiêu là <i>Streptococci fecal</i>.
10	Khảo sát tính chất đột biến điểm ở gen LDLR (Low –	Nguyễn Thị Thùy Vi	ThS. Trương Kim Phượng	Mục tiêu nghiên cứu: Xác định tính chất đột biến điểm xảy ra trên gen LDLR trên

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Density Lipoprotein Receptor) bằng phương pháp PCR kết hợp giải trình tự trên bệnh nhân tăng cholesterol trong máu ở Việt Nam.			bệnh nhân tăng cholesterol trong máu ở Việt Nam, dựa vào kỹ thuật PCR kết hợp giải trình tự. Nội dung nghiên cứu: - Thu thập, cập nhật và khai thác dữ liệu khoa học đến năm 2018 về các công trình nghiên cứu về tính chất đột biến trên gen LDLR trên người bệnh tăng cholesterol trong máu trên thế giới, dựa trên các nguồn dữ liệu khoa học: NCBI (National Center for Biotechnology Information), Google ... - Phân tích tổng hợp (Meta-analysis) nhằm xác định sự tương quan giữa tính chất đột biến trên gen LDLR trên người bệnh tăng cholesterol trong máu hoặc trên bệnh nhân mắc bệnh lý tim mạch (CAD hay CHD) trên thế giới. - Khảo sát đặc điểm phân tử gen LDLR tập trung vùng trình tự exon 4 bằng phương pháp PCR kết hợp giải trình tự trên một số mẫu máu ở người Việt Nam.
11	Xác định tính chất methyl hóa trên vùng promoter gen BRCA1 trên một số mẫu bệnh phẩm ung thư vú ở Việt Nam	Bùi Thị Mỹ Trang	ThS. Trương Kim Phượng	Mục tiêu nghiên cứu: Khảo sát sự tương quan về tính chất methyl hóa vùng promoter gen BRCA1 trên bệnh ung thư vú. Nội dung nghiên cứu: Phân tích tổng hợp (meta – analysis) xác định sự tương quan giữa tính chất methyl hóa trên vùng promoter gen BRCA1 với bệnh ung thư vú, dựa vào chỉ số Odds ratio (OR) phản ánh độ chênh về sự xuất hiện tính chất methyl hóa trên vùng promoter gen BRCA1 ở bộ mẫu ung thư vú/bộ mẫu lành. Chọn lọc/kiểm tra bộ mẫu phù

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				hợp với phương pháp Nested-MSP xác định tính chất methyl hóa trên vùng promoter gen BRCA1 trên bộ mẫu ung thư vú/bộ mẫu lành. Thực hiện quy trình Nested-MSP phân tích sự tương quan giữa tính chất methyl hóa trên vùng promoter gen BRCA1 với bệnh ung thư vú trên người bệnh Việt Nam, tập trung thực hiện quy trình Nested-MSP tái kiểm tra/phân tích tính chất methyl hóa trên vùng promoter gen BRCA1 ở một số mẫu ung thư vú trên người bệnh Việt Nam.
12	Bước đầu ứng dụng kỹ thuật tin sinh học trong xác định và đánh giá ảnh hưởng của biến thể liên quan đến bệnh ung thư từ kết quả phân tích giải trình tự thế hệ mới (Next-generation sequencing-NGS).	Trần Triều Tiên	TS. Lê Quang Anh Tuấn	Đã thực hiện phân tích số liệu thu được từ dữ liệu phân tích sinh tin Seqmule cho kết quả giải trình tự thế hệ mới (whole exome sequencing) trên bệnh nhân mắc bệnh ung thư người Thái Lan (trong thời gian trao đổi tại Đại học Kasesart, Thái Lan) và đã phát hiện được các biến thể rs1566734 và rs1800566 có liên quan mật thiết với nhiều loại ung thư. Thu nhận được các dữ liệu khoa học về phần mềm SeqMule trong nghiên cứu phát hiện biến thể ở bệnh nhân ung thư. Cài đặt thành công phần mềm SeqMule (phiên bản 1.2.6) trên hệ điều hành Ubuntu (phiên bản 16.04) và đã thực hiện thành công một số nội dung quan trọng cho việc đánh giá dữ liệu giải trình tự thế hệ mới (NGS) bằng công cụ Seqmule.
13	Phân tích một số dạng đột biến điểm nổi trội xuất hiện ở gen PCSK9 trên một số mẫu bệnh phẩm	Nguyễn Thị Tú	PGS.TS. Lê Huyền Ái Thúy, ThS. Trương Kim Phụng	Mục tiêu nghiên cứu: Đề tài được thực hiện nhằm phân tích, xác định một số dạng đột biến điểm nổi trội xuất hiện ở gen PCSK9 trên một số mẫu

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	máu của người Việt Nam			bệnh phẩm máu của người Việt Nam. Nội dung nghiên cứu: - Khai thác thông tin trên các nguồn dữ liệu khoa học: NCBI (National Center for Biotechnology Information), Google,... Tìm hiểu nguyên nhân, tình hình mắc bệnh cao cholesterol có tính chất gia đình trên thế giới và ở Việt Nam. Khai thác dữ liệu về đặc điểm phân tử (đột biến điểm nổi trội) và tần suất đột biến trên gen PCSK9 xuất hiện ở quần thể người bệnh FH/ người bệnh tim mạch vành do cao cholesterol. Phân tích tổng hợp xác định mối tương quan giữa đột biến điểm nổi trội trên gen PCSK9 và bệnh FH/ bệnh tim mạch vành do cao cholesterol trên thế giới (dựa trên bộ dữ liệu bệnh FH trên thế giới). Tìm hiểu phương pháp sinh học phân tử PCR kết hợp giải trình tự xác định đột biến điểm trên gen PCSK9. - Khảo sát in silico: Khảo sát các bộ motif phù hợp với phương pháp sinh học phân tử PCR kết hợp giải trình tự xác định đột biến điểm trên gen PCSK9 liên quan đến bệnh FH. - Khảo sát thực nghiệm: Thực hiện quy trình sinh học phân tử phù hợp xác định đặc điểm phân tử (tính chất đột biến điểm nổi trội) trên gen PCSK9 trên bộ mẫu bệnh phẩm (mẫu máu) của người Việt Nam. Xác định mối tương quan giữa đặc điểm phân tử (tính chất đột biến điểm nổi trội) trên gen PCSK9 và chỉ số cao cholesterol trong máu của người Việt Nam. Giải và phân tích trình tự.

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
14	Khảo sát tính đa hình gene EBERs của Epstein Bar Virus trên bệnh nhân ung thư vòm họng ở Việt Nam	Nguyễn Thị Hường	PGS.TS Lê Huyền Ái Thuý, ThS. Lao Đức Thuận	Khảo sát insilico xây dựng cơ sở lý thuyết và quy trình phát hiện tính đa hình gene EBER. Xác định tần số xuất hiện các biến thể của gene EBER trên mẫu bệnh và mẫu lành bằng phương pháp Nested PCR kết hợp giải trình tự.
15	Khảo sát sự tương quan giữa tính chất methyl hóa gen Cyclin D2 (CCND2) và bệnh ung thư vú.	Phạm Nguyễn Anh Thư	PGS.TS. Lê Huyền Ái Thuý, ThS. Trương Kim Phượng	Mục tiêu nghiên cứu: Khảo sát sự tương quan giữa tính chất methyl hóa trên vùng promoter gen CCND2 xảy ra ở người bệnh ung thư vú trên thế giới và Việt Nam. Từ đó, hướng đến xác định dấu chứng sinh học tiềm năng trong tiên lượng, chẩn đoán sớm bệnh ung thư vú ở Việt Nam. Nội dung nghiên cứu: Nội dung 1: Phân tích tổng hợp (Meta – analysis) xác định sự tương quan giữa tính chất methyl hóa trên gen CCND2 và bệnh ung thư vú, dựa vào bộ dữ liệu khoa học trên thế giới. Nội dung 2: Khảo sát trên máy tính (in silico) Chọn lọc/kiểm tra bộ dữ liệu phù hợp với phương pháp Nested-MSP xác định tính chất methyl hóa trên vùng promoter của gen CCND2 trên bộ mẫu ung thư vú/bộ mẫu lành. Nội dung 3: Khảo sát thực nghiệm Bước đầu thiết lập quy trình Nested-MSP để xác định sự tương quan giữa tính chất methyl hóa gen CCND2 và bệnh lý ung thư vú trên người bệnh Việt Nam, tập trung nội dung thực hiện quy trình Nested-MSP tái kiểm tra tính chất tính chất methyl hóa trên gen CCND2 trên bộ mẫu ung thư vú/bộ mẫu lành trên người

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				bệnh Việt Nam.
16	Xác định tính chất đột biến điểm nổi trội gen ApoB trên một số bệnh phẩm máu của bệnh nhân tăng cholesterol máu ở Việt Nam.	Nguyễn Thị Mai Phương	PGS.TS. Lê Huyền Ái Thúy, ThS. Trương Kim Phụng	Mục tiêu nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu bước đầu mô tả và xác định sự tương quan giữa đặc điểm phân tử - định tính chất đột biến điểm nổi trội trên gen ApoB trên người bệnh tăng cholesterol trong máu, trên thế giới và ở Việt Nam. Nội dung nghiên cứu: - Khai thác dữ liệu: Thu thập, cập nhật thông tin khoa học đến tháng 5 năm 2018: dữ liệu về tính chất đột biến trên gen ApoB trên người bệnh tăng cholesterol trong máu trên thế giới. - Phân tích tổng hợp (Meta - analysis): Trích xuất dữ liệu và phân tích sự tương quan giữa tính chất đột biến nổi trội trên gen ApoB và bệnh tăng cholesterol trong máu/nhóm bệnh nhân mắc bệnh lý tim mạch (CAD hay CHD). Xác định dạng đột biến nổi trội trên gen ApoB xuất hiện trên các nhóm bệnh nhân FH, tập trung theo phân hạng phương pháp, chủng tộc,... - Khảo sát thực nghiệm: Ứng dụng phương pháp PCR –giải trình tự và một số công cụ tin sinh học để xác định đặc điểm phân tử (dạng biến thể/đột biến) xuất hiện trên trình tự gen ApoB – tại exon 26 trên một số mẫu máu của người Việt Nam.
17	Khảo sát mức độ methyl hóa tại đảo CpG thuộc vùng promoter của gene UCHL1 trên bệnh nhân nhằm chuẩn đoán sớm bệnh ung	Hoàng Văn Nam	PGS.TS Lê Huyền Ái Thúy, Th.S Lao Đức Thuận	Một trong các nguyên nhân dẫn đến Ung thư vòm họng là sự biến đổi Epigenetic trong đó có sự methyl hóa tại các đảo CpG trong vùng promoter của các gene ức chế khối u. Đề tài này nhằm khảo sát các đảo CpG

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	thư vòm họng			trong vùng promoter của gene UCHL1 nhằm đánh giá sự methyl hóa. Thiết lập cơ sở dữ liệu phân tử, xây dựng quy trình phát hiện sự methyl hóa của gene UCHL1 nhằm phát triển phương pháp tiên tượng và chuẩn đoán sớm cho bệnh nhân ung thư vòm họng trên cộng đồng người Việt Nam, thông qua việc phân tích thực nghiệm trên các bệnh nhân Việt Nam, đến khám và điều trị tại khoa Tai – Mũi - Họng bệnh viện Chợ Rẫy, thành phố Hồ Chí Minh. Bước đầu đánh giá tính chất methyl hóa trên gen UCHL1 trên các mẫu thực nghiệm trên bệnh nhân UTVH.
18	Khảo sát sự biểu hiện một số gene thuộc họ gene BARTs của Epstein-Barr virus trên bệnh nhân ung thư vòm họng Việt Nam	Nguyễn Thị Thùy Trang	PGS.TS. Lê Huyền Ái Thúy, ThS. Lao Đức Thuận	Đề tài nhằm làm rõ mối liên hệ giữa họ gene BARTs với bệnh UTVH ở Việt Nam bằng phương pháp Realtime-PCR, từ đó góp phần cung cấp dữ liệu cho việc xây dựng một phương pháp cho chẩn đoán và tiên lượng về bệnh UTVH ở Việt Nam nói riêng và bệnh UTVH nói chung
19	Ứng dụng sinh học phân tử kết hợp tin sinh học trong hỗ trợ định danh một số mẫu nấm thuộc họ Cantharellus	Trần Đức Vinh	ThS. Lao Đức Thuận TS. Trương Bình Nguyên	Xây dựng - thiết lập bộ cơ sở dữ liệu gene nrLSU của chi nấm Cantharellus. Thực nghiệm: Tiến hành định danh 2 mẫu nấm Cantharellus thu được tại Lâm Đồng, Đà Lạt bằng phương pháp sinh học phân tử kết hợp tin sinh học trên vùng gen LSU bằng phương pháp xây dựng phả hệ phân tử: ML, MP, NJ.
20	Phân lập nấm <i>Corynespora cassiicola</i> và đánh giá khả năng gây bệnh trên lá cao su cắt	Tổng Văn Thịnh	ThS. Nguyễn Văn Hòa ThS. Nguyễn Văn Minh	Phân lập nấm <i>Corynespora cassiicola</i> Đánh giá khả năng gây bệnh trên lá cao su tách rời Định danh chủng nấm C.

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	rời (Ex – Vivo)			cassiicola có độc lực mạnh
21	Phân lập và sàng lọc vi khuẩn nội sinh có khả năng kiểm soát sinh học nấm Fusarium sp. và Pythium sp. gây bệnh chết châm trên cây hồ tiêu.	Nguyễn Thị Hồng Loan	ThS. Nguyễn Văn Hòa ThS. Nguyễn Văn Minh	Phân lập vi khuẩn nội sinh từ cây hồ tiêu. - Định tính khả năng kháng nấm Fusarium sp. và Pythium sp. của những chủng vi khuẩn nội sinh phân lập được. - Định lượng khả năng kháng nấm Fusarium sp. và Pythium sp. của vi khuẩn nội sinh cây hồ tiêu. - Định danh các chủng vi khuẩn nội sinh có khả năng kháng nấm Fusarium sp. và Pythium sp.
22	Nghiên cứu khả năng kiểm soát sinh học tuyến trùng meloidogyne sp. gây hại rễ hồ tiêu của một số chủng vi khuẩn, vi nấm và thực vật tiềm năng	Nguyễn Thương Toàn	ThS. Nguyễn Văn Minh	Thu nhận, tạo nguồn tuyến trùng Meloidogyne sp. - Sàng lọc các chủng vi khuẩn, vi nấm tiềm năng đối kháng tuyến trùng có khả năng kiểm soát sự nở của trứng, kiểm soát đến quá trình sinh trưởng ấu trùng tuổi 2. - Đánh giá ảnh hưởng của các chủng vi khuẩn, vi nấm, dịch chiết thực vật đến sự nở trứng tuyến trùng và quá trình sinh trưởng ấu trùng tuổi 2. - Khảo sát khả năng kết hợp giữa các chủng vi khuẩn, vi nấm và dịch chiết thực vật trong phòng trừ tuyến trùng.
23	đánh giá khả năng kích thích tăng trưởng và kiểm soát sinh học bệnh đạo ôn của chế phẩm sinh học BIO.OU5X trên cây lúa	Phạm Lê Minh	ThS. Nguyễn Văn Minh	Đánh giá khả năng kích thích tăng trưởng của chế phẩm sinh học BIO.OU5X trên cây lúa trong mô hình nhà lưới. - Phân lập vi nấm gây bệnh đạo ôn Magnaporthe oryzae. - Gây bệnh nhân tạo và tái phân lập vi nấm gây bệnh từ mẫu bệnh nhân tạo - Thu nhận chi số bệnh từ các chủng phân lập được, qua đó tuyển chọn chủng có khả năng gây bệnh mạnh nhất.

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				- Đánh giá khả năng kiểm soát sinh học bệnh đạo ôn của chế phẩm sinh học BIO.OU5X trên cây lúa trong mô hình nhà lưới.
24	Phân lập và định danh nấm <i>Fusarium</i> sp. gây bệnh chết chậm trên cây hồ tiêu	Phạm Thị Thúy Diệu	ThS. Nguyễn Văn Hòa ThS. Nguyễn Văn Minh	Thu nhận mẫu bệnh - Phân lập, làm thuần, định danh sơ bộ nấm gây bệnh chết chậm <i>Fusarium</i> sp. - Gây bệnh nhân tạo để tìm chủng có khả năng gây bệnh cao nhất - Tái phân lập <i>Fusarium</i> sp. từ mẫu bệnh nhân tạo - Định danh chủng nấm <i>Fusarium</i> sp. gây bệnh mạnh nhất bằng các kỹ thuật giải trình tự gen
25	Đánh giá hiệu quả kích thích tăng trưởng của nước phân Bokashi và Biomi 3X trên cây cải ngọt tại vườn rau Thiên Sinh	Võ Thị Định	ThS. Nguyễn Văn Minh Hama Shugo	Lên men Bokashi - Đánh giá hiệu quả của nước phân Bokashi lên sự phát triển rễ, thân, lá và trọng lượng của cây cải ngọt. - Đánh giá hiệu quả của Biomi 3X lên sự phát triển rễ, thân, lá và trọng lượng của cây cải ngọt. - So sánh hiệu quả của hai sản phẩm
26	So sánh hiệu quả của hai phương pháp định lượng vi khuẩn Coliform, <i>E.coli</i> trong mẫu nước ISO 9308-1:2014 và SMEWW 22nd ed.2012 (9222B)	Đào Thị Hồng Loan	ThS.Chu Nguyên Thanh ThS. Nguyễn Văn Minh	Tìm hiểu quy trình phân tích chỉ tiêu Coliforms, <i>E.coli</i> trong mẫu nước. - Tính giá trị các thông số: độ nhạy, độ chuyên biệt, tỉ lệ dương tính giả, tỉ lệ âm tính giả, độ chọn lọc, độ đặc hiệu, độ lặp lại và độ không đảm bảo của phép đếm của hai phương pháp ISO 9308-1:2014 và SMEWW 22nd ed.2012. - Đánh giá và so sánh về hai phương pháp thử nghiệm thông qua các thông số.
27	Khảo sát tỉ lệ nhiễm <i>E.coli</i> và <i>Salmonella</i> trong mẫu rau, quả tại chợ Bình An, chợ	Bùi Thị Linh	ThS. Dương Nhật Linh ThS. Nguyễn Văn Minh	Tìm hiểu quy trình phân tích chỉ tiêu <i>E.coli</i> và <i>Salmonella</i>. - Kiểm tra các chỉ tiêu vi sinh vật trên mẫu rau, quả: định

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Đông Hoà thị xã Dĩ An, Bình Dương			lượng E.coli, định tính Salmonella. - Kiểm tra sơ bộ mức độ an toàn vệ sinh của các mẫu rau, quả tại 2 chợ Bình An và Đông Hòa trên địa bàn thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
28	Kiểm tra mức độ nhiễm vi sinh vật trong mẫu thức ăn chăn nuôi tại chợ Biên Hòa, chợ Bửu Hòa và chợ Long Bình Tân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Trần Thị Minh Tâm	ThS. Dương Nhật Linh ThS. Nguyễn Văn Minh	Tìm hiểu quy trình phân tích chỉ tiêu Coliforms, E.coli, Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (Staphylococcus aureus), Clostridium perfringens và Salmonella. - Kiểm tra các chỉ tiêu vi sinh vật trên mẫu thức ăn chăn nuôi: Định lượng Coliforms, E.coli, Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase, Clostridium perfringens. Định tính Salmonella. - Đánh giá mức độ an toàn vệ sinh của các mẫu thức ăn chăn nuôi trên thị trường hiện nay.
29	Kiểm tra mức độ nhiễm tổng số vi sinh vật hiếu khí, Escherichia coli và Salmonella spp. trên mẫu thịt heo tươi tại chợ Biên Hòa, chợ Tân Phong thành phố Biên Hòa.	Trần Thị Lê Hiếu	ThS. Nguyễn Văn Hòa ThS. Nguyễn Văn Minh	Tìm hiểu về tổng số vi sinh vật hiếu khí, Escherichia coli và phương pháp định lượng; Salmonella spp. và phương pháp định tính. – Kiểm tra mức độ nhiễm tổng số vi sinh vật hiếu khí, Escherichia coli và Salmonella spp. trên mẫu thịt heo tươi. – Đánh giá mức độ vệ sinh an toàn thực phẩm đối với mẫu thịt heo tươi góp phần rút ra cái nhìn tổng quát về tình hình thịt heo tươi trên thị trường hiện nay
30	Phân lập và sàng lọc vi sinh vật có khả năng làm giảm khí methane - gây hiệu ứng nhà kính	Lê Huỳnh Nhật Giao	ThS. Nguyễn Văn Minh	Thu nhận, xử lý mẫu - Phân lập, làm thuần đồng thời xác định hoạt tính sử dụng khí methane của các chủng vi sinh vật từ các mẫu nước sông, ao, ruột mồi, bùn lúa, dạ cỏ, phân

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				bò - Khảo sát đại thể và vi thể. - Định lượng % CH₄ giảm của các chủng thu được. - Định danh chủng có khả năng làm giảm CH₄ cao bằng kỹ thuật sinh học phân tử.
31	Đánh giá khả năng kiểm soát sinh học nấm <i>Neoscytalidium</i> sp. tác nhân gây bệnh đốm nâu trên cây thanh long của 1 số chủng vi khuẩn tiềm năng.	Ngô Lập Vinh	ThS. Nguyễn Văn Minh	Phân lập vi nấm gây bệnh đốm nâu trên cây thanh long. - Gây bệnh nhân tạo trên mô thực vật tách rời và tái phân lập nấm bệnh. - Tái phân lập, các chủng vi khuẩn tiềm năng được cung cấp từ PTN Công nghệ Vi sinh. - Tiến hành định tính khả năng kháng nấm gây bệnh. - Xác định phần trăm kháng nấm bệnh của dịch lọc vi khuẩn. - Khảo sát khả năng tương thích giữa các chủng vi khuẩn tiềm năng bằng phương pháp vạch vuông góc.
32	Đánh giá khả năng kiểm soát sinh học nấm <i>Corynespora cassiicola</i> trên cây cao su của chế phẩm vi khuẩn <i>Bacillus</i> trên quy mô thực nghiệm	Nguyễn Thành Danh	TS. Nguyễn Anh Nghĩa ThS. Nguyễn Văn Minh	Tái phân lập nấm <i>Corynespora cassiicola</i>. - Tái phân lập, kiểm tra và lên men vi khuẩn. - Đánh giá khả năng kiểm soát nấm <i>Corynespora cassiicola</i> trên cây cao su của chế phẩm vi khuẩn <i>Bacillus</i> trên lá cao su cắt rời. - Phân tích tế bào xâm nhiễm ở mẫu lá cao su cắt rời của các nghiệm thức. - Đánh giá khả năng kiểm soát nấm <i>Corynespora cassiicola</i> trên cây cao su của chế phẩm vi khuẩn <i>Bacillus</i> trên quy mô thực nghiệm.
33	Ứng dụng kỹ thuật PCR phát hiện nhanh tụ cầu vàng <i>Staphylococcus</i>	Hoàng Hoài Thương	Ds. Trương Ngọc Lan	Ứng dụng kỹ thuật PCR phát hiện nhanh tụ cầu vàng <i>Staphylococcus aureus</i> .

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	aureus			
34	Khảo sát tối ưu và đánh giá quy trình phát hiện Vibrio cholerae trong thực phẩm bằng kỹ thuật PCR	Cao Thị Thúy Phụng	ThS. Nguyễn Phạm Phương Thanh	Khảo sát tối ưu và đánh giá quy trình phát hiện Vibrio cholerae trong thực phẩm bằng kỹ thuật PCR.
35	Giám sát sự lưu hành của Vibrio cholerae O1 trong lưu vực bằng phương pháp nhuộm với kháng thể đơn dòng huỳnh quang.	Nguyễn Thị Quỳnh	ThS. Nguyễn Hoàng Vũ	Giám sát sự lưu hành của Vibrio cholerae O1 trong lưu vực bằng phương pháp nhuộm với kháng thể đơn dòng huỳnh quang.
36	Ứng Dụng Marker Phân Tử Chọn Tạo Dòng Dưa Leo Toàn Hoa Cái	Trần Tài	TS. Lê Thị Trúc Linh	Trong quá trình chọn giống, việc nhận diện chính xác kiểu hình của cây trồng có vai trò rất quan trọng. Nghiên cứu được tiến hành nhằm mục đích xác định mối tương quan giữa chỉ thị phân tử CsFemale-1 với kiểu hình giới tính hoa của các dòng dưa leo. Thực hiện phản ứng PCR sử dụng chỉ thị CsFemale-1 để khuếch đại vùng trình tự mục tiêu trên 120 mẫu thuộc 12 dòng dưa leo thuần (5 dòng toàn hoa cái, 7 dòng có cả hoa đực và hoa cái, mỗi dòng 10 mẫu). Kết quả sàng lọc 50 mẫu thuộc 5 dòng toàn hoa cái cho thấy độ tương thích giữa chỉ thị CsFemale-1 với kiểu hình toàn hoa cái là 100%. Tuy nhiên, với 70 mẫu có kiểu hình có cả hoa đực và hoa cái, độ tương thích giữa CsFemale-1 và kiểu hình là 42%. Kết quả này cho thấy, khả năng nhận diện các dòng dưa leo mang toàn hoa cái của CsFemale-1 khá tốt. Tuy nhiên, để có thể ứng dụng trong chọn giống, cần kết hợp CsFemale-1 với một chỉ thị phân tử khác để nhận diện

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				chính xác kiểu hình dòng dưa leo có cả hoa đực và hoa cái.
37	Khảo sát đột biến mất đoạn 30bp ở gene LMP-1 của EBV trên bệnh nhân ung thư vòm họng ở Việt Nam	Lê Hồ Xuân Bình	ThS. Lao Đức Thuận	Xác định sự hiện diện và tính đa hình của gene LMP-1 ở mẫu ung thư vòm họng người Việt Nam. Bước đầu thực nghiệm cho thấy việc ung thư do đột biến mất đoạn ở mức khá cao chiếm 66,67% bằng phương pháp PCR-sequencing.
38	ứng dụng kỹ thuật realtime-pcr đánh giá sự biểu hiện mRNA EBNA-1 và LMP-1 của Epstein-Barr Virus ở bệnh nhân ung thư vòm họng tại Việt Nam.	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	ThS. Lao Đức Thuận	Phát hiện và định lượng mRNA EBNA-1 và LMP-1 mã hoá cho Epstein-Barr Virus trong mẫu bệnh phẩm ung thư vòm họng của người bệnh và trong mẫu dịch phết cuống họng ở các tỉnh nguyên viên khoẻ mạnh bằng phương pháp Realtime-PCR. Kết quả nghiên cứu cho thấy tăng biểu hiện (EBNA-1: 49,63 lần và LMP-1: 11,68 lần) ở bệnh nhân UTVH so với người lành, xây dựng dấu chứng sinh học tiềm năng cho việc chẩn đoán, tiên lượng UTVH ở người Việt Nam.
39	Khảo sát tình hình đa hình gene Ebna – 1 trên bệnh nhân ung thư vòm họng người Việt Nam	Lâm Hồng Ngọc	ThS. Lao Đức Thuận	Mục tiêu đề tài nhằm khảo sát tính đa hình gene EBNA-1 trên bệnh nhân ung thư vòm họng người Việt Nam - bệnh nhân ung thư vòm họng của bệnh viện Chợ Rẫy. Nghiên cứu được thực hiện tại phòng thí nghiệm Sinh học phân tử cơ sở 3 Bình Dương theo phương pháp Nested-PCR. Kết quả đề tài xây dựng thành công quy trình phát hiện tính đa hình gene EBNA-1 trên bệnh nhân ung thư vòm họng người Việt Nam, thu nhận được 3 loại biến thể trong đó V-val là chiếm ưu thế ở cộng đồng người Châu Á so với phương Tây.
40	“Khảo sát sự sinh	Nguyễn Thị	TS. Bùi Thị	“Khảo sát sự sinh trưởng và

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	trưởng và phát triển của hai giống dưa leo Baby (<i>Cucumis sativus</i> L.) và Galaxy 79 dưới tác động của phân vi lượng PREV – MAGTM và Vita F – ABH”	Cầm Tiên	Mỹ Hồng	phát triển của giống dưa leo (<i>Cucumis sativus</i> L.) Baby và Galaxy 79 dưới tác động của phân bón lá Prev – MagTM và Vita F – ABH” Về đường cong các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây dưa leo Baby và Galaxy 79 trên nền giá thể hữu cơ trong điều kiện nhà lưới tại Bình Dương và tìm ra hiệu quả của phân vi lượng Prev – MagTM và Vita F – ABH đến sự sinh trưởng năng suất của 2 giống dưa leo Baby và Galaxy 79 trên nền giá thể hữu cơ trong điều kiện nhà lưới. Qua quá trình thực hiện đề tài đã thu được một số kết quả như sau: Xử lý 2 ml/L Prev - MagTM và 1 ml/L Vita F – ABH đã cho kết quả tốt nhất trên cả 2 giống dưa leo Galaxy 79 và Baby thể hiện qua các chỉ tiêu: Rút ngắn thời gian ra hoa đực, hoa cái và đậu trái là 03 ngày so với đối chứng chỉ phun nước. Làm tăng hàm lượng diệp lục tố trong lá. Cải thiện năng suất và chất lượng quả: gia tăng đường kính quả và độ dày thịt quả; Sự tăng trọng lượng quả dẫn đến tăng năng suất lý thuyết và năng suất thực tế của cây.
41	Khảo sát sự ảnh hưởng của liều lượng GA3 và K2SO4 đến sự sinh trưởng và phát triển của Cà chua đen (<i>Lycopersicon esculentum</i> Miller)	Nguyễn Thị Thái Thắm	TS. Bùi Thị Mỹ Hồng	Đề tài “Khảo sát sự ảnh hưởng của liều lượng GA3 và K2SO4 đến sự sinh trưởng và phát triển của cà chua Đen (<i>Lycopersicon esculentum</i> Miller)” thực hiện tại Trường Đại học Mở Tp.HCM – cơ sở 3 Bình Dương – Số 68 Lê Thị Trung, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và Công ty Globle Biotech, số 6, đường 140, ấp 7, xã Bình Mỹ, Huyện Củ Chi – Tp.HCM vào khoảng

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				thời gian từ 10/2017 – 06/2018. Đề tài đã đưa ra kết quả Chiều dài thân cây cà chua Đen phát triển theo dạng hình chữ S. Giai đoạn đầu từ 0 – 27 ngày sau khi trồng phát triển chậm. Giai đoạn từ 27 – 45 ngày sau khi trồng phát triển nhanh và giai đoạn từ 45 – 60 ngày sau khi trồng phát triển chậm lại. Cây bắt đầu phát chồi từ giai đoạn 27 – 45 ngày sau khi trồng, và phát chồi mạnh mẽ nhất vào giai đoạn từ 45 – 60 ngày sau khi trồng. Cây cà chua Đen bắt đầu ra hoa từ ngày thứ 45 sau khi trồng. Quả cà chua Đen tăng trưởng theo dạng đường cong hình chữ S đơn giản. Xử lí 20 mg/L GA3 kết hợp với 2 g/L K2SO4 vào giai đoạn sau khi đậu quả 30 ngày 50 ngày và 70 ngày đã làm tăng đường kính, độ dày thịt quả, trọng lượng quả, độ Brix và năng suất cây cà chua Đen.
42	Khảo sát ảnh hưởng của chất điều hoà sinh trưởng GA3 và phân Prev-mag đến sự sinh trưởng và phát triển của cây cải Cầu vòng	Phạm Thị Lệ	TS. Bùi Thị Mỹ Hồng	Đề tài: “Khảo sát ảnh hưởng của chất điều hoà sinh trưởng GA3 và phân Prev – MagTM đến sự sinh trưởng, phát triển của cây cải Cầu vòng (<i>Beta vulgaris</i> var. <i>cicla</i>) trong điều kiện nhà lưới”. Cải Cầu vòng có nguồn gốc từ các nước phương Tây, chứa cả cầu vòng sắc màu trên thân cây với các loại vitamin và khoáng chất khác nhau. Chất điều hoà sinh trưởng GA3 và phân Prev – MagTM được sử dụng nhằm cải thiện phẩm chất và nâng cao năng suất cây cải Cầu vòng. Thí nghiệm được thực hiện với mục đích khảo sát sự ảnh hưởng của GA3 và phân Prev – MagTM đến sự sinh trưởng và phát triển

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				của cây cải Cầu vòng trong điều kiện nhà lưới. Thí nghiệm bố trí tại nhà lưới tỉnh Bình Dương từ tháng 10/2017 đến tháng 6/2018. Thí nghiệm bố trí theo kiểu khối hoàn toàn ngẫu nhiên với 7 nghiệm thức và 3 lần lặp lại. Kết quả cho thấy nghiệm thức xử lí riêng lẻ GA3 nồng độ 5 mg/L vào các thời điểm 20 và 30 ngày sau gieo giúp cây cải Cầu vòng tăng trưởng tốt, cho kết quả cao nhất về năng suất (tăng 41,58% so với nghiệm thức đối chứng chỉ phun nước); giúp cải thiện về chiều cao cây; chiều dài, đường kính thân và diện tích lá; diện tích lục tổ so với đối chứng.
43	Ảnh hưởng liều lượng phân dơi đến sự sinh trưởng và phát triển của dưa leo (<i>Cucumis sativus</i> L.) đối với giống Baby và GN72 trên nền giá thể hữu cơ trong nhà lưới và ngoài trời	Trần Thị Thu Hà	TS. Bùi Thị Mỹ Hồng	Ảnh hưởng liều lượng phân dơi đến sự sinh trưởng và phát triển của dưa leo (<i>Cucumis sativus</i> L.) đối với giống Baby và GN72 trên nền giá thể hữu cơ trong nhà lưới và ngoài trời được thực hiện nhằm tìm hiểu sự sinh trưởng và phát triển của dưa leo (<i>Cucumis sativus</i> L.) đối 2 giống Baby và GN72 trên nền giá thể hữu cơ ở ngoài trời. Chọn ra được liều lượng phân dơi thích hợp đến sự sinh trưởng và phát triển 2 giống dưa leo Baby và GN72 trong điều kiện nhà lưới. Qua thí nghiệm đề tài đã đưa ra được kết quả giống dưa leo Baby và GN72 trên nền giá thể hữu cơ trong điều kiện nhà lưới cho thấy các nghiệm thức bón phân dơi đều cho các chỉ tiêu về sinh trưởng, năng suất và chất lượng cao hơn so với đối chứng, trong các nghiệm thức có bón phân dơi thì nghiệm thức có hàm lượng 50 g cho kết quả với

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				những chỉ tiêu cao nhất
44	Khảo sát ảnh hưởng của khoáng đa lượng canxi và magie đến khả năng chống chịu mặn của cây Khổ qua (Momordica charantia L.)	Nguyễn Thị Vân	TS. Bùi Thị Mỹ Hồng	Đề tài “Khảo sát ảnh hưởng của khoáng đa lượng canxi và magie đến khả năng chống chịu mặn của cây Khổ qua (Momordica charantia L.)” được thực hiện nhằm tìm ra được nồng độ Ca^{2+} kết hợp với Mg^{2+} thích hợp trong việc cải thiện sức sống, sinh trưởng và năng suất cây Khổ qua trong điều kiện nhiễm mặn nhân tạo. Đề tài được thực hiện tại khoa Công nghệ Sinh học, trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh, các thí nghiệm được bố trí theo kiểu khối hoàn toàn ngẫu nhiên, gồm 5 nghiệm thức và bốn lần lặp lại. Qua quá trình thực hiện đề tài đã thu được một số kết luận như sau: Xử lý riêng lẻ 1,2 g/L CaO đã thúc đẩy khả năng phân nhánh, phát triển rễ và độ dày thịt quả của cây Khổ qua. Xử lý riêng lẻ 2 mL/L MgO làm tăng hàm lượng diệp lục tố, chiều dài quả, số lượng khí khổng và năng suất cây Khổ qua. Sự phối hợp của 2 mL/L MgO và 1,2 g/L CaO giúp tăng phẩm chất quả, thời gian bảo quản và năng suất cao hơn xử lý riêng lẻ. Như vậy, cây Khổ qua trồng trong điều kiện nhiễm mặn 3 g/L NaCl khi xử lý kết hợp 2 mL/L MgO và 1,2 g/L CaO vào các thời điểm 14, 24 và 34 ngày sau gieo đã giúp cải thiện phẩm chất quả và làm tăng năng suất cây tương đương so với cây trong điều kiện không nhiễm mặn
45	Khảo sát các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây cà	Nguyễn Thị Đem Ngọc Đến	TS. Bùi Thị Mỹ Hồng	“Khảo sát sự sinh trưởng và phát triển của cây cà chua Savior (Lycopersium

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	chua Savior (<i>Lycopersium esculentum</i> Miller) trong điều kiện nhiễm mặn.			esculentum) trong điều kiện nhiễm mặn” Khảo sát ảnh hưởng của các điều kiện nhiễm mặn đến tỉ lệ nảy mầm, quá trình sinh trưởng, năng suất, phẩm chất quả và thời gian bảo quản quả cà chua Savior. Từ đó tìm ra ngưỡng chống chịu của cây cà chua Savior trong điều kiện nước tưới có nồng độ muối NaCl. Qua các thí nghiệm khảo sát các chỉ tiêu về sinh lý, năng suất cây cho thấy nước tưới nhiễm mặn đã gây ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Nồng độ mặn càng cao gây ảnh hưởng càng lớn đến cây trồng. Hạt giống cà chua Savior có thể nảy mầm ở nồng độ muối 2 g/L NaCl, 4 g/L NaCl và không nảy mầm ở nồng độ 6 g/L NaCl. Các chỉ tiêu tăng trưởng: chiều cao, đường kính thân, diện tích lá của cây cà chua Savior giảm dần khi nồng độ muối NaCl tăng từ 2 g/L, 4 g/L đến 6 g/L NaCl. Ở ngưỡng chống chịu 2 g/L NaCl, cây cà chua Savior duy trì được năng suất cao hơn so với năng suất cây khi nhiễm mặn ở các nồng độ 4 g/L và 6 g/L. Khi nồng độ muối tăng đến 6 g/L NaCl, năng suất quả cà chua giảm nhưng tỉ lệ cây sống không giảm so với đối chứng, điều này cho thấy cà chua Savior có thể chống chịu được và cho trái ở nồng độ 6 g/L NaCl
46	Khảo sát quy trình tách chiết và cô lập glycyrrhizin từ rễ cây cam thảo (<i>Glycyrrhiza uralensis</i> Fish) và khả	Lâm Bảo Yên	ThS. Nguyễn Minh Hoàng	Phương pháp đun khuấy từ hồi lưu cho hiệu suất cao hơn so với phương pháp chiết Soxhlet và phương pháp ngâm dầm, có thể ứng dụng sản xuất với quy mô lớn.- Hệ dung môi n-

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	năng ứng dụng trong đời sống			butanol : acid acetic : nước tỉ lệ 4 : 2 : 1 cho kết quả phân tách tốt các cấu tử
47	Khảo sát quy trình chiết xuất rotudin ly trích từ củ bình vôi (<i>Stephania rotunda</i> Lour.) thu hái tại xã Sủ Ngòi – thành phố Hòa Bình – tỉnh Hòa Bình	Tôn Nữ Yên Quỳnh	ThS. Nguyễn Minh Hoàng	Tỉ lệ 1/6 tương ứng 50 g bột củ bình vôi và 300 ml thể tích dung dịch acid sulfuric cho hiệu suất tách chiết tốt nhất đạt 0,23%. - Lượng alkaloid đạt hiệu suất cao nhất khi sử dụng dung dịch acid sulfuric nồng độ 1%
48	Khảo sát quy trình tách chiết và thử nghiệm hoạt tính kháng khuẩn tinh dầu từ lá bạch đàn trắng (<i>Eucalyptus camaldulensis</i> Dehnh).	Vũ Thị Dương	ThS. Nguyễn Minh Hoàng	xác định được các điều kiện ly trích tinh dầu bạch đàn tối ưu như: Thời gian chưng cất tối ưu là: 5 giờ; Tỉ lệ nguyên liệu/nước: 1/8; Kích cỡ nguyên liệu chưng cất: Lá cắt to khoảng 1 cm
49	Khảo sát ảnh hưởng của các loại dịch chiết tự nhiên đến sự tạo chồi của cây chuối in vitro (<i>Musa</i> sp.)	Nguyễn Văn Toàn	ThS. Nguyễn Trần Đông Phương	Chồi in vitro được nuôi cấy trên môi trường MS bổ sung BA 1-7 mg/L và các dịch chiết từ bắp, thuốc bỏng hoặc nước dừa với nồng độ 2,5-20 %. Sau 5 tuần nuôi cấy, môi trường chứa BA 5 mg/L tạo 13.67 chồi và 14.33 lá; 17.5 % nước dừa: 13.67 chồi và 16.67 lá; 15 % bắp: 7.33 chồi và 10.33 lá; 12.5 % thuốc bỏng: 7.67 chồi và 11.33 lá.
50	Nghiên cứu điều kiện bảo quản hạt phân <i>Cucurbita Moschata</i> (Duch.) Poir.	Trần Thị Kim Phượng	ThS. Nguyễn Trần Đông Phương	Hạt phân được sấy ở 35 oC và bảo quản trong một số loại dung môi khác nhau cho thấy hạt phân còn khả năng nảy mầm và thụ phấn. Tuy nhiên, hạt không phát triển.
51	Khảo sát các điều kiện cơ bản ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng của cây rau Rocket (<i>Eruca sativa</i> L.) trên hệ thống thủy canh và khí canh.	Nguyễn Thị Hà	ThS. Nguyễn Thanh Mai	Canh tác cây rau Rocket trên hệ thống thủy canh không hồi lưu tốt hơn hệ thống khí canh. Nồng độ dung dịch biểu thị bằng EC phù hợp với cây rau Rocket là: + 800 mS/cm đối với hệ thống thủy canh không hồi lưu, kết

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				quả này phù hợp với nghiên cứu của Marijuana JAKSE (2013). + 1200 mS/cm đối với hệ thống khí canh, phù hợp với kết quả nghiên cứu của U. C. Samarakoon (2006).
52	Khảo sát khả năng nhân giống cây Trà tiên (<i>Ocimum basilicum</i> L. var. <i>pilosum</i>) từ giâm cành bằng phương pháp thủy canh	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	ThS. Nguyễn Thanh Mai	Nghiên cứu nhân giống vô tính bằng phương pháp giâm cành cây Trà tiên. Hoàn thiện hệ thống thủy canh hoàn lưu và hệ thống thủy canh không hoàn lưu.
53	Nghiên cứu môi trường thích hợp nuôi cấy noãn cây dưa lưới <i>Cucumis melo</i> L.	Hồ Hoàng Thuận	ThS. Nguyễn Trần Đông Phương	Môi trường CBM có bổ sung BA:IAA (2:1 $\mu\text{M/L}$) kết hợp AgNO_3 10 mg/L, môi trường CBM bổ sung TDZ 0,03 mg/L và môi trường CBM bổ sung TDZ 0,06 mg/L kết hợp AgNO_3 10 mg/L điều thích hợp cảm ứng noãn dưa lưới. Môi trường thích hợp tạo chồi từ noãn đã cảm ứng là môi trường CBM bổ sung BA 0,01 mg/L, IAA 0,01 mg/L và GA3 0,01 mg/L.
54	Nghiên cứu môi trường nuôi cấy túi phấn cây ớt <i>Capsicum annuum</i> L,	Lương Thị Mơ	ThS. Nguyễn Trần Đông Phương	Bao phấn được cảm ứng trên môi trường MS 2.0 mg/L Kinetin và 0.5 mg/L NAA. Phôi được tạo ra trên môi trường chứa 1 mg/L BA và tạo rễ trên môi trường $\frac{1}{2}$ MS.
55	Nghiên cứu môi trường thích hợp nuôi cấy bao phấn cây cà tím <i>Solanum melongena</i> L.	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	ThS. Nguyễn Trần Đông Phương	Bao phấn cảm ứng trên môi trường C + kinetin 5 mg/L, 2,4 D 5 mg/L, vitamin B12 0,2 mg/L, sucrose 12 % tối 35 oC trong 8 ngày sau đó chuyển qua 24 oC với 12/12 giờ sáng/tối trong 4 ngày là tốt nhất. Mô sẹo hình thành tốt nhất trên môi trường R + kinetin 0,3 mg/L ở 24 oC với 16/8 giờ sáng/tối. Sự tăng trưởng về kích thước của mô sẹo trên môi trường MS +

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				NAA 0,6 mg/L, BA 2,5 mg/L cho kết quả thay đổi cao nhất.
56	Khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố cơ bản đến tốc độ tăng trưởng của hệ sợi nấm hoàng đế (<i>calocybe indica</i>) trên môi trường potato d-glucose agar (pda)	Vũ Đình Công	ThS. Nguyễn Thị Phương Khanh	Môi trường PDA (potato D-glucose agar) với các khoảng pH trải từ 4.0 đến 8.5 có bổ sung khoáng $MgSO_4$ và K_2HPO_4 với các tỷ lệ khác nhau được dùng làm môi trường nuôi cấy giống nấm Hoàng Đế (<i>Calocybe Indica</i>). Tốc độ tăng trưởng của hệ sợi nấm trên môi trường nuôi cấy này đánh giá được vai trò của các yếu tố như pH và các chất khoáng ảnh hưởng đến quá trình phát triển của giống nấm Hoàng Đế (<i>Calocybe Indica</i>).
57	Khảo sát sự ảnh hưởng của nồng độ pH và nguồn đạm hữu cơ trong nhộng tằm đến tốc độ tăng trưởng của hệ sợi nấm <i>Cordyceps militaris</i> trên môi trường lỏng	Mai Thị Phương Thảo	ThS. Nguyễn Thị Phương Khanh	Nấm <i>Cordyceps Minitaris</i> sau khi phân lập được cấy chuyển qua môi trường lỏng có các khoảng pH trải từ 4.0 đến 9.0 và bổ sung nguồn đạm hữu cơ từ nhộng tằm tươi hoặc nhộng tằm khô, sau đó tiến hành nuôi tối trên máy lắc trong 7 ngày và thu sinh khối. Lượng sinh khối thu được đánh giá được ảnh hưởng của các yếu tố pH, nhộng tươi hoặc nhộng khô ảnh hưởng đến quá trình tăng sinh khối của giống <i>Cordyceps Minitaris</i> .
58	Phân lập và nghiên cứu các dòng nấm từ những mẫu ký sinh côn trùng và ứng dụng trong phòng trừ sinh học sùng khoai lang (<i>Cylas formicarius</i> Fabricius)	Trần Thị Hiền	TS. Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Chúng tôi đã phân lập được 5 chủng nấm ký sinh côn trùng, trong đó có 3 chủng có khả năng kiểm soát sinh học SKL hiệu quả nhất khi ở nồng độ 108 (bào tử/ml) là Bb-V3 (82,02%) tiếp đến là chủng Bb-T4 (77,52%) và Bb-T8 (72,09%) sau 12 NSKXL. Cả 3 chủng đều đạt hiệu lực diệt SKL trên 50% sau 9 NSKXL - Trình tự chủng Bb-T4 và Bb-V3 sau khi so sánh với ngân

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				hàng gene NCBI bằng công cụ Blast và xây dựng cây phả hệ Maximum Likelihood với giá trị bootstrap 100 lần lặp lại, Kết hợp với kết quả hình thái, hai chủng có hiệu lực tiêu diệt SKL cao lần lượt là chủng Isaria sp. Bb-V3 Và Isaria sp. Bb-T4 - Hai môi trường PDA (8,5cm); SDAY3 (7,6cm) là tốt nhất cho sự hình thành và phát triển khuẩn lạc của chủng Isaria sp. Bb-T4. Môi trường SMAY (8,533cm) và PDA (8,167%) tốt nhất cho sự hình thành và phát triển khuẩn lạc của chủng nấm Isaria sp. Bb-V3. Đến ngày thứ 12 sau cấy chủng nấm Isaria sp. Bb- T4 (21,17 bào tử/ cm²) và Isaria sp. Bb-V3 (15,03 bào tử/ cm²). - Kết quả khảo sát hiệu lực gây chết của hai chủng nấm Isaria sp. Bb-T4 và Isari sp. Bb-V3 ở các mật độ 107; 108; 109 bt/ml trên sùng khoai lang trong điều kiện phòng thí nghiệm cho thấy khả năng kiểm soát sinh học SKL cao nhất ở mật độ 109 bt/ml (89,43%) sau 12 ngày xử lí.
59	Nghiên cứu ảnh hưởng của các nguồn thức ăn, điều kiện chiếu sáng đến đặc điểm sinh học; đánh giá khả năng ăn mồi và nhân nuôi bọ mắt to Geocoris spp. (Lygaeidae, Hemiptera) để ứng dụng trong phòng trừ một số sâu hại	Nguyễn Quỳnh Phương Anh	TS. Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Kết quả nghiên cứu cho thấy nhân nuôi Bọ mắt to từ hai nguồn thức ăn nhộng kiến, nhộng tằm Bọ có số trứng đẻ cao, và tỉ lệ nở cao, thích hợp với quy mô nhân nuôi hàng loạt. Chiều dài trứng ở các nghiệm thức có sự khác biệt. Chiều dài trứng ở nghiệm thức thức ăn nhộng tằm cao hơn (0.91mm) so với các nghiệm thức thức ăn còn lại là nhộng kiến (NK) (0,87mm) và rầy mềm (RM) (0,86mm). - Có sự ảnh hưởng đến tỷ lệ trứng nở ở

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				LD 12:12 so với đối chứng LD 16:8. Trong đó tỷ lệ nở ở LD 12:12 cao hơn và khác biệt so với đối chứng LD 16:8. - Có sự ảnh hưởng đến thời gian phát triển ở một số độ tuổi như ở tuổi 1, tuổi 2, tuổi 3 và tuổi 5. Trong đó, thời gian phát triển tuổi 1 và tuổi 2 ở LD 12:12 và LD 14:10 cao hơn và khác biệt với ngày phát triển ở đối chứng LD 16:8. Thời gian phát triển tuổi 3 ở LD 12:12 cao hơn và khác biệt với đối chứng LD 16:8 và nghiệm thức còn lại LD 14:10. Thời gian phát triển tuổi 5 ở LD 12:12 thấp hơn và khác biệt so với thời gian phát triển ở đối chứng LD 16:8. Ở các khoảng thời gian hiệu suất ăn mỗi sâu tơ tuổi 1 đều cao nhất và khác biệt so với hiệu suất ăn mỗi ở các độ tuổi còn lại
60	Phân lập hệ vi sinh đường ruột và nghiên cứu khả năng xử lý lục bình (<i>Eichhornia crassipes</i>) kết hợp với hỗn hợp rau dư thừa từ ấu trùng ruồi lính đen (<i>Hermetia illucens</i>).	Nguyễn Thị Thanh Thảo	TS. Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Chúng tôi đã phân lập được 7 chủng vi khuẩn đường ruột lần lượt là TH1, TH2, TH3, TH4, TH5, TH6, TH7 tương đồng với các chi <i>Providencia</i> , <i>Klebsiella</i> , <i>Serratia</i> , <i>Morganella</i> , <i>Staphylococcus</i> . Bên cạnh đó, nghiên cứu đã xây dựng được quy trình xử lý lục bình và hỗn hợp rau dư thừa bằng ấu trùng ruồi lính đen cung cấp 6,42g ấu trùng và tạo ra 99,55g phân hữu cơ từ 200g lục bình (đã ủ với 1,25ml/0,5kg <i>Trichoderma</i> trong 3 tuần) và 300g hỗn hợp rau dư thừa trong thời gian thí nghiệm là 10 ngày
61	Nghiên cứu phương pháp bảo quản kén ong ký sinh và ảnh hưởng của mật độ sâu đến khả năng ký	Phạm Kim Huyền	TS. Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Các giá thể để bảo quản kén ong thì phương pháp cho kết quả tốt và tối ưu nhất là nghiệm thức N2 hay còn gọi là cám gạo. Với số ngày bảo quản và

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	sinh của ong ký sinh <i>Cotesia vestalis</i> trên sâu tơ hại rau <i>Plutella xylostella</i>			số ngày ong sống lần lượt là 6,82 ngày và 9,25 ngày. Thí nghiệm khảo sát khả năng ký sinh của ong ký sinh khi sử dụng cám gạo để bảo quản (thí nghiệm thức N2) cho khả năng ký sinh của ong sau vũ hoá là bình thường so với đối chứng. Vẫn đảm bảo được số lượng kén và số ong vũ hoá, với số kén tạo thành sau ký sinh là 4,40 và số ong vũ hoá là 3,60. Mật độ ở 5 sâu tơ cho kết quả cao nhất trong 4 mật độ sâu tơ (5, 10, 15, 20) cả trong thí nghiệm khi lần lượt cho 1 ong cái và 2 ong cái ký sinh
62	Khảo sát đặc điểm phân tử của gen kháng hạn OsSAL1 trên lúa	Nguyễn Văn Giáp	TS. Wannarat Ponsiriwong TS. Hồ Bảo Thuỳ Quyên	Mục tiêu: Khảo sát đặc tính và nghiên cứu sự biểu hiện của gene kháng hạn OsSAL1-2 trên giống lúa thơm Thái (KDML105). Nội dung nghiên cứu: - Gieo hạt lúa và chuyển ra nhà lưới - Phân tích các thông số hình thái - Phân tích kết quả về sự biểu hiện của gene SAL1 - Khảo sát khả năng kháng hạn của lúa KDML 105.
63	Xây đủ qui trình nuôi, nhân sinh khối được liệu lần kim tuyến <i>Anoectochilus roxburghii</i> (Wall.) Lindl. in vitro	Nguyễn Thị Thu Ngân	ThS. Nguyễn Thanh Mai	Khi tăng thành phần khoáng đa lượng có thể ức chế, phát sinh chồi nách ở lan kim tuyến, dẫn đến chồi lâu hình thành và gây độc gây ra chết mẫu. Với nồng độ MS cơ bản, việc hình thành chồi diễn ra bình thường, đạt hiệu quả cao, chồi phát sinh tốt, có độ dài vượt trội hơn. Tuy nhiên khi thành phần đa lượng thấp lại làm giảm khả năng tạo chồi, chồi phát sinh chậm, trong cùng một khoảng thời gian nhưng độ dài chồi hình thành ngắn hơn so với chồi ở nghiệm

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				thức MS cơ bản. Kết quả phù hợp với nghiên cứu của Phùng Văn Phê (2010) và Nguyễn Thị Lại (2012) nhận định rằng MS cơ bản thích hợp với lan kim tuyến <i>Anocetochilus roxburghii</i> (Wall.)
64	Nghiên cứu nhân giống vô tính (In vitro) cây hồ tiêu Vĩnh Linh (<i>Piper nigrum</i> L.) từ tế bào lá bằng phương pháp nuôi cấy mô.	Đinh Thiên Hùng	ThS. Nguyễn Thanh Mai	Nồng độ javel thích hợp nhất cho giai đoạn khử mẫu là nồng độ javel 20% trong 25 phút. Môi trường MS thông thường cho tỉ lệ mẫu tốt cao nhất Môi trường MS bổ sung 2,4-D 1 mg/l là môi trường tạo mô sẹo tốt nhất Môi trường MS bổ sung BA 5 mg/l là môi trường thích hợp để tái sinh chồi từ mô sẹo.
65	Thiết kế hệ thống khí canh (Aeroponics) ứng dụng trong nhân giống cây đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> L. Harms)	Nguyễn Quốc Khánh	ThS. Nguyễn Thanh Mai	Nồng độ NAA 2000 mg/l cho kết quả tốt nhất, tỷ lệ nảy mầm và ra rễ đạt 100%, chiều cao chồi 4,483 cm và chiều dài rễ 2,028 cm. Cành giâm trên khí canh vượt trội hơn so với thủy canh(chiều cao chồi 6,506 cm, chiều dài rễ 4,3 cm). Thời gian phun/ngỉ 30 giây/10 phút cho kết quả tốt hơn so với thời gian phun/ngỉ 1 phút/15 phút với chiều cao chồi đạt 6,506 cm so với 4,175 cm, chiều dài rễ đạt 4,3 cm so với 3,4 cm.
66	Nghiên cứu các chế độ kỹ thuật tối ưu của công nghệ hoạt tính hiếu khí áp dụng trong xử lý nước thải giết mổ trên địa bàn tỉnh Bình Dương.	Phạm Thị Thanh Thủy	TS. Trần Thái Hà	Xác định thời gian thích nghi của bùn hoạt tính hiếu khí. Xác định cơ chế kỹ thuật tối ưu cho bể Aerotank: lưu lượng tối ưu, nồng độ oxy hòa tan tối ưu, độ pH tối ưu.
67	cải tạo hệ thống xử lý	Lê Thị Hồng	TS. Trần Thái	Đánh giá chất lượng nước thải

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	nước thải tập trung khu công nghiệp Tân Pháp giai đoạn I - công suất 3500m ³ /ngày đêm và đề xuất phương án mở rộng giai đoạn II - công suất 2500 m ³ /ngày đêm	Huệ	Hà	công nghiệp đầu vào để đưa ra hệ thống xử lý đạt chuẩn (KCN Tân Pháp). Từ đó tiến hành nâng cấp, cải tạo hệ thống theo hướng đảm bảo công suất, khả năng xử lý và tính toán chi phí thiết kế hệ thống (giai đoạn I - 3500m ³ /ngày đêm). Lập luận, đưa ra phương án mở rộng giai đoạn II- 2500m ³ /ngày đêm nhằm đáp ứng lưu lượng nước thải ngày càng tăng và chất lượng nước thải đầu ra. Đưa ra hạng mục xây dựng cho giai đoạn II.
68	Nghiên cứu cấu trúc hiển vi và tính chất của bùn hoạt tính trong bể phản ứng sinh học ứng dụng xử lý nước thải giết mổ	Đặng Thị Bích Ngọc	TS. Trần Thái Hà	Khảo sát các vấn đề liên quan đến bể phản ứng sinh học và đặc biệt tập trung vào quan trắc bùn để biết được cấu trúc hiển vi và tính chất của bùn hoạt tính.
69	Nghiên cứu tìm hiểu nguyên lý hoạt động và cơ sở khoa học xử lý nước thải sinh hoạt của bể ASBR tại xí nghiệp nước thải Thủ Dầu Một	Dương Hương Tinh	TS. Trần Thái Hà	Trình bày các quá trình xảy ra trong bể ASBR: phản ứng, lắng, gạn nước trong. Tế bào vi khuẩn là tác nhân làm biến đổi chất ô nhiễm trong nước thải. Cơ chế xử lý nước thải của bể ASBR dựa vào: Sự tự oxy hóa chất ô nhiễm của oxy khi cung cấp khí vào bể, quá trình oxy hóa và tổng hợp tế bào mới để xử lý chất ô nhiễm, quá trình hô hấp nội bào để phân hủy tế bào mới hình thành giải phóng năng lượng và sinh ammonia (N - NH ₄ ⁺), quá trình nitrit - nitrat hóa để oxy hóa sinh học N - NH ₄ ⁺ tạo dạng oxy hóa của nito (NO ₃ ⁻ và NO ₂ ⁻) để dễ xử lý và cung cấp một phần dinh dưỡng cho vi sinh vật trong quá trình xử lý nước thải. Hiệu suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải của Xí nghiệp nước thải Thủ Dầu Một là rất cao. Tất cả đều trên 90%, cao nhất là quá

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				trình xử lý BOD, tổng P và TSS trên 97%. Điều này cũng chứng tỏ, hệ vi sinh vật trong bùn hoạt tính đang phù hợp và hoạt động tốt.
70	Khảo sát nhận thức người tiêu dùng (Nhân viên văn phòng) về việc sử dụng vật dụng một lần tại các cửa hàng thức ăn nhanh ở Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Xuân Sơn	ThS. Đỗ Thị Kim Chi	Tìm hiểu khái niệm, tác hại, nhận thức của vật liệu sử dụng một lần ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường. Xây dựng bảng hỏi theo mô hình KAP, tiến hành khảo sát nhận thức người tiêu dùng về việc sử dụng vật dụng một lần ở các nhà hàng thức ăn nhanh ở Tp.HCM. Phân tích và xử lý số liệu thu được thông qua kết quả khảo sát bằng phần mềm SPSS. Đánh giá sơ bộ về nhận thức, thái độ, hành vi người tiêu dùng đến việc sử dụng các vật dụng một lần tại các nhà hàng thức ăn nhanh ở Tp.HCM và phân tích tương quan giữa các mối liên hệ. Đề xuất các giải pháp, các khuyến nghị để nâng cao nhận thức người tiêu dùng đến việc sử dụng các vật dụng một lần tại các nhà hàng thức ăn nhanh.
71	Khảo sát nhận thức người tiêu dùng (Nhân viên văn phòng) về việc sử dụng vật dụng một lần tại các cửa hàng thức ăn nhanh ở Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Xuân Sơn	ThS. Đỗ Thị Kim Chi	Tìm hiểu khái niệm, tác hại, nhận thức của vật liệu sử dụng một lần ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường. Xây dựng bảng hỏi theo mô hình KAP, tiến hành khảo sát nhận thức người tiêu dùng về việc sử dụng vật dụng một lần ở các nhà hàng thức ăn nhanh ở Tp.HCM. Phân tích và xử lý số liệu thu được thông qua kết quả khảo sát bằng phần mềm SPSS. Đánh giá sơ bộ về nhận thức, thái độ, hành vi người tiêu dùng đến việc sử dụng các vật dụng một lần tại các nhà hàng thức ăn nhanh ở Tp.HCM và phân

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				tích tương quan giữa các môi liên hệ. Đề xuất các giải pháp, các khuyến nghị để nâng cao nhận thức người tiêu dùng đến việc sử dụng các vật dụng một lần tại các nhà hàng thức ăn nhanh.
72	Khảo sát quá trình sinh tổng hợp carotenoid của nấm men <i>Rhodotorula mucilaginosa</i>	Phạm Thị Hằng Nga	ThS. Lý Thị Minh Hiền	Carotenoid là nhóm chất màu tự nhiên có khả năng chống oxy hóa và đã được chú ý nhiều trong thực phẩm và dược phẩm. Đa dạng hóa nguồn thu nhận các hợp chất này đang là khuynh hướng nghiên cứu mới trên thế giới. Nấm men <i>Rhodotorula mucilaginosa</i> có khả năng là nguồn sinh tổng hợp nhóm chất màu này. Sau khi tiến hành khảo sát ảnh hưởng nguồn carbon kết quả cho thấy sự kết hợp giữa 2 nguồn carbon là glycerol và D-glucose với tỉ lệ (1:1) thì hàm lượng carotenoid sinh ra là cao nhất. Khảo sát được ảnh hưởng nguồn nitơ hữu cơ và vô cơ đến quá trình sinh tổng hợp carotenoid là như nhau. Tuy nhiên để có hàm lượng sinh khối cao thì hàm lượng nitơ hữu cơ cao nấm men 10 g / L là thích hợp nhất. Các yếu tố gây stress như CuSO ₄ và H ₂ O ₂ cũng ảnh hưởng đến quá trình sinh tổng hợp carotenoid của <i>Rhodotorula mucilaginosa</i> . Với các nồng độ chất tạo stress oxy hóa CuSO ₄ 4,5 mM / L và H ₂ O ₂ trong 1 lít môi trường lên men là 1 % tạo nên sự tăng cường tổng hợp carotenoid. Thời gian lên men thu chất màu phù hợp là 10 ngày.
73	Khảo sát khả năng sinh tổng hợp của <i>Rhodotorula</i> trên môi	Huỳnh Thị Y Bình	ThS. Lý Thị Minh Hiền	Đề tài khảo sát quá trình sinh tổng hợp lipid của <i>Rhodotorula mucilaginosa</i> trong môi trường

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	trường dinh dưỡng từ bắp nếp.			nuôi cấy bổ sung dịch thủy phân bắp nếp. Kết quả đạt được cho thấy nồng độ Termamyl phù hợp để thủy phân bắp tạo dịch lên men là 0,25% trong 30 phút ở 700C. Tỷ lệ nguồn carbon thích hợp để nuôi cấy <i>Rhodotorula mucilaginosa</i> trên môi trường dịch bắp nếp là: 10 g /L D-glucose, 10 g /L Glycerol, 500ml dịch bắp, 5 g/ L Cao nấm men, 500 ml nước cất. Tỷ lệ C/ N tối ưu trong môi trường nuôi dịch thủy phân bắp nếp cho quá trình tích lũy sinh khối và sinh tổng hợp lipid phù hợp nhất của <i>Rhodotorula mucilaginosa</i> là 80/1. Thời gian nuôi cấy thích hợp để nấm men <i>Rhodotorula</i> tích lũy sinh khối và sinh tổng hợp lipid là 7 ngày.
74	ứng dụng quá trình tạo nhũ tương trong chế biến nước cốt dừa bổ sung dầu hạt bí đỏ	Đàm Cung My	Ths.Lý Thị Minh Hiền	Đề tài đã nghiên cứu khảo sát các tỉ lệ phối trộn phù hợp cho quá trình tạo vi nhũ tương nước cốt dừa bổ sung dầu hạt bí đỏ và khảo sát được chất chống oxy hóa cũng như điều kiện bảo quản của sản phẩm. Qua đề tài này tôi đã nghiên cứu, lựa chọn được các thông số phù hợp cho sản phẩm nước cốt dừa bổ sung dầu hạt bí đỏ như sau: Nồng độ nước cốt dừa thích hợp là 20%. Nồng độ nước thích hợp là 70%. Nồng độ chất nhũ hóa thích hợp là xanthan gum 0.3%; Lecithin 0.5%. Đầu khuấy thích hợp là 10 dPas. Thời gian khuấy 7 phút. Tốc độ khuấy 5000 vòng. Chất chống oxy hóa thích hợp là vitamin C&E. Bao bì nhôm được hàn nhiệt
75	Khảo sát quá trình sản xuất maltodextrin từ tinh bột mít sử dụng enzyme alpha	Trần Thị Ngọc Trường	ThS. Lý Thị Minh Hiền	Từ các kết quả nghiên cứu thu được từ quá trình cố định enzyme α -amylase, có thể đưa ra một số kết luận như sau :

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	amylase cố định.			Hàm lượng protein trung bình trong 1 ml chế phẩm enzyme hòa tan là 263,5µg/ml và hoạt tính trung bình của dịch enzyme hòa tan là 9322,03 UI/g, từ đó có thể nhận xét chế phẩm enzyme α-amylase thương mại thể hiện hoạt tính thủy phân tinh bột. Qua 4 thí nghiệm để xác định những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt tính, hiệu suất cũng như khả năng tái sử dụng enzyme cố định, các thông số đã được tối ưu và được đánh giá bằng bảng ANOVA với hàm lượng chất mang cố định là 1 g, ta có các thông số tối ưu : thời gian cố định là 120 phút, tỷ lệ enzyme và chất mang là 1ml enzyme với 1 g chất mang, pH tối ưu cho quá trình cố định là 6,0 thì enzyme cố định có hoạt tính và hiệu suất tốt nhất. Enzyme α-amylase cố định có khả năng thủy phân tinh bột và chu kỳ tái sử dụng 3 lần. Nghiên cứu các thông số ảnh hưởng đến quy trình thủy phân tinh bột mít tạo maltodextrin. Sử dụng enzyme α-amylase cố định trên celite : nhiệt độ thích hợp khoảng : 50 °C, pH thích hợp : 5,5, thời gian: 10 phút, cho ra DE =20.
76	Khảo sát quá trình cố định enzyme Termamyl bởi chất mang alginate đến việc thủy phân tinh bột hạt mít thu Maltodextrin	Trần Thị Hải Yến	ThS. Lý Thị Minh Hiền	Đề tài khảo sát quá trình cố định enzyme Termamyl cố định lên gel natri alginate. .Enzyme có khả năng thủy phân tinh bột và có thể tái sử dụng qua 6 lần sử dụng ở nhiệt độ thủy phân 80°C. Khảo sát ảnh hưởng của nhiệt độ đến quá trình thủy phân tinh bột thu được kết quả ở 75°C là khoảng nhiệt độ mà enzyme cố định tham gia thủy phân cho ra hàm lượng đường

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				khử cao nhất. Ở nhiệt độ này, enzyme hoạt động hiệu quả, giúp cấu trúc gel alginate ổn định, không gây ảnh hưởng lớn đến cấu trúc gel alginate như làm mềm, phá vỡ cấu trúc không còn như ban đầu, để đảm bảo có thể tái sử dụng được nhiều lần. Hàm lượng cố định enzyme đến quá trình thủy phân tinh bột hạt mít được đánh giá dựa trên chỉ số DE tạo maltodextrin ($4 < DE < 20$), hàm lượng enzyme cố định khác nhau với khoảng thời gian thủy phân tinh bột hạt mít khác nhau sẽ cho khoảng DE khác nhau. Từ thí nghiệm đã thực hiện ta được kết quả với hàm lượng enzyme cố định là 0,5g và thời gian thủy phân là 10 phút, thì sẽ thu được maltodextrin với $DE=17,250$.
77	Nghiên cứu điều chế nhũ tương dầu gấc ứng dụng làm màu cho nước nha đam	Võ Hoài Trúc Phương	ThS. Lý Thị Minh Hiền	Đề tài đã nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tạo nhũ tương dầu gấc để tạo ra hệ nhũ tương bền từ đó ứng dụng bổ sung nó vào sản phẩm nước nha đam. Qua đề tài này tôi đã nghiên cứu, khảo sát được các điều kiện, yếu tố ảnh hưởng. Nồng độ polymer thích hợp là lecithin 2% có bổ sung xathan gum 0,2%. Nồng độ dầu gấc thích hợp là 5%. Điều kiện đồng hóa thích hợp cho nhũ tương dầu gấc được tạo với lecithin và xathan gum là 5000 vòng/5phút. Nồng độ nhũ tương dầu gấc bổ sung vào sản phẩm nước nha đam thích hợp là 9%. Chất chống oxy hóa thích hợp là vitamin E (0,1%). Bảo quản ở trong tối với nhiệt độ 100C. Bao gói: Chai thủy tinh. Nhũ tương dầu gấc bền màu trong

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				môi trường trung tính và trong điều kiện tránh ánh sáng trực tiếp. Sự thay đổi nhiệt độ trong khoảng 10oC đến nhiệt độ phòng hầu như không ảnh hưởng đến cường độ màu của sản phẩm. Có thể sử dụng nhũ tương dầu gấc với nồng độ 9% để tạo màu cho sản phẩm nước nha đam. Sản phẩm có màu vàng sáng, đẹp, bền màu khi bảo quản ở nhiệt độ 100C, trong tối.
78	Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất trà túi lọc từ cỏ gấu (<i>Cyperus rotundus</i>)	Cao Thị Kiều Nga	ThS. Nguyễn Thị Lệ Thủy	Đề tài tiến hành khảo sát quy trình điều chế cao từ củ cỏ gấu để xác định các thông số tối ưu. Và kế tiếp khảo sát các hoạt tính sinh học của cao chiết củ gấu gồm khả năng kháng oxy hóa của cao chiết củ gấu bằng phương pháp bắt gốc tự do DPPH và tiếp theo khảo sát khả năng kháng enzyme α -glucosidase. Cuối cùng, khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quy trình sản xuất trà túi lọc từ củ gấu để thu được các thông số tối ưu và đưa ra quy trình công nghệ sản xuất trà túi lọc củ gấu.
79	Nghiên cứu quy trình sản xuất trà hòa tan từ đài hoa búp giấm (<i>Hibiscus sabdariffa</i> L.)	Trương Trọng Hiếu	ThS. Nguyễn Thị Lệ Thủy	Búp giấm (<i>Hibiscus sabdariffa</i> L.) là một loài cây thích hợp với những vùng có khí hậu khắc nghiệt, đất đai đồi núi trung du. Lá và đài hoa búp giấm được sử dụng nhiều trong đời sống hằng ngày như nấu canh chua, làm siro, rượu,... Đặc biệt, bộ phận đài hoa có chứa nhiều thành phần hóa học có lợi cho sức khỏe như anthocyanin, vitamin, acid hữu cơ,... Khóa luận tiến hành khảo sát các hoạt tính sinh học của đài hoa búp giấm là khả năng đánh bắt gốc tự do và khả năng ức chế enzyme α -glucosidase trong điều trị bệnh

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				tiêu đường. Trên cơ sở đó, ứng dụng để sản xuất sản phẩm trà hòa tan từ đài hoa bưởi giấm. Quy trình sản xuất như sau: nguyên liệu -> trích ly -> lọc -> cô đặc -> phối trộn -> đông lạnh -> sấy thăng hoa -> nghiền, xay -> bao gói. Tiến hành khảo sát các công đoạn chính: quá trình trích ly, cô đặc, phối trộn. Ngoài ra, khóa luận còn tiến hành xác định các tiêu chuẩn nguyên liệu đài hoa bưởi giấm để sản xuất sản phẩm trà hòa tan.
80	Nghiên cứu quy trình sản xuất trà thảo dược đóng chai từ rau tàu bay (<i>crassocephalum crepidioides</i>) và khảo sát khả năng kháng oxy hóa của sản phẩm	Ka' Thơ	ThS. Nguyễn Thị Lệ Thủy	Đề tài tiến hành khảo sát quy trình điều chế cao từ rau tàu bay để xác định các thông số tối ưu. Và kế tiếp khảo sát các hoạt tính sinh học của cao chiết rau tàu bay gồm khả năng kháng oxy hóa của cao chiết rau tàu bay bằng phương pháp bắt gốc tự do DPPH và tiếp theo khảo sát khả năng kháng enzyme α -glucosidase. Cuối cùng, khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quy trình sản xuất trà túi lọc từ rau tàu bay để thu được các thông số tối ưu và đưa ra quy trình công nghệ sản xuất trà thảo dược rau tàu bay.
81	Nghiên cứu quy trình sản xuất trà túi lọc từ quả nhàu (<i>Morinda Citrifolia</i> L.) và khảo sát khả năng ức chế enzyme α -glucosidase của sản phẩm	Hiền	ThS. Nguyễn Thị Lệ Thủy	1. Khảo sát nguyên liệu ban đầu: độ ẩm, hàm lượng tro, đường khử, đường tổng. 2. Khảo sát quá trình trích ly cao nhàu bằng dung môi nước: tỷ lệ nguyên liệu: dung môi, nhiệt độ, thời gian trích ly 3. Khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa trên DPPH và kháng enzyme α -glucosidase của cao nước và cao ethanol. 4. Khảo sát quy trình sản xuất trà túi lọc: quy trình phối trộn, quy trình sao

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				5. Khảo sát toàn diện sản phẩm cuối: nhiệt độ nước pha trà, thời gian pha trà và đánh giá cảm quan sản phẩm cuối.
82	Nghiên cứu quy trình sản xuất trà túi lọc lá sake và khảo sát hoạt tính sinh học của sản phẩm.	Nguyễn Thị Thu Hoài	ThS. Nguyễn Thị Lệ Thủy	Nghiên cứu quy trình sản xuất trà túi lọc lá sake và khảo sát hoạt tính sinh học của sản phẩm.
83	Nghiên cứu giải pháp xử lý phụ phẩm tinh bột từ quy trình sản xuất chả lụa chay và ứng dụng vào chế biến sản phẩm sauce BBQ bổ sung lá mắc mật (<i>Clausena indica</i>)	Hoàng Trần Vân Phương	ThS. Tạ Đăng Khoa	Đề tài nghiên cứu nhằm mục đích tận dụng triệt để phụ phẩm tinh bột của ngành sản xuất chả lụa chay, góp phần nâng cao giá trị của phụ phẩm, làm đa dạng hóa thị trường sauce BBQ trong nước và kích thích thị hiếu của người tiêu dùng bên cạnh việc giúp giải quyết vấn đề ô nhiễm do lượng tinh bột thải bỏ thực tế ra môi trường.
84	Nghiên cứu quy trình sản xuất sữa đặc có đường từ thực vật	Nguyễn Lê Thanh Trúc	ThS. Tạ Đăng Khoa	Sữa đặc từ thực vật có bổ sung cỏ ngọt không chứa thành phần động vật, không lactose, không cholesterol. Sản phẩm được làm hoàn toàn từ tự nhiên với nguồn nguyên liệu phổ biến như đậu nành (không biến đổi gen), bí đỏ, cỏ ngọt... để tạo một sản phẩm nhân văn, mới lạ, thơm ngon và bổ dưỡng, đồng thời đáp ứng nhu cầu của người thuần chay và những ai quan tâm đến phúc lợi động vật, sức khỏe và môi trường...
85	Nghiên cứu quy trình sản xuất phô mai chay làm từ hạt điều bổ sung bí đỏ	Nguyễn Tiến Hoàng	ThS. Tạ Đăng Khoa	Đề tài bước đầu tìm hiểu, xây dựng quy trình sản xuất phô mai chay từ hạt điều có bổ sung bí đỏ, với nguyên liệu 100% từ thực vật nhằm tạo ra sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng, đặc biệt dành cho người ăn thuần chay và góp phần làm đa dạng hóa các sản phẩm phô mai trên thị trường Việt Nam.

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
86	Nghiên cứu quy trình sản xuất đậu hũ dinh dưỡng giàu amino axit thiết yếu từ thực vật	Đặng Thị Hoài	ThS. Tạ Đăng Khoa	Đề tài bước đầu khảo sát các nguyên liệu từ thực vật bên cạnh nguồn nguyên liệu chính là đậu nành để tạo ra một sản phẩm đậu hũ mới lạ, thơm ngon, không những chứa đầy đủ các amino acid thiết yếu nâng cao giá trị dinh dưỡng, mà còn giúp đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với mọi người đặc biệt là người ăn chay theo chế độ thuần thực vật.
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành Tài chính – Ngân hàng (chất lượng cao)				
1	Phân tích thực trạng rủi ro cho vay khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Sài Gòn	Nguyễn Quang Long	ThS Phan Hồng Hạnh	Mục tiêu Phân tích tình hình hoạt động cho vay đối tượng khách hàng doanh nghiệp tại ngân hàng thông qua số liệu thực tế tại Ngân hàng BIDV – chi nhánh Bắc Sài Gòn, để thấy được những hiệu quả, thành tựu, và những tồn tại trong hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp. Từ đó đánh giá tình trạng rủi ro khi cho vay qua một số chỉ tiêu khác nhau, rút ra nhận xét về tình cho vay khách hàng doanh nghiệp tại chi nhánh. Để đạt được mục tiêu trên, luận văn này sẽ tiến hành thực hiện các bước cụ thể gồm: Xem xét tình hình cho vay đối tượng khách hàng doanh nghiệp tại ngân hàng BIDV chi nhánh Bắc Sài Gòn Phân tích mức độ rủi ro trong công tác cho vay thông qua các chỉ tiêu. Rút ra nhận xét, kết luận Phương pháp áp dụng Phương pháp thu thập số liệu Thu thập số liệu thực tế thông qua hồ sơ lưu trữ là các Báo cáo

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				tài chính của ngân hàng như: Bảng cân đối kế toán, Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ... Tham vấn trực tiếp các cán bộ tín dụng tại phòng Khách hàng Doanh nghiệp 2 tại ngân hàng BIDV chi nhánh Bắc Sài Gòn. Thu thập các cơ sở lý thuyết, những thông tin bổ sung qua việc tham khảo tài liệu, những nghiên cứu tiên nhiệm, giáo trình, báo chí, internet, ... Phương pháp phân tích Việc phân tích số liệu trong báo cáo này được thực hiện theo phương pháp phân tích theo chiều ngang, so sánh số liệu giữa các năm, đưa ra chênh lệch, tăng giảm tuyệt đối và tính toán tương đối số để xác định tốc độ tăng trưởng hay suy giảm của từng chỉ tiêu qua các năm. Trong đó: So sánh số tuyệt đối: là hiệu giữa giá trị của kỳ phân tích và kỳ trước của chỉ tiêu đó $\Delta Q = Q_1 - Q_0$ Với: Q_0 : giá trị của chỉ tiêu tại kỳ trước Q_1 : giá trị của chỉ tiêu tại kỳ này ΔQ : chênh lệch tăng giảm của chỉ tiêu so với kỳ trước So sánh số tương đối: là thương số giữa chênh lệch của chỉ tiêu so với kỳ trước của và giá trị của kỳ trước $\%Q = \frac{\Delta Q}{Q_0} * 100\%$ Với: Q_0 : giá trị của chỉ tiêu tại kỳ trước ΔQ : chênh lệch tăng giảm của

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				chỉ tiêu so với kỳ trước %Q : tốc độ tăng trưởng hoặc suy giảm của chỉ tiêu Bên cạnh đó, bài nghiên cứu này kết hợp sử dụng các chỉ tiêu định lượng có thể tính toán được qua việc phân tích số liệu đã thu thập để mô tả thực trạng của vấn đề được đề cập, sau đó đưa ra nhận xét tình hình thực tế của ngân hàng BIDV Bắc Sài Gòn. Phạm vi nghiên cứu Không gian: số liệu chính thức được thu thập từ các phòng ban của ngân hàng BIDV Bắc Sài Gòn. Thời gian: số liệu được sử dụng trong đề tài là số liệu trong thời gian ba năm 2015-2017.
2	Tình hình thực hiện các phương thức Thanh toán quốc tế của Ngân hàng TMCP Tiên Phong – chi nhánh Gia Định	Lương Thị Kim Ngân	ThS Phan Thị Minh Huệ	Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu: Mục đích nghiên cứu của khóa luận là tìm ra những đề xuất để phát triển hoạt động Thanh toán quốc tế tại TPBank Gia Định. Để đạt được mục đích nêu trên, những vấn đề cần được giải quyết trong khóa luận là: Tìm hiểu, phân tích và đánh giá tình hình thực trạng thực hiện các phương thức TTQT của TPBank Gia Định. Đề ra những kiến nghị nhằm phát triển hoạt động TTQT của TPBank Gia Định. Câu hỏi nghiên cứu: Trên thực tế, Chuyển tiền là phương thức TTQT được sử dụng nhiều do tính chất đơn giản, vậy tại TPBank Gia Định thực tế này có đúng như vậy?

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp thu thập dữ liệu: tất cả dữ liệu trong khóa luận tốt nghiệp được xin từ các Báo cáo của TPBank Gia Định, từ các anh chị trong Phòng CB, Phòng Kế toán và từ các nhân viên của mảng Thanh toán Quốc tế. Phương pháp phân tích: tổng hợp, thống kê lại tất cả những dữ liệu đã thu thập được, sau đó tính toán, phân tích và so sánh sự biến động của các con số kết quả kinh doanh của hoạt động Thanh toán quốc tế của TPBank Gia Định. Phạm vi nghiên cứu: Phạm vi nội dung nghiên cứu: hoạt động, quy trình và quy mô của hoạt động Thanh toán Quốc tế, từ đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp để phát triển và mở rộng hoạt động này. Phạm vi số liệu được sử dụng phân tích: dữ liệu trong khóa luận được thu thập từ các báo cáo hoạt động kinh doanh của TPBank Gia Định giai đoạn 2015–2017. Phạm vi không gian nghiên cứu: Ngân hàng TMCP Tiên Phong – chi nhánh Gia Định.
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành Ngôn ngữ Anh (chất lượng cao)				
1	Marketing plan for outdoor hanging chair of ATC Furniture Furnishings Corporation	Võ Phương Quỳnh Anh	ThS Nguyễn Đình Kim	In the Industry 4.0 era, there is now an intense competition between companies from around the world to attract customers. ATC Furniture Furnishings Corporation has already brought a fresh wind to outdoor furniture market by its wicker furniture. However,

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				there are still a lot of problems occurring when other new competitors enter the market. The competitive environment encourages companies to be more aware of researching surrounding aspects. In this situation, practicing marketing is a must. It not only helps the company make the right decision but also effectively maintains the company's position in the market. One important step in practicing marketing is to create a practical marketing plan in order to satisfy its customers' needs and achieve its targets. For that reason, the company needs to have a sufficient analysis in marketing and this marketing plan for outdoor hanging chair of ATC Furniture Furnishings Corporation is necessary for the company to find out how to keep standing out in the outdoor furniture market. OBJECTIVE OF THE THESIS This thesis aims at the potential market to introduce a marketing plan for the company to develop its outdoor hanging chair and achieve goals for the period of 2018 – 2020. METHODOLOGIES Desk research The author uses various sources on the Internet such as magazines, articles, blogs, etc. and collects information from the company's documents. With desk research, the author can also regularly control the changes in outdoor furniture

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				manufacturing industry even when the company operates smoothly. Additionally, from research, potential customers will be identified for promoting the product. Interviews Interviews with participants from different organizations are conducted to gather information on the current situation and investigate customers' buying behaviors. Interviewees are managers or executives from the company and other businesses. The questionnaire is made with multiple choices and Likert scales questions. The author conducted interview with 30 individuals in different departments, companies and cities. All of them answered through online questionnaire form. This step of desk research and interviews plays a crucial role in making a marketing plan for the particular product. STRUCTURE OF THE THESIS The thesis consists of four chapters. Chapter 1 is the literature review, including the definition of marketing strategies and marketing plan. Chapter 2 introduces the profile of ATC Furniture Furnishings Corporation. After providing necessary information, the author would like to analyze external environment of the company, which is stated in Chapter 3. Finally, Chapter 4 suggests a

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				marketing plan for outdoor hanging chair of ATC Furniture.
2	Evaluating the marketing in non-profit organizations in case of the Dutch Business Association in Vietnam	Nguyễn Thị Diễm Thúy	ThS. Tô Thị Kim Hồng	ABSTRACT The objective of the thesis is to find out the practice of marketing that non-profit organizations use to connect the publics and draw their attention to the organizations' activities. Moreover, we are currently integrating into the Fourth Industrial Revolution which creates numerous changes in manufacturing and technologies, especially digital technologies. Therefore, it is vital for NPOs to quickly catch the fast-paced development by altering their marketing strategies. The thesis reviews both the previous and existing literature on the non-profit marketing field. There are a variety of research methods applied in this graduation paper to scrutinize or assess the situation precisely. 106 participants who mostly used to/have been working for a NPO involving in responding the survey and 6 representatives from profit and non-profit organizations spent their valuable time to join the interview. After conducting the thesis, it can be seen that the NPOs primarily rely on offline marketing (organizing events, doing fundraising, having face-to-face conversation). Sending e-mails, releasing e-newsletter every month or create innovative websites are considered to positively affect

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				to the results and help to build trust from the publics. Moreover, online marketing, particularly social networking sites including Facebook, LinkedIn or Instagram are relatively unusual. The organizations mainly use social media to update their information and inform the activities to the publics; therefore, they almost do not take the entire advantage of this type of online marketing. However, the organizations are putting a lot of efforts to fully utilize this kind of channel due to its economy, convenience and popularity. Relationship is very important in the success of any programs. A fundraising project is considered to be rewarding when the organization have a close connection with donors or sponsors. Therefore, making a serious attempt at building networks and forming bonds amongst organizations and individuals will promote the opportunities to earn sponsors and support the organization's activities. Finally, the organizations need to understand their target audience and clarify what the publics truly need, adjust to the trends in 4.0 era in order to convey appealing messages and create products/services appropriate to the publics.
3	An investigation into hotel services quality towards customers' expectations in Aoi Kyoto Hotel &	Nguyễn Hữu Thanh Nhân	ThS. Bùi Đỗ Công Thành	Abstract One of the most important and challenging aspects of service management is the capability of understanding and providing

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Resorts, Japan			suitable services to guests' expectation. In fact, it is considered as the key factor in the competitive market of hotel industry for remarkable differentiation and customer retention. While a variety of studies had been carried out, customers' perception continues to evolve in the fast-paced and constantly developing world. Acknowledging its importance and changes, this research attempts to pay attention to different attributes of hotel quality services and evaluate their guests' perception today at one of the most popular tourist destinations, Kyoto. The SERVQUAL scale was utilized to evaluate service quality perceptions from the viewpoints of guests staying at Aoi Kyoto Hotel & Resorts. Furthermore, it also partly reveals the norm of hotel service in Japan towards Asian. The research was implemented with 124 respondents for quantitative analysis and 55 photo submissions for photo-elicitation study. After being collected, data statistics were used to answer the research questions. The study results indicate that hotel guests' perceptions towards hotel service did not have much significant change; however, they are expected to demand for more services available. They also show how customers expect and rate the service quality of a hotel business in Japan. Therefore, the findings can be used a guide for

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				hoteliers who wish to understand Japanese hotel customs as well as enhance the service performance to maintain customers' satisfaction.
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành Quản trị kinh doanh (chất lượng cao)				
1	Nghiên cứu và phát triển dịch vụ du học tại công ty TNHH Giáo dục Quốc tế Sài Gòn International Saigon Education Trading Company	Nguyễn Chí Thiện	PGS.TS. Trịnh Thùy Anh	Mục tiêu nghiên cứu Nắm bắt xu hướng du học của học sinh, sinh viên Việt Nam Phân tích các dịch vụ du học hiện có của Công ty TNHH Giáo dục Thương mại Quốc tế Sài Gòn. Đề xuất các phương án phát triển dịch vụ hiện có của Công ty TNHH Giáo dục Thương mại Quốc tế Sài Gòn. (ISET COMPANY LTD) Phương pháp nghiên cứu Phương pháp nghiên cứu thực tế: Thực hiện khảo sát thực tế từ môi trường làm việc của công ty TNHH Giáo dục Thương mại Quốc tế Sài Gòn, và thu thập thông tin liên quan đến các dịch vụ du học hiện có của công ty TNHH Giáo dục Thương mại Quốc tế Sài Gòn. Phương pháp nghiên cứu tại bàn: Thu thập, nghiên cứu các dữ liệu thứ cấp từ những tài liệu quá khứ của công ty. Phương pháp nghiên cứu định tính sơ bộ bao gồm quan sát, phỏng vấn cá nhân và thảo luận nhóm. Phương pháp Delphi: Lắng nghe, chỉnh sửa theo ý kiến của người hướng dẫn thực tập và giảng viên hướng dẫn để hoàn thiện nội dung đề tài. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				Đối tượng nghiên cứu: Các dịch vụ du học hiện có của Công ty TNHH Giáo dục Thương mại Quốc tế Sài Gòn. Phạm vi nghiên cứu: Các dịch vụ du học hiện có của Công ty TNHH Giáo dục Thương mại Quốc tế Sài Gòn. Địa điểm: 250 Tô Hiệu, phường Hiệp Bình Tân, Quận Tân Phú, TP.HCM Thời gian: từ ngày 17/10/2017 đến 10/12/2017
2	Những động lực và tác động của nhà trường khi quyết định đi du học ở học sinh trung học phổ thông	Phạm Ngọc Quỳnh Như	ThS. Nguyễn Trần Cẩm Linh	Mục tiêu của đề tài Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đi du học của học sinh, đặc biệt là những động lực và ảnh hưởng từ nhà trường THPT hiện nay từ đó hiểu hơn về mong muốn, nhu cầu của học sinh. Đưa ra kết luận về những yếu tố sẽ ảnh hưởng nhiều nhất từ đó đề xuất phương án hiệu quả để giải quyết, hạn chế các ảnh hưởng của những yếu tố đã phân tích. Phạm vi và phương pháp nghiên cứu Đối tượng khảo sát: học sinh tại 18 trường THPT khu vực TP.HCM Thời gian: 15 tuần Không gian nghiên cứu: tại TP.HCM Phương pháp nghiên cứu Nghiên cứu sơ bộ Nghiên cứu sơ bộ - Phương pháp định tính: Quá trình nghiên cứu sơ bộ được thực hiện bằng phương pháp định tính thông qua hình thức phỏng vấn chuyên gia trong ngành.

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				Việc nghiên cứu này nhằm hiệu chỉnh thang đo để phù hợp với bối cảnh nghiên cứu. Định lượng: sử dụng bảng câu hỏi với khoảng 20 đối tượng ngẫu nhiên để đánh giá sơ bộ về độ tin cậy và các giá trị thang đo đã thiết kế và điều chỉnh cho phù hợp. Nghiên cứu chính thức Thực hiện bằng phương pháp định lượng thông qua bảng câu hỏi chi tiết với 300 đối tượng là những người có ý định đi du học. Sau đó dùng phương pháp toán thống kê để xử lý kết quả bảng câu hỏi. Phương pháp thu thập dữ liệu Thu thập dữ liệu sơ cấp Lập bảng câu hỏi sơ bộ tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 20 đối tượng Từ bảng câu hỏi sơ bộ điều chỉnh, lập ra bảng câu hỏi chính thức khảo sát 300 học sinh tại 18 trường THPT. Thu thập dữ liệu thứ cấp Thu thập từ các bài nghiên cứu trước, từ Cục Thống Kê, Bộ Giáo Dục và Đào tạo... về những vấn đề liên quan đến du học Quy trình thực hiện nghiên cứu Bước 1: Xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu Vấn đề: Yếu tố tương tác với bạn bè và yếu tố động lực ảnh hưởng đến quyết định đi du học của học sinh THPT tại Việt Nam. Mục tiêu: Phân tích các yếu tố tương tác với bạn bè và yếu tố động lực cũng như một số yếu tố phụ

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				khác ảnh hưởng đến quyết định đi du học của học sinh hiện nay từ đó hiểu hơn về mong muốn, nhu cầu của học sinh. Đưa ra những đề xuất hiệu quả để giải quyết, hạn chế các ảnh hưởng từ những yếu tố đó đặc biệt là yếu tố tương tác với bạn bè và yếu tố động lực. Bước 3: Thu thập thông tin Nguồn thông tin thứ cấp: thu thập các nguồn dữ liệu thứ cấp từ những bài nghiên cứu trước, từ Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, từ Tổng Cục Thống Kê,... Nguồn thông tin sơ cấp: thu thập trực tiếp thông qua hình thức phỏng vấn sâu, bảng câu hỏi khảo sát. Thu thập thông tin thông qua việc và phỏng vấn trực tiếp các đối tượng là những người từng có kinh nghiệm đi du học, những người đang du học thông qua phỏng vấn sâu và đặc biệt là những người có ý định đi du học và gửi bảng khảo sát đến trực tiếp các trường THPT. Từ kết quả của phỏng vấn sâu và bảng câu hỏi khảo sát để đưa ra nhận định về tình hình chung về yếu tố ảnh hưởng đến hành vi quyết định đi du học hiện nay. Mục đích là để lấy các thông tin và dữ liệu cần thiết phục vụ công tác nghiên cứu. Bước 4: Phân tích và diễn giải số liệu Sau khi tiến hành khảo sát và tập hợp đầy đủ các phản hồi đúng như số lượng mẫu đã chọn, tiến hành phê chuẩn mẫu để hiệu chỉnh, thống kê mô tả kết quả khảo sát thông qua việc sử dụng phần mềm SPSS.

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				Phê chuẩn dữ liệu: Kiểm tra thông tin thu thập được, hủy bỏ nếu bảng câu hỏi không đạt yêu cầu, thu thập cho đến khi đủ dữ liệu yêu cầu. Các bảng câu hỏi không đạt yêu cầu là bảng hỏi không có đầy đủ câu trả lời hoặc đối tượng khảo sát không hợp tác. Thống kê mô tả: Thống kê lại số liệu, so sánh lựa chọn của đối tượng khảo sát. Phân tích số liệu để ra kết luận. Lựa chọn những yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất để đề xuất ý kiến, giải pháp. Bước 5: Viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu Sau khi thực hiện bước 4 dựa vào những phân tích, sẽ tổng hợp viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu ở chương 3.
3	Yếu tố động lực và rào cản ảnh hưởng đến quyết định du học của học sinh THPT tại TP.HCM	Nguyễn Tường Vy	ThS. Nguyễn Trần Cẩm Linh	Mục tiêu của đề tài Phân tích động lực và rào cản thường gặp ảnh hưởng đến quyết định đi du học của học sinh hiện nay. Đề xuất kiến nghị cho ngành tư vấn du học nói chung và các công ty tư vấn du học nói riêng Phạm vi nghiên cứu Đối tượng khảo sát Học sinh 18 trường THPT đang học tập tại TPHCM có ý định đi du học 20 đối tượng ngẫu nhiên là học sinh đang học tại TPHCM Không gian nghiên cứu: tại TPHCM Phương pháp nghiên cứu <i>Thu thập dữ liệu tại bàn:</i> Thu thập dữ liệu thứ cấp bằng cách tham khảo những nghiên cứu thuộc các tạp chí khoa học uy

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				tín trong ngành dịch vụ đặc biệt là lĩnh vực giáo dục. Mục đích nhằm tìm chọn một số yếu tố có tác động đến quyết định đi du học của học sinh THPT. Qua đó, tiến hành chọn lọc những khái niệm, các mối quan hệ, mô hình lý thuyết phù hợp để xây dựng thang đo và bảng câu hỏi khảo sát. <i>Nghiên cứu sơ bộ - Phương pháp định tính:</i> Quá trình nghiên cứu sơ bộ được thực hiện bằng phương pháp định tính thông qua hình thức phỏng vấn chuyên gia trong ngành. Việc nghiên cứu này nhằm hiệu chỉnh thang đo để phù hợp với bối cảnh nghiên cứu. <i>Nghiên cứu sơ bộ - Phương pháp định lượng:</i> Dựa vào các bài nghiên cứu trước và mô hình nghiên cứu lập bảng khảo sát sử dụng bảng câu hỏi với khoảng 20 đối tượng ngẫu nhiên để đánh giá sơ bộ về độ tin cậy và các giá trị thang đo đã thiết kế và điều chỉnh cho phù hợp. <i>Nghiên cứu chính thức - Phương pháp định lượng:</i> Đây là phương pháp được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu này. Thực hiện bằng phương pháp định lượng thông qua bảng câu hỏi chi tiết với 500 đối tượng là những người có ý định đi du học. Sau đó dùng phương pháp toán thống kê để xử lý kết quả bảng câu hỏi. <i>Phân tích và xử lý số liệu:</i> Bước đầu tiên là tiến hành đánh giá sơ bộ thang đo bằng hai công cụ: phân tích độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha và phân tích

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis - EFA). Công đoạn này giúp loại bỏ các biến không phù hợp, biến rác ra khỏi mô hình. Sau đó tiến hành phân tích Hồi quy giúp kết luận được những yếu tố nào tác động tốt nhất đến bài nghiên cứu. Phương pháp thu thập dữ liệu Thu thập dữ liệu sơ cấp Lập bảng câu hỏi sơ bộ tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 20 đối tượng từ đó rút ra được bảng câu hỏi chính thức Lập bảng câu hỏi chính thức để khảo sát 300-500 học sinh tại các trường THPT Thu thập dữ liệu thứ cấp Thu thập từ các bài nghiên cứu trước, từ Cục Thống Kê, Bộ Giáo Dục và Đào tạo... về những vấn đề liên quan đến du học.
4	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công trong tổ chức sự kiện và đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cho công ty TNHH SX TMDV Kết Nối Việt	Tạ Thị Yên Nhi	ThS. Nguyễn Trần Cẩm Linh	Mục tiêu Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của sự kiện trong đó có yếu tố kế hoạch quản trị rủi ro nhằm nhận biết mức độ tác động của yếu tố này đến sự thành công của sự kiện. Phân tích tình hình quản trị rủi ro trong tổ chức sự kiện của công ty TNHH TMDV Kết Nối Việt so với thực tế ngành tổ chức sự kiện. Đưa giải pháp quản trị rủi ro hiệu quả trong tổ chức sự kiện cho Công ty TNHH SX TMDV Keesrt Nối Việt. Phương pháp nghiên cứu Đối tượng nghiên cứu Đối tượng Nghiên cứu là Công

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				ty TNHH SX TMDV Ké Nối Việt, các doanh nghiệp là khách hàng của công ty, các doanh nghiệp đã tổ chức sự kiện và có nhu cầu tổ chức sự kiện nhằm mục đích truyền tải thông điệp và quảng bá sản phẩm, dịch vụ, thương hiệu đến công chúng Phạm vi nghiên cứu Tác giả thực hiện nghiên cứu các doanh nghiệp trên địa bàn TPHCM.
5	Hoàn thiện hệ thống phân phối cho Công ty Cổ phần Nhung Như trong giai đoạn 2018-2025	Nguyễn Ngọc Mai Thi	TS. Cao Minh Trí	Mục tiêu nghiên cứu Khóa luận chủ yếu nghiên cứu về thực trạng tổ chức kênh phân phối cũng như xây dựng các giải pháp nhằm hoàn thiện mạng lưới kênh phân phối cho Công ty CP Nhung Như, việc nghiên cứu đề tài này nhằm thực hiện một số nội dung sau: Phân tích, đánh giá thực trạng kênh phân phối. Tìm ra được những điểm mạnh, điểm yếu của Công ty và những cơ hội, thách thức của thị trường hiện tại. Đề ra một số giải pháp để hoàn thiện hệ thống kênh phân phối cho Công ty trong giai đoạn 2018-2025. Phương pháp nghiên cứu Luận văn sẽ áp dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp nghiên cứu định tính Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết Nghiên cứu sâu và vận dụng, tổng hợp từ các sách, báo đã được công bố, liên quan đến Marketing, đặc biệt là kênh phân phối sản phẩm như: Marketing căn bản, Quản trị

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				Marketing, các sách báo, tạp chí, Internet và các công trình nghiên cứu khoa học khác. Phương pháp chuyên gia, chuyên khảo Tham khảo ý kiến của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý (3 người), nhân viên bán hàng (5 người) của Công ty để tìm hiểu sâu hơn về thực trạng hiện tại của Công ty cũng như phương hướng hoạt động của Công ty trong thời gian sắp tới. Phương pháp nghiên cứu định lượng Phương pháp thu thập số liệu Thu thập số liệu thứ cấp về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty từ các báo cáo và thông tin về các đại lý thông qua khảo sát của Công ty. Phương pháp điều tra Mẫu đại diện là 152 đại lý đang hợp tác với Công ty CP Nhung Như trên địa bàn TP.HCM để khảo sát về mức độ hài lòng của họ với các chính sách mà Công ty đưa ra. Phương pháp xử lý dữ liệu được thực hiện bằng phần mềm Excel. Phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu Tác giả sử dụng phần mềm Excel để xử lý dữ liệu Phạm vi nghiên cứu Phạm vi nội dung Luận văn tập trung đi sâu nghiên cứu về thực trạng tổ chức cũng như những yếu tố tác động đến hệ thống kênh phân phối sản phẩm của Công ty. Từ đó, đưa ra được các giải pháp nhằm cải thiện tình trạng hiện tại và hoàn thiện hơn nữa hệ

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				thống kênh phân phối của Công ty CP Nhung Như. Phạm vi không gian Thị trường sản phẩm thực phẩm ngoại nhập của Công ty Nhung Như trải dài từ TP.HCM ra Hà Nội và mở rộng sang Đà Nẵng và Cần Thơ trong những năm gần đây. Tuy nhiên, do những hạn chế về mặt thời gian, nguồn lực cũng như kiến thức của bản thân nên đề tài được giới hạn tập trung nghiên cứu và phân tích hệ thống kênh phân phối của Công ty ở tại TP.HCM. Phạm vi thời gian Phân tích thực trạng hoạt động kênh phân phối sản phẩm của Công ty CP Nhung Như trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017 và đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện cho kênh phân phối của Công ty trong giai đoạn 2018-2025.
6	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tiêu dùng sản phẩm thời trang xanh của người tiêu dùng tại TP.HCM	Nguyễn Kiều Linh	TS. Cao Minh Trí	Mục tiêu nghiên cứu Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tiêu dùng sản phẩm thời trang xanh của người tiêu dùng trên địa bàn TP.HCM Xác định mức độ tác động của nhân tố đến ý định tiêu dùng sản phẩm thời trang xanh của người tiêu dùng trên địa bàn TP.HCM Đưa ra hàm ý quản trị nhằm xây dựng chiến lược marketing xanh hiệu quả cho sản phẩm thời trang xanh. Câu hỏi nghiên cứu Các nhân tố nào tác động đến ý định tiêu dùng sản phẩm thời trang xanh của khách hàng? Mức độ tác động của các nhân tố tác động đến ý định tiêu dùng

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				sản phẩm thời trang xanh của khách hàng như thế nào? Những hàm ý quản trị nào phù hợp cho doanh nghiệp để có thể thúc đẩy ý định tiêu dùng sản phẩm thời trang xanh của người tiêu dùng tại TP.HCM? Đối tượng và phạm vi nghiên cứu Phạm vi nghiên cứu giới hạn ở sản phẩm thời trang trong ngành may mặc. Thời gian nghiên cứu: từ tháng 12/2017 đến tháng 4/2018 Đối tượng nghiên cứu: Ý định tiêu dùng đối với sản phẩm thời trang xanh Đối tượng khảo sát: Người tiêu dùng sinh sống và làm việc tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
7	Một số yếu tố chính ảnh hưởng đến ý định mua sắm thiết bị nhà bếp cao cấp tại TP.HCM	Nguyễn Đình Hoàng Phúc	ThS. Nguyễn Đình Trọng	Mục tiêu nghiên cứu Đề tài nghiên cứu gồm ba mục tiêu chính sau: Thứ nhất là tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng lên ý định mua thiết bị nhà bếp cao cấp thông qua việc tổng hợp các cơ sở lý thuyết đã học và nghiên cứu định tính sơ bộ. Thứ hai là xác định trọng số của từng yếu tố ảnh hưởng lên ý định mua thiết bị nhà bếp cao cấp. Thứ ba là đề xuất một số giải pháp, hành động cụ thể cho hoạt động marketing nhằm thu hút người tiêu dùng mua sản phẩm thiết bị nhà bếp cao cấp, giúp cho các công ty sản xuất nâng cao được doanh thu và thị phần. Ý nghĩa nghiên cứu

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				Về mặt lý thuyết: Đề tài giới thiệu mô hình nghiên cứu hành vi người tiêu dùng đối với việc mua sắm thiết bị nhà bếp cao cấp. Qua đó, xác định được các yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định mua sắm thiết bị nhà bếp cao cấp tại các cửa hàng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Về mặt thực tiễn: Mục đích của nghiên cứu này là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua thiết bị nhà bếp cao cấp và xác định được trọng số cho các yếu tố ảnh hưởng. Đây sẽ là tài liệu cho các nhà marketing xác định được đâu là yếu tố tác động chính đến ý định mua sắm thiết bị nhà bếp cao cấp để có thể đề xuất những giải pháp marketing phù hợp nhằm thu hút khách hàng và góp phần tăng doanh thu hoạt động. Phương pháp nghiên cứu Đề tài nghiên cứu thực hiện kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính sơ bộ và nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định tính sơ bộ sẽ được thực hiện sau khi tổng hợp các cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài thông qua phỏng vấn sâu 6 chuyên gia đang hoạt động trong thị trường thiết bị nhà bếp cao cấp nhằm thu thập ý kiến, chọn lọc, bổ sung hoàn thiện hơn các biến, các yếu tố ảnh hưởng mạnh lên ý định mua của người tiêu dùng. Trong nghiên cứu định lượng dữ liệu được thu thập thông qua bảng câu hỏi phỏng vấn người tiêu dùng trong địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Số lượng bảng câu hỏi được tính

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				dựa vào lý thuyết của Hatcher (1998) và Hair (2005), cần 5 quan sát cho 1 biến đo lường và cỡ mẫu không nên nhỏ hơn 100. Mục đích của đề tài nghiên cứu là để kiểm định mô hình, thang đo và các giả thuyết nghiên cứu. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu Đối tượng nghiên cứu: những người có nhu cầu mua sắm thiết bị nhà bếp cao cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh Thời gian nghiên cứu: 15 tuần Phạm vi nghiên cứu: do giới hạn về thời gian và nguồn lực nên đề tài nghiên cứu chỉ tập trung lấy mẫu trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh.
Trình độ đào tạo: Đại học, Ngành Công nghệ Kỹ thuật công trình xây dựng (chất lượng cao)				
1	Khu phức hợp căn hộ - thương mại- văn phòng Orchard Garden	Trần Quang Vinh	TS. Nguyễn Phú Cường TS. Võ Nguyễn Phú Huân	Mã đề tài : 128.VP+CC-ORCHARD Q.PHÚ NHUẬN 1. Kiến trúc: - Mục đích xây dựng công trình. - Vị trí và đặc điểm công trình. - Quy mô công trình. - Giải pháp kiến trúc. - Giải pháp kỹ thuật khác. 2.Kết cấu (50%): - Mô hình công trình bằng phần mềm ETABS 2016 - Tính toán tải trọng. - Tĩnh tải & hoạt tải. - Tải trọng ngang. - Tổ hợp tải trọng. - Thiết kế sàn tầng điển hình. - Tính toán tải trọng - Xác định nội lực và tính cốt

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				thép sàn bằng phương pháp tra ô bảng đơn - Kiểm tra sàn theo trạng thái giới hạn thứ 2 - Mô hình sàn bằng phần mềm SAFE2016. • Thiết kế cầu thang khung trục 3. - Tính toán tải trọng. - Mô hình cầu thang bằng phần mềm SAP2000 v19. - Tính toán bản thang. - Tính toán dầm chiếu tới. • Thiết kế khung trục B. - Tính toán thiết kế dầm khung trục B. - Tính toán thiết kế vách khung trục B bằng phương pháp vùng biên chịu moment. - Kiểm tra khả năng chịu lực bằng biểu đồ tương tác sử dụng phần mềm CSI COLUMN v 9.0.0 - Kiểm tra ổn định tổng thể công trình (Kiểm tra chuyển vị ngang tại đỉnh công trình, kiểm tra chuyển vị ngang tương đối giữa các tầng nhà, kiểm tra độ dao động của công trình,..) 3. Nền móng (50%): • Thống kê địa chất • Thiết kế móng khung trục B (Móng M1 và M2) - Móng cọc ép ly tâm ứng suất trước. - Móng cọc khoan nhồi. - Kiểm tra cọc chịu tải ngang theo mô hình Winkler sử dụng phần mềm SAP2000. - Tính cốt thép cho đài móng

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				bằng phương pháp mặt ngàm tại vách • Thiết kế móng lõi thang trục 4 - Móng cọc ép ly tâm ứng suất trước. - Móng cọc khoan nhồi. - Mô hình đài móng bằng phần mềm SAFE 2016 để tính thép đài móng. - Kiểm tra cọc chịu tải ngang theo mô hình Winkler sử dụng phần mềm SAP2000.
2	Khách sạn 20-22 Phạm Ngọc Thạch	Đinh Quốc Tuyên	TS. Nguyễn Phúc Cường TS. Võ Nguyễn Phú Huân	Mã đề tài : 132. KS – PHẠM NGỌC THẠCH – (23+2) 1. Kết cấu (50%): - Chỉnh sửa phần kiến trúc công trình - Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình tầng 4 – tầng 13 - Thiết kế cầu thang khung trục b - Thiết kế kết cấu khung trục 7 2. Nền móng (50%): - Thiết kế cọc ép cho cột trục A-2, vách trục C-2 và lõi thang máy. - Thiết kế móng cọc nhồi cho cột trục A-2, vách trục C-2 và lõi thang máy.
3	Thiết kế chung cư ERA NOBLE PLAZA	Nguyễn Tấn Trọng Nhân	TS. Nguyễn Phúc Cường TS. Võ Nguyễn Phú Huân	Mã đề tài : 134. CC- ERA NOBLE PLAZA 1. Kiến trúc - Mục đích xây dựng công trình. - Vị trí và đặc điểm công trình. - Quy mô công trình.

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				- Giải pháp kiến trúc. - Giải pháp kỹ thuật khác. 2. Kết cấu (50%): - Mô hình công trình bằng phần mềm ETABS 2016. - Tính toán tải trọng Tĩnh tải & hoạt tải. Tải trọng ngang. Tổ hợp tải trọng. - Thiết kế sàn tầng điển hình. Tính toán tải trọng Xác định nội lực và tính cốt thép sàn bằng phương pháp tra ô bảng đơn Kiểm tra sàn theo trạng thái giới hạn thứ 2 Mô hình cân bằng phần mềm SAFE2016. - Thiết kế cầu thang khung trục X5. Tính toán tải trọng, Mô hình cầu thang bằng phần mềm SAP2000 v16. Tính toán bản thang Tính toán dầm chiếu tới. - Thiết kế khung trục X6. Tính toán thiết kế dầm khung trục X6. Kiểm tra ổn định tổng thể công trình (Kiểm tra chuyển vị ngang tại đỉnh công trình, kiểm tra chuyển vị ngang tương đối giữa các tầng nhà, kiểm tra độ dao động của công trình...) 3. Nền móng (50%): - Thống kê địa chất - Thiết kế móng khung trục X6 (Móng Mi và M2) Móng ép cọc ly tâm ứng suất

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
				trước. Móng cọc khoan nhồi. Kiểm tra cọc chịu tải ngang theo mô hình Winkler sử dụng phần mềm SAP2000. Tính cốt thép cho đài móng bằng phương pháp mạch ngầm tại vách. - Thiết kế móng lõi thang trục X5 Móng cọc ép ly tâm ứng suất trước Móng cọc khoan nhồi. Mô hình đài móng bằng phần mềm SAFE2016 để tính tháp đài móng. Kiểm tra cọc chịu tải ngang theo mô hình Winkler sử dụng phần mềm SAP2000.
4	Thiết kế chung cư Bình Đăng Q8	Nguyễn Văn Điều	TS. Nguyễn Phúc Cường TS. Võ Nguyễn Phú Huân	Mã đề tài : 127. CC- BÌNH ĐĂNG Q8 1. Kết cấu (50%): - Chính sửa phần kiến trúc công trình - Thiết kế kết cấu sàn tầng điển hình tầng 6 – tầng 16 - Thiết kế cầu thang khung trục 3 - Thiết kế kết cấu khung trục 7 3. Nền móng (50%): - Thiết kế cọc ép vách khung trục B7, C7, lõi thang trục C4,5. - Thiết kế móng cọc nhồi cho vách khung trục B7, C7, lõi thang trục C4,5.
5	01.Chung cư-Tràng An Complex CT2-(15+2)	Võ Phạm Trường An	PGS.TS. Nguyễn Trọng Phước	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
6	03.Chung Cư-Tràng	Phạm Nguyễn	PGS.TS.	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	An Complex CT1-(15+2)	An Bình	Nguyễn Trọng Phước	hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
7	13.Văn phòng-CH-Luxcity-(15-1)	Lương Công Chính	PGS.TS. Nguyễn Trọng Phước	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
8	05.Chung cư-Khởi Thành Q.2 (Khối A)-(15+2)	Tạ Văn Phong Cường	PGS.TS. Nguyễn Trọng Phước	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
9	101.Chung cư-Tân Hòa Đông-(21+1)	Nguyễn Văn Đạt	PGS.TS. Nguyễn Trọng Phước	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
10	103.Văn phòng-CH-Luxcity-(21-1)	Hồ Quốc Hòa	TS. Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
11	108.Chung cư-The Park Residence 1-(21+1)	Phạm Hữu Huân	TS. Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
12	109.Chung cư-The Park Residence 2-(21+1)	Nguyễn Hoàng Huy	TS. Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
13	11.Chung cư-Tân Hòa Đông-(15+1)	Lê Văn Kháng	TS. Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
14	110.Chung cư-VHCP.C1-(21+3)	Phan Viễn Khanh	TS. Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
15	43.Văn phòng-CH-Luxcity-(17-1)	Trần Ngọc Khanh	TS. Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
16	21.Chung cư-VHCP.C2-(15+3)	Nguyễn Trung Kiên	TS. Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
17	33.Chung cư-Tràng An Complex CT1-(17+2)	Trần Thanh Linh	TS. Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
18	38.Văn phòng+Chung cư-Orchard Q.Phú Nhuận-(17+2)	Võ Ngô Nhật Minh	ThS. Phan Vũ Phương	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
19	12.KS-Phạm Ngọc	Phan Trọng	ThS. Phan Vũ	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Thạch-(15+2)	Nghĩa	Phương	hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
20	112.Chung cư-VHCP.C3-(21+3)	Lương KHải Nguyên	ThS. Phan Vũ Phương	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
21	56.BV-BV Thanh Vũ-(17)	Trần Công Nguyên	ThS. Phan Vũ Phương	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
22	07.Chung cư-Bình Đăng Q.8-(15+2)	Lê Công Như	ThS. Phan Vũ Phương	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
23	113.Chung cư-VHCP.P1-(21+3)	Nguyễn Hồng Phát	ThS. Phan Vũ Phương	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
24	114.Chung cư-Jamona 1-(21)	Trương Quang Phúc	ThS. Đồng Tâm Võ Thanh Sơn	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
25	115.Chung cư-Jamona 2-(21)	Đỗ Quý Phước	ThS. Đồng Tâm Võ Thanh Sơn	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
26	14.Chung cư-Era Noble Plaza-(15+1)	Mạnh Phú Quý	ThS. Đồng Tâm Võ Thanh Sơn	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
27	10.Chung cư-Golden Mansion-(15+2)	Phạm Trường Sơn	ThS. Đồng Tâm Võ Thanh Sơn	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
28	15.Văn phòng-Sở GDCK-(15+2)	Nguyễn Chí Thành	ThS. Đồng Tâm Võ Thanh Sơn	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
29	116.BV-BV Thanh Vũ-(21)	Ngô Quang Tiên	ThS. Đồng Tâm Võ Thanh Sơn	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
30	117.Chung cư-Gold View (Block B)-(21+1)	Đỗ Hữu Tiến	ThS. Đồng Tâm Võ Thanh Sơn	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
31	28.Văn phòng-TDĐT Hutech 15B-(15)	Lê Trọng Tiến	ThS. Đồng Tâm Võ Thanh Sơn	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
32	27.Chung cư-Gold View (Block B)-	Nguyễn Khánh Toàn	ThS. Đồng Tâm Võ	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	(15+1)		Thanh Sơn	và móng công trình
33	121.Chung cư-Tràng An Complex CT2-(23+2)	Bùi Đức Trung	ThS. Đồng Tâm Võ Thanh Sơn	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
34	118.Văn phòng-TDĐT Hutech 15B-(21)	Lê Hữu Trung	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
35	08.Văn phòng+Chung cư-Orchard Q.Phú Nhuận-(15+2)	Võ Minh Tú	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
36	57.Chung cư-Gold View (Block B)-(17+1)	Phạm Thanh Tùng	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
37	76.Văn phòng-Samco 1-(19+1)	Dương Vĩnh Tường	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
38	06.Chung cư-Khởi Thành Q.2 (Khối B)-(15+2)	Lâm Thái Vân	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
39	16.Văn phòng-Samco 1-(15+1)	Lê Thị Vẹn	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
40	123.Chung cư-Tràng An Complex ct1-(23+2)	Lê Duy Viễn	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
41	124.Văn phòng-Vietinbank Cần Thơ-(23+2)	Nguyễn Hoàng Vũ	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
42	23.Chung cư-VHCP.P1-(15+3)	Nguyễn Tuấn Vũ	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
43	125.Chung cư-Khởi Thành Q.2 (Khối A)-(23+2)	Nguyễn Quốc Vượng	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
44	155.Becamex_Block C	Đoàn Huy Bình	ThS.Lê Văn Bình	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
45	18.Chung cư-The Park Residence 1-	Lê Quý Đôn	ThS.Lê Văn Bình	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	(15+1)			và móng công trình
46	01. Centre Point-16F+2B	Nguyễn Ngọc Thiện	TS.Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
47	02. Chung cư CT15-15F+1B	Lê Xuân Nhất	TS.Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
48	03. Chung cư Trần Xuân Soạn-Lô A -16F+1B	Bùi Bảo Chinh	TS.Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
49	04. Chung cư Trần Xuân Soạn-Lô B-23F+1B	Nguyễn Văn Quốc	TS.Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
50	04. Chung cư Trần Xuân Soạn-Lô D-19F+1B	Vũ Thị Hồng Hạnh	TS.Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
51	06. Chung cư Phúc Yên-17F+2B	Lê Hoàng Kỳ	TS.Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
52	07. Cao ốc 19F +1B	Trương Thế Thuật	TS.Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
53	08. Chung cư My Kim -17F+1B	Nguyễn Văn Huy	TS.Nguyễn Phú Cường	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
54	09. Cao ốc Vista-28F	Hoàng Tiến Tâm	TS. Võ Nguyễn Phú Huân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
55	10. Chung cư Tân Hòa Đông 2-21F+1B	Trần Quang Trọng	TS. Võ Nguyễn Phú Huân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
56	11. Chung cư Tân Hòa Đông 1-18F	Nguyễn Quang Duy	TS. Võ Nguyễn Phú Huân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
57	12. Cao ốc căn hộ BMC-19F+1B	Nguyễn Nhật Tư	TS. Võ Nguyễn Phú Huân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
58	13. Chung cư Trảng An Complex CT1-23F+2B	Hà Văn Thái	TS. Võ Nguyễn Phú Huân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
59	14. Chung cư Khôi Thành-15B+2F	Đoàn Văn Hiệp	TS. Võ Nguyễn Phú Huân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
60	15. Khách sạn Phạm Ngọc Thạch-13F	Phan Tấn Phát	TS. Võ Nguyễn Phú Huân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
61	16. Chung cư Golden Mansion-23F+1B	Trần Minh Nhật	TS. Võ Nguyễn Phú Huân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
62	17. Văn phòng - Chung cư Orchard-19F+2B	Đặng Văn Thắng	ThS. Phan Vũ Phương	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
63	18. Chung cư The Park Residence 1-29F+1B	Phạm Tân Tiến	ThS. Phan Vũ Phương	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
64	19. Chung cư The Park Residence 2-29F+1B	Bùi Văn Việt	ThS. Phan Vũ Phương	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
65	20. Chung cư bình Đàng-20F+2B	Lê Tuấn Anh	ThS. Phan Vũ Phương	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
66	21. Chung cư Era Noble Plaza-19F+1B	Nguyễn Tuấn An	ThS. Phan Vũ Phương	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
67	22. Chung cư Gold View (Block B)-28F+2B	Trần Thái Bảo	ThS. Phan Vũ Phương	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
68	23. Khối Văn phòng ĐH Hutech-14F	Nguyễn Minh Cẩm	ThS. Phan Vũ Phương	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
69	24. Khối Văn phòng ĐH Hutech-5F	Lê Lan Chi	ThS. Phan Vũ Phương	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
70	25. Chung cư Long Thịnh-13F	Huỳnh Hữu Công	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
71	26. BV-BV Thanh Vũ-(15)	Đinh Văn Công	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
72	27. Chung cư Gold	Nguyễn Đức	TS. Nguyễn	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	View (Block B)-(15+1)	Cộng	Trọng Nghĩa	hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
73	28.Văn phòng-TDĐT Hutech 15B-(15)	Trương Văn Cường	TS.Nguyễn Trọng Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
74	29.th-TDĐT Hutech 15C-(15)	Trần Thanh Đạo	TS.Nguyễn Trọng Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
75	30.Chung cư-Long Thịnh (Qui Nhơn)-(15)	Hứa Trí Đạt	TS.Nguyễn Trọng Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
76	31.Chung cư-Tràng An Complex CT2-(17+2)	Phan Phúc Định	TS.Nguyễn Trọng Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
77	32.Chung cư-Khách sạn bưu điện Nha Trang-(17+2)	Lê Trọng Đôn	TS.Nguyễn Trọng Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
78	33.Chung cư-Tràng An Complex CT1-(17+2)	Nguyễn Hùng Dũng	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
79	34.Văn phòng-Vietinbank Cần Thơ-(17+2)	Phan Tiến Được	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
80	35.Chung cư-Khởi thành Q.2 (Khối A)-(17+2)	Nguyễn Minh Dương	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
81	36.Chung cư-Khởi thành Q.2 (Khối B)-(17+2)	Vương Phạm Khang Dý	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
82	37.Chung cư-Bình Đăng Q.8-(17+2)	Đặng Cao Thiên Hải	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
83	38.Văn phòng+Chung cư-Orchard Q.Phú Nhuận-(17+2)	Trần Duy Hải	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
84	144.Chung cư-Jamona 1-(15)	Nguyễn Đình Hào	ThS. Trần Trung Dũng	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
85	40.Chung cư-Golden	Nguyễn Quốc	ThS. Trần	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Mansion-(17+2)	Hậu	Trung Dũng	hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
86	41.Chung cư-Tân hòa Đông-(17+1)	Nguyễn Hoàng Hiếu	TS. Trần Thanh Danh	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
87	42.KS-Phạm Ngọc Thạch-(17+2)	Nguyễn Trọng Hiếu	TS. Trần Thanh Danh	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
88	43.Văn phòng-CH-Luxcity-(17-1)	Nguyễn Minh Hiếu	TS. Trần Thanh Danh	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
89	44.Chung cư-Era Noble Plaza-(17+1)	Nguyễn Lê Ngọc Hiếu	TS. Trần Thanh Danh	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
90	154.Becamex_Block A (19)	Hoàng Văn Hòa	TS. Trần Thanh Danh	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
91	155.Becamex_Block C (19)	Phạm Văn Hoàng	TS. Trần Thanh Danh	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
92	47.Văn phòng-Samco 2-(17)	Nguyễn Văn Hoàng	TS. Trần Thanh Danh	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
93	48.Chung cư-The Park Residence 1-(17+1)	Bùi Thị Kim Hồng	TS. Trần Thanh Danh	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
94	49.Chung cư-The Park Residence 2-(17+1)	Trần Lầy Hùng	Nguyễn Văn Hiếu	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
95	50.Chung cư-VHCP.C1-(17+1)	Lê Ngọc Hưng	Nguyễn Văn Hiếu	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
96	51. Centre Point-16F+2B	Lê Trí Hường	Nguyễn Văn Hiếu	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
97	52. Chung cư CT15-15F+1B	Nguyễn Nhật Bách Khoa	Nguyễn Văn Hiếu	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
98	53. Chung cư Trần Xuân Soạn-Lô A -	Võ Văn Thế Kiệt	Nguyễn Văn Hiếu	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	16F+1B			và móng công trình
99	54. Chung cư Trần Xuân Soạn-Lô B-23F+1B	Nguyễn Văn Lầu	Nguyễn Văn Hiếu	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
100	55. Chung cư Trần Xuân Soạn-Lô D-19F+1B	Phạm Thị Mỹ Linh	Nguyễn Văn Hiếu	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
101	56. Chung cư Phúc Yên-17F+2B	Lê Trọng Linh	Nguyễn Văn Hiếu	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
102	57. Cao ốc 19F +1B	Nguyễn Phúc Lộc	TS.Võ Phán	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
103	58. Chung cư Mỹ Kim -17F+1B	Hồ Minh Mẫn	TS.Võ Phán	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
104	59. Cao ốc Vista-28F	Trần Cao Minh	TS.Võ Phán	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
105	60. Chung cư Tân Hòa Đông 2-21F+1B	Đỗ Văn Minh	TS.Võ Phán	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
106	61. Chung cư Tân Hòa Đông 1-18F	Trần Nhật Minh	TS.Võ Phán	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
107	62. Cao ốc Cần Thơ BMC-19F+1B	Vũ Hoài Nam	TS.Võ Phán	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
108	63. Chung cư Trảng An Complex CT1-23F+2B	Lưu Hoài Nam	TS.Võ Phán	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
109	64. Chung cư Khôi -15B+2F	Tăng Nhựt Nam	TS.Võ Phán	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
110	65. Khách sạn Phạm Ngọc Thạch-13F	Trần Đại Nghĩa	TS. Trần Đại Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
111	66. Chung cư Golden Mansion-23F+1B	Phạm Trung Nguyên	TS. Trần Đại Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
112	67. Văn phòng - Chung cư Orchard-19F+2B	Trương Xuân Bình Nhật	TS.Trần Đại Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
113	68. Chung cư The Park Residence 1-29F+1B	Nguyễn Trọng Nhơn	TS.Trần Đại Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
114	69. Chung cư The Park Residence 2-29F+1B	Võ Minh Nhật	TS.Trần Đại Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
115	70. Chung cư Bình Đăng-20F+2B	Huỳnh Tấn Phát	TS.Trần Đại Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
116	71. Chung cư Era Noble Plaza-19F+1B	Ngô Sĩ Phú	TS.Trần Đại Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
117	72. Chung cư Gold View (Block B)-28F+2B	Ngô Quý Phú	TS.Trần Đại Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
118	73. Khối Văn phòng ĐH Hutech-14F	Phan Quốc Tài	TS. Trần Quang Hộ	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
119	74.Khối Văn phòng ĐH Hutech-5F	Trần Thanh Tân	TS. Trần Quang Hộ	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
120	75. Chung cư Hưng Thịnh-13F	Nguyễn Tấn Thành	TS. Trần Quang Hộ	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
121	76. Centre Point-16F+2B	Nguyễn Trung Thành	TS. Trần Quang Hộ	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
122	77. Chung cư CT15-15F+1B	Bùi Minh Thiện	TS. Trần Quang Hộ	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
123	78. Chung cư Trần Xuân Soạn-Lô A -16F+1B	Nguyễn Bá Thịnh	TS. Trần Quang Hộ	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
124	79. Chung cư Trần Xuân Soạn-Lô B-23F+1B	Lâm Thị Lệ Thu	TS. Trần Quang Hộ	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
125	80. cChung cư Trần	Vương Nguyễn	TS. Trần	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Xuân Soạn-Lô D-19F+1B	Anh Thư	Quang Hộ	hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
126	81. Chung cư Phúc Yên-17F+2B	Nguyễn Công Thường	TS. Nguyễn Hồng Ân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
127	82. Cao ốc 19F +1B	Lê Văn Tiến	TS. Nguyễn Hồng Ân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
128	83. Chung cư Mỹ Kim -17F+1B	Phan Văn Tiến	TS. Nguyễn Hồng Ân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
129	84. Cao ốc Vista-28F	Trần Minh Tiến	TS. Nguyễn Hồng Ân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
130	85. Chung cư Tân Hòa Đông 2-21F+1B	Lê Văn Tín	TS. Nguyễn Hồng Ân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
131	86. Chung cư Tân Hòa Đông 1-18F	Phan Văn Trọng	TS. Nguyễn Hồng Ân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
132	87. Cao ốc Cần Thơ BMC-19F+1B	Trần Chánh Trực	TS. Nguyễn Hồng Ân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
133	88. Chung cư Trảng An Complex CT1-23F+2B	Vũ Nhật Trường	TS. Nguyễn Hồng Ân	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
134	89. Chung cư Khôi Thành-15B+2F	Nguyễn Thanh Tú	TS. Lê Trọng Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
135	90. Khách sạn Phạm Ngọc Thạch-13F	Ngô Xuân Tú	TS. Lê Trọng Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
136	91. Chung cư Golden Mansion-23F+1B	Đinh Quang Tuấn	TS. Lê Trọng Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
137	92. Văn phòng - Chung cư Orchard-19F+2B	Lê Thanh Tùng	TS. Lê Trọng Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
138	93. Chung cư The Park Residence 1-	Lê Thanh Tùng	TS. Lê Trọng Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	29F+1B			và móng công trình
139	94. Chung cư The Park Residence 2-29F+1B	Đinh Văn Tuyền	TS. Lê Trọng Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
140	95. Chung cư Bình Đăng-20F+2B	Lê Thế Vương	TS. Lê Trọng Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
141	96. Chung cư Era Noble Plaza-19F+1B	Ngô Minh Xuân	TS. Lê Trọng Nghĩa	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
142	97. Chung cư Gold View (Block B)-28F+2B	Trần Minh Điền	TS. Nguyễn Thanh Phong	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
143	98. Khối Trường học ĐH Hutech-5F	Nguyễn Phú Trung Thái	TS. Nguyễn Thanh Phong	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
144	99. Khối Trường học ĐH Hutech-5F	Phan Phước Hoàng	TS. Nguyễn Thanh Phong	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình
145	100. Chung cư Long Thịnh-13F	Lê Minh Trung	TS. Nguyễn Thanh Phong	Thiết kế kết cấu 1 sàn tầng điển hình, 1 cầu thang, 1 khung trục và móng công trình

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức (từ tháng 07/2017 đến 6/2018)

STT	Tên hội thảo/ hội nghị	Thời gian	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội nghị Khoa học Công Nghệ 2017	30/08/2017-31/08/2017	Khách sạn The Grand Ho Tram Strip	85
2	Hội thảo Ban KTTW: Chính sách gắn kết FDI với doanh nghiệp trong nước	08/09/2017	97 Võ Văn Tần	28
3	Hội thảo The 2nd International Conference on Business with leading and innovation sustainable business development	12/10/2017	97 Võ Văn Tần	50
4	Hội thảo quốc tế CNSH Nghiên cứu và ứng dụng trong Công nghệ sinh học	18/10/2017	35-37 Hồ Hảo Hớn	50
5	Hội thảo “Những giải pháp điều tiết giá trị gia tăng từ đất, tập trung vào đầu tư cơ sở hạ tầng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất” - Sở Quy hoạch kiến trúc Tp.HCM	20/10/2017	Trung tâm Hội nghị 272 Võ Thị Sáu	120
6	Hội thảo quốc tế Vietnam and the Asia-Pacific Region: Unlocking the Business and Economics Potential (VBER2017)	16/11/2017-18/11/2017	Khách sạn Sài Gòn Bến Thành (Rex)	100
7	Hội thảo quốc tế ASIACALL 2017	23/11/2017-26/11/2017	97 Võ Văn Tần	120
8	Mạng máy tính với cuộc sống và công việc	12/08/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	51
9	Hội thảo với Ban KTTW về “Chủ trương, chính sách của Việt Nam chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”	26/05/2018	97 Võ Văn Tần	50
10	Chia sẻ tri thức "Kỹ thuật lập trình"	17/07/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	112
11	Hội thảo Open TESOL 6 năm 2018	25/06/2018-26/06/2018	35-37 Hồ Hảo Hớn	100
12	Chia sẻ kinh nghiệm thực tế quá trình hình thành, phát triển, chuyển giao, vận hành của dự án HTTT	18/07/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	83
13	Các ứng dụng truyền tải thông tin trong hệ thống mạng doanh nghiệp	26/07/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	36
14	Chia sẻ tri thức "Kỹ thuật lập trình"	31/07/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	116

STT	Tên hội thảo/ hội nghị	Thời gian	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
15	Design Pattern qua ví dụ thực tế	05/08/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	80
16	Tổ chức hướng nghiệp cùng Capgemini	07/08/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	162
17	Front-end dev làm gì và bạn đã bước được bao nhiêu bước?	09/08/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	120
18	Hội thảo khoa học IoT (Internet of Things)	12/08/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	36
19	Chia sẻ tri thức "Kỹ thuật lập trình"	14/08/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	36
20	Hội thảo khoa học "Các vấn đề trong giảng dạy và nghiên cứu lĩnh vực kế toán, kiểm toán"	18/08/2017	35-37 Hồ Hảo Hớn	20
21	Kiểm thử phần mềm & con đường sự nghiệp của tester	10/10/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	94
22	Chia sẻ tri thức "Cấu trúc dữ liệu"	15/10/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	43
23	Ứng dụng IT trong quản lý kênh bán hàng phân phối	18/10/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	70
24	Hệ thống thông tin giúp tăng doanh số và lợi nhuận của doanh nghiệp	28/10/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	80
25	Định hướng nghề nghiệp "Cơ hội và thách thức cho Lập trình viên"	30/10/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	122
26	Chia sẻ tri thức "Cấu trúc dữ liệu"	05/11/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	56
27	Hội thảo Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Công nghệ Sinh học, bậc đại học chính quy	06/11/2017	97 Võ Văn Tần	27
28	"Khởi nghiệp Đổi mới Sáng tạo trên nền tảng công nghệ thông tin - viễn thông"	13/11/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	304
29	Database Trends and Applications - SQL database - NOSQL database - High-performance database - Cloud database - Real-time database	14/11/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	39
30	Hội thảo khoa học cấp khoa "hoạt động ngân hàng những thay đổi để đáp ứng yêu cầu pháp luật hiện hành"	29/11/2017	35-37 Hồ Hảo Hớn	17
31	Chia sẻ tri thức "Cấu trúc dữ liệu"	03/12/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	44

STT	Tên hội thảo/ hội nghị	Thời gian	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
32	Chia sẻ tri thức “Cấu trúc dữ liệu”	10/12/2017	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	32
33	Hội thảo khoa học "Các vấn đề trong giảng dạy và nghiên cứu lĩnh vực kế toán , kiểm toán"	29/12/2017	35-37 Hồ Hảo Hớn	24
34	Hội thảo sinh viên NCKH năm 2018	15/01/2018	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	22
35	Chia sẻ tri thức "Cơ sở lập trình”	21/01/2018	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	180
36	Tầm quan trọng của việc học lập trình	21/01/2018	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	174
37	Các giai đoạn trong quy trình phát triển một hệ thống thông tin – Waterfall vs Agile	09/03/2018	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	84
38	Chia sẻ tri thức "Cơ sở lập trình”	11/03/2018	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	135
39	Một số giải pháp phần mềm trong thiết kế Hệ Thống Thông Tin và Hướng Nghiệp.	17/03/2018	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	51
40	Chia sẻ tri thức "Cơ sở lập trình”	25/03/2018	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	141
41	Tổ chức báo cáo chuyên đề cho sinh viên năm 1,2,3 “Ứng dụng máy học để giải quyết các bài toán về Thị giác máy tính”	26/03/2018	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	20
42	An toàn thông tin trên không gian mạng, những thách thức và cơ hội mới”	27/03/2018	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	78
43	Vận hành Docker trong các hệ thống Continuous Integration”	02/04/2018	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	99
44	“Ứng dụng máy học để giải quyết các bài toán về Thị giác máy tính”	04/04/2018	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	13
45	Chia sẻ tri thức "Cơ sở lập trình”	08/04/2018	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	97
46	Tối ưu hóa cơ sở dữ liệu trong ứng dụng thương mại điện tử”	13/04/2018	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	39
47	Mẫu đặc trưng mã hóa cục bộ - ứng dụng toán học cho biểu diễn ảnh màu	24/04/2018	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	57
48	Hội thảo "Chia sẻ để phát triển"	28/05/2018		
49	Hội thảo "Giao lưu văn hóa Việt Nam - Đông Nam Á"	30/05/2018		

STT	Tên hội thảo/ hội nghị	Thời gian	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
50	Hội thảo "Xã hội học Việt Nam thời buổi đầu: Những đóng góp của các tác giả nước ngoài"	05/06/2018		
51	Hội thảo "Đánh giá chất lượng giảng dạy các môn bằng tiếng Anh cho sinh viên chất lượng cao"	06/06/2018	97 Võ Văn Tần	32
52	Hội thảo khoa học "Các vấn đề trong giảng dạy và nghiên cứu lĩnh vực kế toán, kiểm toán"	14/06/2018	35-37 Hồ Hảo Hớn	23
53	Hội thảo khoa học về phương pháp giảng dạy Ngoại ngữ năm 2018	18/06/2018	35-37 Hồ Hảo Hớn	29
54	Cơ hội nghề nghiệp với sự chuyển đổi công nghệ của Blockchain và an toàn thông tin	30/06/2018	Cơ sở 371 Nguyễn Kiệm	213

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn (từ tháng 7/2017 đến 6/2018)

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Một mô hình nền mới dùng trong phân tích động lực học của dầm tương tác với nền chịu tải di động	PGS.TS. Nguyễn Trọng Phước	PGS. TS. Hoàng Phương Hoa; ThS. NCS. Phạm Đình Trung	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia	01/12/2017-31/12/2019	589,000	- 02 Bài báo thuộc danh mục (DM) tạp chí quốc tế uy tín do Quỹ ban hành; - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước thuộc DM tạp chí quốc gia uy tín do Quỹ ban hành; - Đào tạo 01 NCS; 02 HVCH
2	Chức năng của microRNA 144 trong bệnh thoái hóa khớp	TS. Lê Thị Trúc Linh	PGS. TS. Lê Huyền Ái Thúy; BS. ThS. Hồ Phạm Thục Lan	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia	01/12/2017-31/12/2019	910,000	- 01 bài báo thuộc Danh mục Tạp chí ISI do Quỹ ban hành; - 01 bài báo thuộc DM tạp chí quốc tế do Quỹ ban hành; - 01 bài báo đăng trên Tạp chí chuyên ngành trong nước thuộc DM tạp chí quốc gia uy tín do Quỹ ban hành; - 03 báo cáo tại hội nghị/ hội thảo trong

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
3	Chênh lệch thu nhập và của cải theo giới tính tại Việt Nam	Võ Hồng Đức (TS)	GS. Siobhan Austen; ThS. Phạm Ngọc Thạch; PGS. TS. Nguyễn Minh Hà; TS. Lê Thái Thường Quân; TS. Văn Thị Hồng Loan; ThS. Võ Thế Anh; ThS. Nguyễn Minh Vư ơng; ThS. Nguyễn Công Thắng; Hồ Minh Chí; Hồ Đoan Phương	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia	01/06/2018- 31/05/2020	926,000	* Sản phẩm khoa học: 02 bài báo đăng tạp chí thuộc danh mục ISI; 01 bài báo đăng tạp chí thuộc danh mục uy tín do Quỹ ban hành; 03 bài báo đăng tạp chí trong nước thuộc danh mục uy tín do Quỹ ban hành. * 03 báo cáo Hội nghị, hội thảo trong nước/quốc tế. * Sản phẩm đào tạo: 01 HVCH

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
4	Vốn xã hội và sự thành công trong nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp đại học tại TP.HCM	Nguyễn Văn Phúc	Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tô Quyên; Quan Minh Quốc Bình; Huỳnh Đặng Bích Vy; Phạm Quang Anh Thư; Nguyễn Thanh Phong; Hà Minh Trí; Ngô Chín		01/01/2017- 31/12/2018	190,000	Sản phẩm khoa học: 02 bài đăng tạp chí trong nước thuộc HĐCDGSNN; 01 bản dự thảo sách chuyên khảo về vốn xã hội. Sản phẩm đào tạo: 02 Thạc sĩ; hỗ trợ đào tạo 02 NCS. Sản phẩm ứng dụng: 01 báo cáo về thực trạng của vốn xã hội và mức độ ảnh hưởng của vốn xã hội đến sự thành công trong tìm kiếm việc làm của sinh viên tốt nghiệp đại học tại TP. HCM trong thời gian qua; 01 bản kiến nghị đề xuất các giải pháp hỗ trợ sinh viên làm giàu vốn xã hội trong quá trình đào tạo tại nhà trường đại học để tăng cơ hội tìm được việc làm trên thị trường lao động khi tốt nghiệp đại học

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
5	Nghiên cứu quy trình nhân nuôi và thả ong ký sinh <i>Cotesia vestalis</i> quản lý sâu tơ <i>Plutella xylostella</i> hại rau tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Bùi Thị Mỹ Hồng; Trương Kim Phượng; Nguyễn Thị Phương Thảo; Nguyễn Bảo Quốc; Bùi Thị Kiều Oanh; Đặng Thị Ánh Kiều; Nguyễn Thị Phụng Kiều		01/01/2017- 31/12/2018	370,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí quốc tế ISI/Scopus; 01 bài đăng tạp chí trong nước. Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ; hỗ trợ đào tạo 01- 02 NCS. Sản phẩm ứng dụng: 01 bộ sưu tập tiêu bản và ứng dụng DNA mã vạch phân loại một số loài ong ký sinh bản địa có được hiện nay tại TP. HCM; 01 quy trình giám định loài ong ký sinh <i>Cotesia vestalis</i> bằng kỹ thuật mã vạch DNA có khả năng phân loại đến loài; 01 quy trình nhân nuôi sinh khối và thả loài ong <i>Cotesia</i> <i>vestalis</i> trong điều kiện nhà lưới; 01 mô hình rau - hoa kết hợp phóng thích thiên địch trong nhà lưới trong canh tác rau an toàn.

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
6	Khảo sát mức độ biểu hiện của miRNA-141 và miRNA-214 trên bệnh nhân ung thư vòm họng ở Việt Nam	Lao Đức Thuận	Lê Huyền Ái Thúy; Nguyễn Hữu Dũng; Nguyễn Hoàng Chương; Trương Kim Phượng; Nguyễn Văn Trường; Lương Bảo Duy; Nguyễn Hoàng Anh Tuấn		01/01/2017- 30/06/2019	420,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí quốc tế ISI/Scopus; 02 bài đăng tạp chí trong nước. Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ; hỗ trợ đào tạo 01 NCS. Sản phẩm ứng dụng: Báo cáo kết quả khảo sát mức độ biểu hiện của miR- 141, miR-214 trên bệnh nhân ung thư vòm họng so với người lành; Báo cáo kết quả khảo sát mức độ biểu hiện của miR- 141, miR-214 trên các giai đoạn bệnh nhân ung thư vòm họng
7	Mô hình hóa hàm cầu tiền Việt Nam: Phân tích, dự báo và khuyến nghị chính sách	Phạm Đình Long	Bùi Quang Hiển; Phạm Thị Bích Ngọc; Đỗ Sa Kỳ		01/01/2018- 31/12/2019	300,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus; 02 Bài báo đăng tạp chí trong nước thuộc HĐCDGSNN; 01 Sách tham khảo. Sản phẩm đào tạo: 01 thạc sĩ.

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
							Sản phẩm ứng dụng: 01 báo cáo phân tích cơ sở khoa học về hàm cầu tiền; 01 báo cáo phân tích các yếu tố tác động dẫn hàm cầu tiền tạo nên tính bền vững khi mô hình hóa hàm cầu tiền ở Việt Nam; 01 báo cáo phân tích các yếu tố tác động có tính bền vững đã xác định và vai trò của nó đến hàm cầu tiền ở Việt Nam; 01 bản kiến nghị chính sách phát triển, các khuyến nghị chính sách trong quá trình điều hành chính sách tiền tệ ở Việt Nam.

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
8	Giải pháp đảm bảo quyền bình đẳng giới về tài sản và thu nhập trong hộ gia đình Việt nam	Võ Hồng Đức	Phạm Ngọc Thạch; Võ Thế Anh; Nguyễn Công Thắng; Hồ Đoan Phương.		1/1/2018- 31/12/2019	300,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus; 01 Bài báo đăng tạp chí trong nước thuộc HĐCDGSNN; 01 Sách tham khảo. Sản phẩm đào tạo: 01 thạc sĩ. Sản phẩm ứng dụng: 01 báo cáo phân tích cơ sở khoa học và phục vụ về giải pháp đảm bảo quyền bình đẳng giới; 01 báo cáo phân tích thực trạng đảm bảo quyền bình đẳng giới về tài sản và thu nhập trong hộ gia đình Việt Nam.

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
9	Xây dựng bộ sưu tập các dòng đơn bội của các chủng nấm Bào ngư ở Tây Nam Bộ làm cơ sở cho chọn giống	Hồ Bảo Thùy Quyên	Phạm Nguyễn Đức Hoàng; Đinh Minh Hiệp; Lê Quang Anh Tuấn; Cổ Đức Trọng		01/01/2018- 31/12/2019	500,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/ Scopus; 01 Bài báo đăng tạp chí trong nước. Sản phẩm đào tạo: 01 thạc sĩ. Sản phẩm ứng dụng: 01 bộ sưu tập các dòng đơn bội của các chủng nấm bào ngư được nuôi trồng phổ biến ở khu vực Tây Nam Bộ; 01 hồ sơ về các chủng của bộ sưu tập; 01 bộ dữ liệu về phân loại hình thái và sinh học phân tử của các chủng nấm bào ngư thương mại được nuôi trồng phổ biến ở khu vực Tây Nam Bộ

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
10	Nghiên cứu phát hiện các kiểu gen LDLR, ApoB và BCSK9 trên bệnh nhân tăng cholesterol máu ở Việt Nam	Trương Kim Phượng	Lao Đức Thuận; Lê Huyền Ái Thúy	Trung tâm chẩn đoán Y khoa Medic, TP. HCM	01/01/2018- 31/12/2019	600,000	Sản phẩm khoa học: 02 bài báo đăng tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/ Scopus; 01 Bài báo đăng tạp chí trong nước. Sản phẩm đào tạo: 01 thạc sĩ. Sản phẩm ứng dụng: 01 báo cáo 03 kiểu gen LDLR, ApoB, PCSK9 trên bệnh nhân tăng cholesterol máu ở Việt Nam; 01 báo cáo về mối liên quan giữa các kiểu gen LDLR, ApoB, PCSK9 với nhóm bệnh nhân tăng cholesterol máu ở Việt Nam

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
11	Hiện Tượng Truyền Thông Trên Mạng Xã Hội Trục Tuyến và Hành Vi Người Tiêu Dùng	Hoàng Thị Phương Thảo	Tạ Thị Bích Thủy; Nguyễn Lê Thái Hoà; Nguyễn Thị Hoài Thương	Cục thương mại điện tử và công nghệ thông tin	01/01/2016- 30/06/2018	150,000	Sản phẩm khoa học: 01 báo cáo đánh giá sự phát triển mạng xã hội trên thế giới và tại Việt Nam trong thời đại 2.0; 01 Báo cáo phân tích hành vi tiêu dùng trong môi trường trực tuyến; 01 báo cáo phân tích tác động của truyền thông xã hội đến thái độ và hành vi mua sắm trực tuyến; 01 bản kiến nghị về các giải pháp cụ thể cho các doanh nghiệp kinh doanh trực tuyến bằng cách sử dụng công cụ truyền thông xã hội; 01 bài báo đăng tạp chí trong nước thuộc HĐCDGSNN Sản phẩm đào tạo: 02 HVCH; Hỗ trợ 03 NCS.

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
12	Nghiên cứu một số tính chất phân tử của ung thư vòm họng trên người bệnh Việt Nam	Lê Huyền Ái Thuý	Nguyễn Hữu Dũng; Nguyễn Trọng Minh; Nguyễn Hoàng Chương; Lao Đức Thuận; Trương Kim Phượng; Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	Công ty cổ phần Công nghệ Việt Á	24/04/2017- 24/04/2019	1,030,000	Sản phẩm khoa học: 02 bài báo đăng tạp chí quốc tế ISI/Scopus; 02 bài báo đăng tạp chí trong nước. Sản phẩm đào tạo: 01 NCS; 02 HVCH
13	Nghiên cứu sản phẩm vi khuẩn Bacillus spp. tự do và nội sinh trong cây cao su từ qui mô ex vivo đến in vivo nhằm phòng trừ sinh học bệnh rụng lá cao su Corynespora tại tỉnh Bình Phước	Nguyễn Văn Minh	Nguyễn Bảo Quốc; Nguyễn Anh Nghĩa; Nguyễn Ngọc Bảo Châu; Dương Nhật Linh; Trịnh Ngọc Nam; Lý Văn Dưỡng; Trần Thị Á Ni; Dương Thị Hà; Đỗ Ngọc Nam	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Phước	01/03/2017- 31/10/2019	908,254	Sản phẩm khoa học: 02 bài báo đăng tạp chí trong nước. Sản phẩm đào tạo: 01 Thạc sĩ; 3-5 Cử nhân. Sản phẩm ứng dụng: Quy trình công nghệ lên men sản xuất chế phẩm Bacillus; Một quy trình ứng dụng chế phẩm sinh học từ vi khuẩn đối kháng trong việc phòng trị bệnh rụng lá Corynespora trên cây cao su

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
14	Cơ chế và chính sách tạo vốn đầu tư hạ tầng giao thông kết nối vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam	Nguyễn Minh Kiều	Nguyễn Kim Phước; Huỳnh Thế Du; Phạm Hà; Vũ Quang Lâm; Nguyễn Thanh Nhã; Nguyễn Minh Trí; Nguyễn Văn Hùng; Trần Thế Sao; Dương Quỳnh Nga	Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh	01/03/2018-28/02/2019	1,396,026	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu; Báo cáo tóm tắt; Bản kiến nghị đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện; Kỷ yếu hội thảo khoa học; Toàn bộ file số hóa kết quả nghiên cứu; Toàn bộ phiếu khảo sát và file xử lý số liệu;
15	Giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao (NNLCLC) phục vụ phát triển Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam (VKTTĐPN)	Nguyễn văn Phúc	Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tô Quyên; Phạm Minh Tuấn; Phạm Đình Long; Lê Thái Thường Quân; Quan Minh Quốc Bình; Huỳnh Đặng	Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh	01/03/2018-28/02/2019	2,223,197	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu; Báo cáo tóm tắt; Bản kiến nghị đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện; Kỷ yếu hội thảo khoa học; Toàn bộ file số hóa kết quả nghiên cứu; Toàn bộ phiếu khảo sát và file xử lý số liệu;

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
			Bích Vy; Võ Thị Ngọc Trình; Nguyễn Kim Phước; Đoàn Hồ Đan Tâm				
16	Xác định các gen đích trực tiếp của microRNA -144 trong tế bào chondrocyte	Lê Thị Trúc Linh	Lao Đức Thuận; Ian Clark (School of Biology Universit y of East Anglia)	Đại học UEA; UK	12/9/2016- 12/9/2018	150,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo dự kiến đăng trên tạp chí ISI IF=4.16; 01 bài báo review dự kiến đăng trên tạp chí Scopus; 01 bài báo đăng tạo chí thuộc danh mục HĐCDGSNN; 01 bài báo đăng kỷ yếu hội nghị (theo quy định Hội nghị OARSI - Osteoarthritis research society international năm 2018/ Liverpool UK). Sản phẩm ứng dụng: tài liệu dự báo; phương pháp; báo cáo phân tích.
17	Khảo sát sự biểu hiện của phân tử miR-141 ở bệnh nhân ung thư vòm họng trên cộng đồng người Việt Nam.	Lao Đức Thuận	Trương Kim Phượng; Nguyễn Văn Trường; Nguyễn Hoàng		12/9/2016- 12/3/2019	150,000	- 01 Khóa luận Cử nhân Khoa Học phù hợp điều kiện của một khóa luận Cử nhân. - 1 bài báo dự kiến đăng trên

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
			Anh Tuấn; Ngô Đông Kha; Thiếu Hồng Huệ; Hồ Tá Giáp				tạp chí ISI và 1 bài báo dự kiến đăng trên tạp chí Scopus
18	Nghiên cứu một số đặc điểm phân tử của bệnh cao cholesterol trong máu có yếu tố gia đình (Familial Hypercholesterole mia) trên người bệnh Việt Nam	Trương Kim Phượng	Lao Đức Thuận		12/9/2016- 12/9/2018	150,000	Sản phẩm khoa học: 02 Bài báo đăng tạp chí nước ngoài, trong nước, kỷ yếu hội nghị, hội thảo: 01 bài ISI, 1 bài Scopus Sản phẩm đào tạo: 03 sinh viên Sản phẩm ứng dụng: 02 Văn bản báo cáo tổng kết mô tả quy trình phương pháp đầy đủ, rõ ràng. -Phương pháp PCR kết hợp giải trình tự nhằm xác định tính chất đột biến điểm nổi trội trên các exon thuộc gen LDLR (exon 4) và PCSK9 (dự kiến), phương pháp AS - PCR xác định tính chất đột biến tập trung trên gen ApoB (ApoB- 100) (đột biến

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
							R3500Q,..) ở thể dị hợp và thể đồng hợp. - Báo cáo phân tích một số đặc điểm phân tử của bệnh cao cholesterol trong máu có yếu tố gia đình trên người bệnh Việt Nam
19	Mô hình phụ thuộc kích thước bậc cao cho tám biến đổi chức năng dùng lý thuyết modified couple stress và phương pháp không lưới moving Kriging	Trần Trung Dũng	Thái Hoàng Chiến		12/09/2016- 12/09/2018	120,000	01 Bài báo ISI 01 Bài báo thuộc danh mục được HĐCDGSNN công nhận (điểm 0.25)
20	Mô phỏng sóng thần gây ra bởi sự sạt lở mái dốc dưới đáy biển bằng phương pháp thủy động hạt tron - Phương pháp SPH	Võ Nguyễn Phú Huân.			12/09/2016- 12/09/2018	100,000	01 Bài báo SCOPUS 01 Bài báo đăng trên Tạp chí Xây dựng
21	Phân tích ứng xử và khả năng kháng uốn của dầm chữ T bê tông ứng suất trước gia cường tám sợi cac-bon chịu tải trọng tĩnh	Phan Vũ Phương			12/09/2016- 12/04/2019	120,000	01 Bài báo tạp chí quốc tế ISI 01 Bài báo tạp chí thuộc danh mục của HĐCDGS NN

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
22	Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật ra quyết định đa tiêu chuẩn để lựa chọn nhà cung ứng vật tư xây dựng	Nguyễn Thanh Phong			12/09/2016-12/09/2018	200,000	02 bài báo thuộc danh mục ISI 01 bài báo khoa học tạp chí Xây Dựng (1 điểm HĐCDGSNN) hay tương đương
23	Đo lường chỉ số vốn xã hội của sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.	Huỳnh Đăng Bích Vy	Nguyễn Văn Phúc; Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tố Quyên; Nguyễn Thanh Phong		12/9/2016-12/9/2018	170,000	- 01 bài báo ISI - 01 bài báo Scopus
24	The economics effects of increasing retirement age in Vietnam.	Phạm Ngọc Thạch	Võ Hồng Đức; Nicolaas Groenewold; Võ Thế Anh		15/06/2017-15/06/2019	150,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí thuộc danh mục Scopus; 01 bài báo đăng tạp chí thuộc danh mục ISI.
25	Regional Integration & Exchange Rate in the Asian Region	Võ Thế Anh	Võ Hồng Đức; Zhaoyoung Zhang; Phạm Ngọc Thạch		15/06/2017-15/06/2019	150,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí thuộc danh mục Scopus; 01 bài báo đăng tạp chí thuộc danh mục ISI.

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
26	Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính ức chế enzyme a-glucosidase của cao chiết Ethylacetate của lá cây cọc đỏ (Lumnitzera Littorea Jack Voight) mọc tại rừng ngập mặn cần giờ, thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Lê Tiến Dũng; Lý Thị Minh Hiền; Quách Tòng Hưng	Phòng thí nghiệm phân tích trung tâm, trường ĐH Khoa học Tự nhiên TP HCM	15/06/2017-15/12/2019	150,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí thuộc danh mục ISI; 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành; 01 bộ hồ sơ giám định tên khoa học và mẫu lưu trữ; 01 quy trình tách chiết và phân lập các hợp chất từ cao chiết ethylacetate từ lá cây Cọc đỏ; 07 hợp chất sạch được xác định cấu trúc hóa học Sản phẩm đào tạo: 02 cử nhân
27	Nghiên cứu ứng dụng logic mờ và quy trình thứ bậc phân tích để đánh giá các tiêu chuẩn thành công của dự án đầu tư. Trường hợp áp dụng: dự án xây dựng & công nghiệp	Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tố Quyên	Nguyễn Thanh Phong; Nguyễn Văn Phúc; Huỳnh Đăng Bích Vy		15/06/2017-15/12/2018	200,000	Sản phẩm khoa học: 02 bài báo đăng tạp chí thuộc danh mục ISI.
28	Ứng dụng enzyme tái tổ hợp RHAU-RNase HI cho việc xác định tái cấu trúc bậc 2 của RNA	Đặng Thanh Dũng		Nanyang Technology University, Singapore	15/06/2017-15/12/2018	150,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí thuộc danh mục ISI.

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
29	Các yếu tố tác động đến việc lựa chọn hình thức đầu tư của FDI tại Việt Nam	Nguyễn Minh Hà	Quan Minh Quốc Bình; Lê Văn Hưởng; Ngô Thành Trung; Huỳnh Thị Kim Tuyết		15/06/2017-15/12/2018	165,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI Sản phẩm đào tạo: 01 NCS Sản phẩm ứng dụng: 01 bản kiến nghị chính sách liên quan.
30	Các phân tích thực nghiệm về tính ổn định của hàm cầu tiền: Trường hợp Việt Nam	Phạm Đình Long	Phạm Thị Bích Ngọc; NCS.Bùi Quang Hiến; ThS. Nguyễn Đức Khoa		11/10/2017-11/10/2018	150,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí thuộc danh mục ISI; 01 bài báo đăng tạp chí thuộc danh mục của HĐCDGSNN.
31	Rủi ro và lợi nhuận khu vực nông nghiệp sử dụng cách tiếp cận RRO (Risk & return for agriculture: The RRO approach)	Võ Hồng Đức	Phạm Ngọc Thạch; Võ Thế Anh; Trần Phú Ngọc		11/10/2017-11/01/2019	150,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo thuộc danh mục tạp chí ISI
32	Ứng dụng marker phân tử trong chọn dòng dưa leo mang toàn hoa cái	Nguyễn Trần Đông Phương	Lê Thị Kính; Lê Thị Trúc Linh; Hồ Thị Bích Phượng	Công ty TNHH Hạt giống Tân Lộc Phát	11/10/2017-11/09/2019	170,000	Sản phẩm KH: 01 bài báo đăng tạp chí thuộc danh mục Scopus (Review / thực nghiệm) Sản phẩm ĐT: 01 cử nhân Sản phẩm ứng dụng: 1) Giống dưa leo mang toàn hoa cái 2)

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
							Phương pháp sàng lọc nhanh đưa leo toàn hoa cái.
33	Vai trò của Lòng Tin trong Hành Vi Mua của Người Tiêu Dùng Trực Tuyến	Hoàng Thị Phương Thảo	Lê Nguyễn Bình Minh		11/10/2017- 11/04/2019	100,000	Sản phẩm khoa học : 01 bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế có Scopus Index, 01 bài báo đăng trên Kỷ yếu của Hội nghị Khoa học quốc tế có ISBN hoặc trên tạp chí thuộc HĐCDNN. Sản phẩm đào tạo: 01 NCS; Sản phẩm ứng dụng: báo cáo nghiên cứu.
34	Đổi đất lấy hạ tầng: Tạo vốn đầu tư phát triển giao thông từ nguồn đất đai tại Tp. Hồ Chí Minh (“Land for Infrastructure” in Ho Chi Minh City: Land-based Financing of Transportation Improvement)	Nguyễn Bảo Thành			20/04/2018- 20/04/2019	150,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế ISI; 01 bài báo đăng trong tạp chí chuyên ngành xây dựng, quy hoạch trong nước thuộc danh mục của HĐCDGSNN (0.5 - 1 điểm)

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
35	Nghiên cứu phát triển phương pháp tính toán cổ kết và biến dạng cho nền đất gia cố bằng bác thấm	Nguyễn Trọng Nghĩa			11/10/2017-11/04/2019	150,000	Sản phẩm khoa học: 01 Bài báo tạp chí quốc tế ISI hoặc SCI; 01 Bài báo trong nước hoặc bài báo hội nghị quốc tế được HĐCDGS NN công nhận 0.5đ
36	Nghiên cứu tính đa hình đơn các gene EBNA-1, EBNA-2 của Epstein-Bar virus trên bệnh nhân ung thư vòm họng Việt Nam	Lao Đức Thuận	Trương Kim Phụng; Nguyễn Hoàng Anh Tuấn; Ngô Đông Kha		20/04/2018-20/10/2019	100,000	Sản phẩm KH: 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế Scopus; 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí HĐCDGSNN (≥ 0.25) Sản phẩm đào tạo: 01 cử nhân khoa học
37	Chức năng miR-3085 trong thoái hoá khớp	Lê Thị Trúc Linh	Hồ Thị Bích Phụng		20/04/2018-20/04/2020	100,000	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng trên tạp chí danh mục Scopus
38	Khảo sát tính chất Methyl hoá vượt mức trên gen Ecadherin của ung thư vòm họng trên người bệnh Việt Nam	Trương Kim Phụng	Lao Đức Thuận; Thiều Hồng Huệ		20/04/2018-20/10/2019	120,000	- Sản phẩm khoa học: 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí Scopus; 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí HĐCDGS NN - Sản phẩm đào tạo: 01 cử nhân
39	Nghiên cứu nhân nuôi bộ xít bắt mồi mắt to Geocoris ochropterus và	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Nguyễn Bảo Quốc, Nguyễn	1. Viện Nghiên Cứu CNSH	20/04/2018-20/04/2020	150,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	đánh giá khả năng phòng trừ sinh học sâu hại trên một số địa bàn trồng rau khu vực Tp. HCM		Đoàn Nguyễn Phương, Nguyễn Thị Diễm Hương, Nguyễn Quỳnh Phương Anh, Lê Thị Bích Liên	và Môi Trường ĐH Nông Lâm 2. Trạm Khuyến Nông Hóc Môn			ISI/ scopus Sản phẩm đào tạo: 01 - 02 cử nhân CNSH Sản phẩm ứng dụng: 01 phương pháp nhân nuôi bộ xít mất to; Loại bộ xít mất to Geocoris ochropterus
40	Determinants of stress testing system for commercial banks in the emerging markets	Võ Hồng Đức	Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Tôn Quang Phát		20/04/2018- 20/07/2019	150,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí nước ngoài thuộc danh mục ISI
41	Phân tích hiệu quả giảm chấn của bề nước mái có màn ngăn trong kết cấu chịu gia tốc nền động đất	Nguyễn Trọng Phước	Phạm Đình Trung,		20/04/2018- 20/04/2019	100,000	01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus 01 báo cáo nghiệm thu được hội đồng nghiệm thu cấp thuận
42	Phân tích phi tuyến khung thép dầm phương pháp khớp dẻo bậc hai cải tiến	Nguyễn Phú Cường			15/06/2017- 15/12/2018	150,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí thuộc danh mục ISI; 01 bài báo đăng tạp chí khoa học thuộc danh mục HĐCDGS 0.5đ.

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
43	Khảo sát khả năng kháng vi khuẩn kháng thuốc của một số dược liệu dung trong y học cổ truyền	Dương Nhật Linh	Nguyễn Văn Minh; Trần Thị Á Ni; Đoàn Lê Hoàng Tuấn; Nguyễn Vương Hạ Quỳnh		12/09/2016- 12/09/2018	35,000	-1 bài báo HĐCDGS từ 0.5 điểm trở lên - Sản phẩm đào tạo: 2 luận văn tốt nghiệp đại học - Chứng VSV nội sinh có hoạt tính kháng khuẩn kháng thuốc: Kháng vi khuẩn kháng thuốc mạnh
44	Sàng lọc vi khuẩn vùng rễ và nội sinh cây lúa có khả năng kích thích tăng trưởng và kiểm soát sinh học bệnh đạo ôn trên lúa vùng ngập mặn	Nguyễn Văn Minh	Dương Nhật Linh; Võ Ngọc yên Nhi; Dương Thị Hà; Nguyễn Thị Nhài		12/09/2016- 12/09/2018	35,000	- 01 bài báo công bố trên tạp chí chuyên ngành - sản phẩm đào tạo: Hỗ trợ đào tạo sinh viên đại học: 02 SV Đạt yêu cầu của luận văn tốt nghiệp đại học. - Sản phẩm ứng dụng: Các chủng vi khuẩn chịu mặn có hoạt tính kích thích tăng trưởng cây trồng.

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
45	Phát triển giải pháp phát triển tấn công Slow HTTP DoS	Lê Xuân Trường	Nguyễn Quang Trình; Luu Quang Phuong; Trần Công Lý		12/09/2016- 12/04/2018	35,000	01 bài báo thuộc hội đồng chức danh giáo sư 0,5đ 01 Báo cáo giải pháp phòng chống tấn công Slow HTTP DoS 01 Báo cáo kết quả thực nghiệm mô phỏng giải pháp phòng chống tấn công Slow HTTP DoS
46	Khảo sát thực trạng nhận biết và xác lập quyền sở hữu trí tuệ phát sinh trong hoạt động marketing – Trường hợp các doanh nghiệp vừa và nhỏ (sme) tại Tp. HCM	Nguyễn Thị Diệu Linh			12/09/2016- 12/01/2019	35,000	- 01 bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước – Tạp chí Khoa học trường Đại học Mở Tp.HCM
47	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp tại đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh	Quan Minh Quốc Bình			12/09/2016- 12/09/2018	35,000	- 01 bộ số liệu - 01 bài báo thuộc danh mục HĐCDGSNN 0.5đ

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
48	Những hạn chế của quy định về công nhận, thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài tại Việt Nam trong bộ luật tố tụng dân sự 2015 và hướng dẫn sửa đổi	Dur Ngọc Bích	Bộ Tư Pháp		12/09/2016-31/12/2018	30,000	01 Bài báo đăng tạp chí trong nước thuộc danh mục của HCDCGS NN 01 Báo cáo tổng kết của đề tài Dùng làm tài liệu tham khảo cho chương trình Cao học Luật kinh tế môn “Tổ tụng dân sự, thương mại quốc tế” 01 Bản kiến nghị. 01 Qui phạm
49	Hoạt động dạy và học môn kỹ năng Viết tại khoa Ngoại ngữ trường đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh	Trương Vũ Quyền			12/09/2016-12/11/2018	30,000	- 01 bài báo thuộc danh mục HCDCGS 0,5 điểm
50	Đánh giá hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại sau tái cơ cấu – Trường hợp ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn	Trần Thế Sao			12/09/2016-31/07/2018	35,000	- 01 bài báo thuộc danh mục HCDCGS 0,5 điểm
51	Xây dựng mô hình trồng rau ăn lá trên hệ thống khí canh (aeroponic) tự tạo	Nguyễn Thanh Mai	Nguyễn Thanh Hùng		15/06/2017-15/06/2018	35,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí khoa học của Trường Sản phẩm ứng dụng: mô hình khí canh 1,4m x 1,0m x 1,2m vận hành chạy tốt

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
52	Kiến thức, thái độ và hành vi của người tiêu dùng về vật dụng nhựa sử dụng một lần và sự chấp nhận của họ đối với vật dụng nhựa dễ phân hủy trong ngành dịch vụ thức ăn nhanh tại Tp. HCM	Đỗ Thị Kim Chi			15/06/2017-15/06/2018	35,000	01 bài báo Hội đồng chức danh GSNN 0,5 điểm trở lên
53	Kiểm toán hoạt động chương trình, dự án đầu tư công : Phương pháp luận xây dựng mô hình đánh giá.	Đặng Anh Tuấn	Nguyễn Ngọc Khách Dung	Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV	15/06/2017-15/10/2018	35,000	02 bài báo đăng trên Tạp trí nghiên cứu khoa học kiểm toán: Kiểm toán Nhà nước
54	Khảo sát ảnh hưởng của khả năng tích trữ đạm (N) trong gam sort tác động lâu dài đến quá trình phát triển của cây cải xanh (Brassica juncea L) trên giá thể trồng từ phế phụ phẩm sau trồng nấm bào ngư xám.	Nguyễn Thị Phương Khanh			15/06/2017-16/06/2018	49,000	02 bài báo thuộc danh mục Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước (0.25 điểm)
55	Ảnh hưởng của thông tin chi phí đến thành quả quản trị công ty tại các tỉnh thành phía nam Việt Nam	Hoàng Huy Cường			11/10/2017-11/10/2018	35,000	Sản phẩm KH: 01 bài báo đăng trên TCKH Trường ĐH Mở TP. HCM
56	Việc tuân thủ và bảo vệ quyền tác giả đối với học liệu của trường đại học	Nguyễn Thanh Hùng			11/10/2017-11/10/2018	30,000	-01 bài báo cáo hoàn chỉnh về bảo vệ quyền tác giả đối với học liệu của trường đại học.

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
57	Phân tích chuyển vị lớn khung thép phẳng nửa cứng sử dụng phần tử hữu hạn đồng xoay (Large Displacement Analysis of Planar Semi-Rigid Steel Frames using Corotational Finite Element)	Lê Văn Bình	Ngô Hữu Cường Nguyễn Văn Hải		11/10/2017- 11/10/2018	50,000	Sản phẩm KH: 01 bài báo đăng trên tạp chí Xây dựng thuộc HĐCDGS NN mức 1.0 điểm
58	Mối quan hệ cơ cấu sở hữu vốn đến hiệu quả hoạt động và cấu trúc vốn của công ty: nghiên cứu thực nghiệm tại thị trường chứng khoán Việt Nam	Đinh Thị Thu Hiền	Đinh Thị Thu Hà; Hoàng Thị Phương Anh		11/10/2017- 11/10/2018	35,000	Sản phẩm khoa học: 01 bài báo thuộc hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước – mức 0.5 điểm); 01 bài thuộc tạp chí ngân hàng; 01 bài Hội thảo có xuất bản kỷ yếu. Sản phẩm đào tạo: 01 cử nhân; 01 ThS. Sản phẩm ứng dụng: 01 tài liệu tham khảo.
59	Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối với các đặc tính cơ bản của con người Việt Nam hiện nay	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Hồ Sơn Đài, Cao Thanh Bình, Hoàng Văn Lễ		20/04/2018- 20/07/2019	35,000	Sản phẩm khoa học: - Tài liệu tham khảo, tài liệu học tập cho sinh viên; phục vụ cho công tác giảng dạy cho GV của trường. - In sách và phát hành cho độc giả

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
60	Nghiên cứu các yếu tố tạo động lực học ngoại ngữ của sinh viên khối ngành kinh tế, tài chính ngân hàng tại trường Đại học Mở TP. HCM	Nguyễn Kim Phước	Lê Phương Thảo; Nguyễn Trần Ái Duy; Ngô Thành Trung		20/04/2018- 20/04/2019	61,780	Sản phẩm ứng dụng: 01 báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu và các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ không chuyên
61	Các nhân tố tác động đến việc đo lường trong kế toán công cụ tài chính phái sinh tại các doanh nghiệp phi tài chính Việt Nam	Nguyễn Thị Hồng Hạnh			20/04/2018- 20/02/2019	35,000	sản phẩm khoa học: 01 bài báo đăng tạp chí trong nước
62	Giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị hành chính công của tỉnh Long An – mối quan hệ giữa hiệu quả quản trị hành chính công và quản lý công	Nguyễn Kim Phước	Nguyễn Thanh Nguyên; Nguyễn Kim Phước; Phạm Tấn Hòa; Nguyễn Anh Việt; Nguyễn Văn Út; Dương Văn Hòa; Võ Trường Minh; Nguyễn Thị Hồng Ngân	Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Long An	01/06/2016- 31/05/2018	459,000	Mô hình quản trị hành chính công; Chuyên đề "Thực trạng quản trị hành chính công và dịch vụ công tại tỉnh Long An"; Báo cáo "Giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị hành chính công tại tỉnh Long An"; Bài báo khoa học.

S T T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Chủ nhiệm	Thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (đơn vị: 1.000 đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
63	Phân tích ứng xử phi tuyến phụ thuộc tỉ lệ của tấm Nano gia cường sợi Nano Carbon đa chức năng	Lê Thanh Cường	Phùng Văn Phúc		15/06/2017-15/06/2018	200,000	02 bài báo ISI; 01 bài báo HĐCDGS 1 điểm
64	Measuring the commodities market risk: A new approach (Cách tiếp cận mới về đo lường rủi ro hàng hoá)	Võ Hồng Đức	Robert Powell; Nguyễn Minh Vương; Phạm Ngọc Thạch		12/09/2016-12/09/2018	150,000	01 bài báo thuộc danh mục ISI
65	Thay đổi về phương pháp giảng dạy trong đào tạo trực tuyến: Những chuẩn bị cần thiết cho sự sẵn sàng của giảng viên	Phan Thị Ngọc Thanh	Đặng Thị Thảo Ly		12/09/2016-12/06/2018	30,000	1 bài báo HĐCDGS
66	Nghiên cứu các nhân tố tác động đến khó khăn trong áp dụng kế toán công cụ tài chính phái sinh ở Việt Nam	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Hà Xuân Thạch		12/09/2016-12/09/2017	30,000	1 bài báo HĐCDGS
67	Vai trò của đất sản xuất đối với việc xóa đói giảm nghèo ở khu vực Tây Nguyên	Nguyễn Văn Dư			11/10/2017-11/10/2018	35,000	01 bài báo đăng tạp chí trong nước (Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở TP. HCM)
68	Ước lượng cầu sản phẩm cá: Sự thay đổi trong kiểu hình tiêu dùng của hộ gia đình Việt Nam qua thời gian	Phạm Đình Long	Huỳnh Công Toại		21/05/2018-21/11/2018	45,000	1 bài báo HĐCDGS

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	16/5/2017 – 20/5/2017	Đạt 85.25%	101/QĐ-TTKĐ 18/19/2017	Công nhận đạt chất lượng giáo dục	18/09/2017	18/09/2022

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Vũ Hữu Đức